

**LỜI PHẬT DẠY**  
**trong Kinh tạng Nikàya**

QUẢNG TÁNH  
*biên soạn*

LỜI PHẬT DẠY  
trong Kinh tạng Nikàya

**Tập I, II & III**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP.HỒ CHÍ MINH  
2011

# *Lời căn bịch*

*Kính bịch chư tôn đức Tăng Ni,  
Thưa quý nam nữ Phật tử,*

Thoáng chốc mười năm đầu (2000-2010) của thế kỷ 21 đã trôi qua. Một thập niên với rất nhiều biến động về tâm thức và thiên nhiên, khoa học lẫn tâm linh.

Riêng đối với Phật giáo, trong thập niên này, một dấu ấn được khắc họa. Từ năm 1999, Tổ chức Liên Hiệp Quốc đã chính thức công nhận Ngày Đại lễ Vesak - rằm tháng Tư là ngày lễ hội tôn giáo và văn hóa trên toàn thế giới.

Năm Tân Mão - 2011, PL.2555, theo truyền thống Phật giáo Nam truyền, là năm kỷ niệm Đức Phật thành đạo tròn 2.600 năm. Hy vọng rằng đây sẽ là năm mang đậm dấu ấn thiêng liêng về sự minh triết, giác ngộ và giải thoát. Với niềm hoan hỷ này, chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử Ban TTXH tịnh xá Trung Tâm và các tịnh xá trực thuộc tại TP.Hồ Chí Minh phát tâm cúng dường tuyển tập "*Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*" do Đại đức Quảng Tánh biên soạn, giới thiệu khái quát những lời dạy căn bản của Đức Thế Tôn về các phương thức tu tập, trau dồi Giới - Định - Tuệ. Trong lần tái bản này, trọn bộ 3 tập được in để cúng dường chư tôn đức Tăng Ni các trường hạ tại TP.Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, một số tỉnh thành phía Bắc, cao nguyên Trung Bộ, miền Đông và miền Tây Nam Bộ...

Mong rằng, với những ý pháp thiết thực, dễ ứng dụng do Đức Phật chỉ dạy và những lời bình dễ hiểu trong tập sách này sẽ hỗ trợ chư tôn đức Tăng Ni hành giả an cư tăng trưởng tâm hạnh Bồ đề, hướng đến giác ngộ, giải thoát.

Nguyện đem công đức cúng dường Pháp bảo này hồi hướng đến pháp giới chúng sanh trong mười phương đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát Ma ha tát tác đại chứng minh.

TM. TỊNH XÁ TRUNG TÂM  
Trụ trì  
**Sa môn Giác Toàn**

## LỜI GIỚI THIỆU

---

*Lời Phật dạy* là một tiểu mục trong chuyên mục Phật học của báo *Giác Ngộ*. Tiểu mục này được xây dựng từ năm 2003, bằng cách trích tuyển nguyên văn hoặc một phân đoạn của những kinh thuộc *Trường Bộ*, *Trung Bộ*, *Tăng Chi Bộ*, *Tương Ưng Bộ* và *Tiểu Bộ* (Kinh tạng Nikàya) đồng thời kèm theo phần Lời bàn ngắn gọn, súc tích và thiết thực.

Nội dung Kinh tạng Nikàya bao hàm nền tảng căn bản giáo lý Phật đà, rất thiết thân, gần gũi, dễ hiểu và dễ ứng dụng thực hành. Trong những năm qua, *Lời Phật dạy* đã lần lượt giới thiệu đến độc giả rất nhiều pháp thoại với nhiều đề tài khác nhau. Từ những giáo lý căn bản như Tam quy, Ngũ giới cho đến Tứ đế, Duyên khởi, Vô ngã; từ những phương thức xây dựng đời sống gia đình an vui hạnh phúc cho hàng Phật tử tại gia đến các phương pháp tu tập chuyển hóa phiền não nhằm thành tựu các Thánh vị cho hàng đệ tử xuất gia v.v... đều được *Lời Phật dạy* chuyển tải đến bạn đọc.

Với khuôn khổ nhỏ hẹp của trang báo, chắc chắn rằng nội dung của *Lời Phật dạy* chưa thể hiện được hết đầy đủ yếu nghĩa của Kinh tạng. Tuy vậy, với sự tìm tòi rất công phu trong Kinh tạng đồ sộ, trích tuyển kinh văn phù hợp với các nội dung tu tập của từng thời điểm trong năm cùng với cước chú chi tiết nguồn gốc mỗi bản kinh và nhất là phần Lời bàn giản dị mà sâu sắc của tác giả đã giúp cho tiểu mục *Lời Phật dạy*

được đồng đảo bạn đọc quan tâm, ủng hộ.

Nay, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập và thể nghiệm lời Phật dạy của bạn đọc, tác giả tiểu mục *Lời Phật dạy* tập hợp các bài viết đã đăng báo theo từng chủ đề và in thành sách *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* (tập I, II và III). Thiết nghĩ, tập sách này là hành trang cần yếu cho những ai quan tâm nghiên tầm, học tập những tinh hoa mà Đức Phật đã dạy. Với những giá trị tư tưởng, văn bản học nguyên thủy và cổ xưa nhất của Kinh tạng Nikàya, hy vọng độc giả sẽ được gọi nhần trong phạm âm vi diệu của Thế Tôn, thuở Ngài còn tại thế.

Trân trọng giới thiệu sách *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* (tập I, II & III) đến với bạn đọc xa gần.

Tổng Biên tập Báo *Giác Ngộ*

Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG

## LỜI NÓI ĐẦU

---

*Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* là kết tập những bài viết trong mục *Lời Phật dạy* được đăng tải hàng tuần trên báo *Giác Ngộ*. *Lời Phật dạy* được thiết lập nhằm giới thiệu những lời dạy của Thế Tôn trong Kinh tạng Nikàya một cách ngắn gọn, nguyên thủy, dễ nhận thức và thể nghiệm nhất cho độc giả.

Kinh tạng Nikàya là cả kho tàng kinh điển Phật giáo Nam tông (Pàli tạng) rất đồ sộ, hiện đã được chuyển ngữ hoàn toàn sang tiếng Việt, bao gồm Dìgha Nikàya (Trường Bộ), Majjhima Nikàya (Trung Bộ), Samyutta Nikàya (Tương Ưng Bộ), Anguttara Nikàya (Tăng Chi Bộ) và Khuddaka Nikàya (Tiểu Bộ). So với kinh điển Hán tạng thì năm bộ Nikàya chứa phải là nhiều, song với nội dung vô cùng phong phú và được xem là nguyên thủy nhất, Kinh tạng Nikàya là nền tảng căn bản của giáo điển Phật giáo.

Đọc Kinh tạng Nikàya, chúng ta như được sống trong thời đại Thế Tôn và Thánh chúng với bối cảnh xã hội Ấn Độ đương thời cách nay gần 26 thế kỷ. Thế Tôn thật minh triết mà bình dị, đi đến đâu và gặp việc gì thì tùy duyên giáo hóa nên những lời dạy của Ngài vô cùng gần gũi, thiết thân với đời sống con người thời ấy và vẫn còn nguyên giá trị cho nhân loại ngày nay.

Những bài viết trong *Lời Phật dạy* gồm hai phần, kinh văn và lời bàn. Phần kinh văn hầu hết được trích dẫn nguyên bản hay một trích đoạn của kinh hoặc nguyên đoạn kinh nhưng có tính lược những phần lặp lại cùng với xuất xứ cụ thể, chi tiết của đoạn kinh văn đó. Chúng tôi xem đây là phần quan trọng, chính yếu nhất vì đã góp phần giới thiệu đến bạn đọc nguyên văn lời vàng phát xuất từ kim khẩu Thế Tôn. Phần lời bàn, thực ra chỉ là sự giải thích sơ

lược một số từ ngữ hay ý nghĩa kinh văn hoặc là đề xuất một hướng nhận thức cùng sự liên hệ, đối chiếu với thực tế theo thiển ý của người biên soạn, là phần thứ yếu để tham khảo thêm.

Vì tất cả những *Lời Phật dạy* đều được rút ra từ Kinh tạng Nikàya nên khi tập hợp thành sách có tên *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*. Nội dung tuyển tập *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* (tập I, II và III) được sắp xếp theo từng chủ đề riêng biệt. Hy vọng rằng cách hệ thống hóa theo chủ đề sẽ tiện lợi cho việc tra cứu những lời Phật dạy về một đề tài nào đó vốn rải rác ở nhiều nơi trong Kinh tạng. Tuy nhiên, chủ đề ở đây cũng chỉ mang tính quy ước tạm thời vì có những lời Phật dạy tuy cô đọng nhưng hàm súc, bao quát ý nghĩa của nhiều vấn đề.

Về địa điểm xuất xứ của từng pháp thoại, trong kinh văn không phải lúc nào cũng ghi rõ. Gặp trường hợp các pháp thoại không trực tiếp ghi địa điểm, khi biên soạn mục Lời Phật dạy, chúng tôi phương tiện bằng cách lần ngược lại phía trước, lấy đó tái xác lập địa điểm để mỗi pháp thoại đạt được hoàn chỉnh và trang nghiêm. Việc làm này rõ ràng có tính chính xác tương đối nên nhân đây, chúng tôi xin thưa rõ để bạn đọc lưu tâm.

Bằng tất cả sự cố gắng và chân thành, *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*, tập I, II & III, đã ra mắt bạn đọc. Để có được tập sách này, ngoài nỗ lực của bản thân là sự giáo dưỡng, trợ duyên rất nhiều của các bậc thầy, pháp lữ và sự tán trợ của độc giả. Xin chân thành tri ân và ngưỡng mong chư tôn đức cùng bạn đọc hằng soi sáng, chỉ giáo thêm.

*Người biên soạn*

QUẢNG TÁNH

**Lời Phật dạy  
trong Kinh tạng Nikàya**

*Tập I*



## **I. LÒNG TIN**

## 1- LỢI ÍCH CỦA LÒNG TIN

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho thiện nam tử có lòng tin. Thế nào là năm?

Các Thiện nhân, các Chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến các vị có lòng tin, không có như vậy đối với các vị không có lòng tin.

Khi đến thăm, trước hết họ đến thăm những vị có lòng tin, không có như vậy đối với những vị không có lòng tin.

Khi chấp nhận thọ thực, họ chấp nhận trước hết những vị có lòng tin, không có như vậy đối với những vị không có lòng tin.

Họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không cho những người không có lòng tin.

Người có lòng tin, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời.

Những pháp này, này các Tỷ kheo, là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin.

Ví như, này các Tỷ kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, các thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cho nam cư sĩ và nữ cư sĩ.

(ĐTKVN<sup>(\*)</sup>, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sumana, phần Sự lợi ích lòng tin, VNCPHVN<sup>(\*\*)</sup> ấn hành 1996, tr.369)

### LỜI BÀN:

Lòng tin, theo Phật giáo phải là chánh tín, tịnh tín tức niềm tin sau khi đã được kiểm chứng bởi trí tuệ. Niềm tin mà hời hợt, mơ

hồ và dễ dãi đồng thời thiếu hiểu biết về nó chính là mê tín. Vì thế, đã tin thì phải hiểu và hiểu để củng cố, tăng trưởng niềm tin là điều không thể thiếu đối với chánh tín Phật giáo.

Trước hết, hàng Phật tử phải thiết lập được niềm tịnh tín đối với Tam bảo. Bởi chỉ có ánh sáng của Tam bảo mới đủ năng lực xua tan bóng tối của vô minh, đập tắt tham ái và đoạn tận khổ đau. Đỉnh cao của lòng tin là tín tâm, tin tưởng tuyệt đối vào bản tâm thanh tịnh, tự tánh giác ngộ hằng hữu nơi chính bản thân mình. Từ đó nỗ lực tu tập làm hiển lộ chơn tâm sáng suốt, thể nhập chân lý.

Khi đã có lòng tin, người cư sĩ được năm lợi ích. Đó là: được chư tôn thiên đức thương tưởng, thăm viếng, đến nhà thọ trai, thuyết pháp và khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Đặc biệt, chính niềm tịnh tín là “chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cho nam cư sĩ và cho nữ cư sĩ”.

Đức tin là mẹ của tất cả công đức, là nền tảng để phát sanh mọi thiện pháp. Vì vậy, nếu chưa có lòng tin thì phải thiết lập, khi đã phát khởi được tịnh tín rồi thì củng cố và trau dồi để niềm tin thêm kiên cố. Chánh tín và tịnh tín Tam bảo là một trong những vấn đề quan yếu mà mỗi người con Phật phải thành tựu để làm cơ sở cho việc tu học, lợi mình và lợi người. Trong bối cảnh khủng hoảng về niềm tin, hoài nghi các giá trị đạo đức, chạy theo thực dụng như hiện nay thì hơn lúc nào hết hàng Phật tử phải tin sâu lời Phật dạy để sống hướng thiện, vị tha, an vui và giải thoát, đồng thời góp phần bảo lưu, gìn giữ những chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống của dân tộc. ▀

---

(\*) Đại tạng kinh Việt Nam

(\*\*) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

## 2- BIỂU HIỆN CỦA LÒNG TIN

Một thời Thế Tôn trú tại Gomagga, trong khu rừng Simsapà, dạy các Tỷ kheo:

Do ba sự kiện này, này các Tỷ kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba?

Ưa thấy người có giới hạnh; ưa nghe diệu pháp; với tâm ly cấu uế xan tham, sống trong nhà, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, thích thú sự từ bỏ, sẵn sàng khi được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí.

Do ba sự kiện này, này các Tỷ kheo, một người được biết là có lòng tin.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Nhỏ, phần Sự kiện, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.268)

### LỜI BÀN:

Lòng tin, niềm tịnh tín Tam bảo là nhân tố quan trọng cần phải thành tựu để làm nền tảng cho sự tu tập, hướng thiện. Niềm tin vốn tiềm ẩn trong lòng với các phương diện rộng hẹp và mức độ sâu cạn khác nhau. Vì thế, dựa vào những biểu hiện tu học trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người có thể kiểm nghiệm lại niềm tin của chính mình hoặc có thể đánh giá niềm tin của người khác.

Trước hết, biểu hiện cụ thể của lòng tin là tôn trọng và thực hành các chuẩn mực, giá trị đạo đức. Khi một người hâm mộ, ca ngợi và kính ngưỡng người có giới hạnh (đạo đức), chứng tỏ người ấy đang hướng thiện, mong muốn làm bạn với thiện, sợ hãi những điều ác, tin sâu nhân quả. Sự thân cận, quý kính các bậc chân tu, luôn quan tâm đến vấn đề “người tốt, việc tốt” trong xã hội để học tập, noi gương là biểu hiện của người có lòng tin.

Niềm tin của những người con Phật, theo tuệ giác của Thế Tôn,

luôn song hành với hiểu biết. Muốn tin sâu, tin chắc phải hiểu rõ giáo pháp, mở mắt ra để thấy rõ rồi tin mới là chánh tín, tịnh tín. Do vậy, thích thú nghiên tẩm kinh điển, say mê học hỏi giáo pháp nhằm hiểu biết sâu sắc hơn lời Phật dạy và ứng dụng vào cuộc sống để được những lợi ích, an vui là biểu hiện thứ hai của lòng tin.

Khi đã hiểu rõ diệu pháp, thấy được sự mong manh của kiếp người, cuộc đời nên nguyện không nắm giữ, chấp thủ và xả ly. Bố thí, cho, buông bỏ, xả... hết thảy một cách hoan hỷ, tự nhiên vì thấy rõ chẳng có gì xứng đáng để nắm giữ. Sống là cho, là phụng hiến chính là minh triết cao cả và thánh thiện của những tâm hồn tịnh tín. Chỉ những ai thành tựu được niềm tin bất động vào Tam bảo mới làm được điều thí xả trọn vẹn này.

Thì ra, niềm tin tuy ở trong lòng nhưng cũng dễ thấy qua những biểu hiện, hành xử trong cuộc sống. Và quan trọng hơn, thành tựu được niềm tin cũng chính là thành tựu tuệ giác. Chính vì vậy, kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Niềm tin là mẹ của các công đức”.▲

### 3- CHÁNH TÍN

Một thời Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, tại thị trấn của người Kàlà mà, ở Kesaputta. Rồi các người Kàlà mà đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Có một số Sa môn, Bà la môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ và làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ lại bài xích, khinh miệt, chê bai và xuyên tạc quan điểm của người khác. Chúng con có những nghi ngờ và phân vân trong những vị này, ai nói sự thật, ai nói sai sự thật?

Này các Kàlà mà, chớ vội tin vì nghe truyền thuyết, chớ vội tin vì theo truyền thống, chớ vội tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ vội tin vì lý luận siêu hình, chớ vội tin vì đúng theo một lập trường, chớ vội tin vì phù hợp với định kiến, chớ vội tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền và chớ vội tin vì vị Sa môn nói ra những lời ấy là bậc đạo sư của mình.

Này Kàlà mà, khi nào tự mình biết rõ như sau: Các pháp này là bất thiện, là tội lỗi; các pháp này bị những người có trí chỉ trích; các pháp này nếu chấp nhận và thực hiện đưa đến bất hạnh và khổ đau, thì này Kàlà mà, hãy từ bỏ chúng.

Này Kàlà mà, khi nào tự mình biết rõ như sau: Các pháp này là thiện, là không có tội lỗi; các pháp này được những người có trí tán thán; các pháp này nếu chấp nhận và thực hiện đưa đến hạnh phúc và an lạc, thì này Kàlà mà, hãy chứng đạt và an trú.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Lớn, phần Các vị ở Kesaputta, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.336)

#### **LỜI BÀN:**

Thói thường của con người là phạm cái gì vốn của ta, có liên hệ đến ta thì bao giờ cũng tối thắng. Bóng đen của tự ngã luôn bao

trùm, che lấp làm chướng ngại sự thể nhập chân lý đồng thời là cội nguồn dẫn đến mọi khổ đau. Vì thế, nỗ lực để làm sáng tỏ quan điểm, lập trường của mình nhằm phát huy cái ta và cái của ta là chuyện bình thường vốn dĩ của thế gian. Tuy nhiên, song hành với việc bảo vệ quan điểm của mình là hành vi lên án, bài xích và khinh miệt quan điểm của người khác, nhất là những quan điểm tiến bộ là một điều tệ hại; biểu hiện rõ nét của chấp ngã, cuồng tín và vô minh.

Theo tuệ giác Thế Tôn, đối với mọi quan điểm, tư tưởng nên thận trọng, chớ vội tin, cần hoài nghi và xét lại tất cả. Dù nghi ngờ là một trong những phiền não làm chướng ngại thánh đạo nhưng trong nhận thức, hoài nghi là một biểu hiện của trí tuệ vì “đại nghi tức đại ngộ”. Sau hoài nghi mới đi đến niềm tin vững chắc là lộ trình của chánh tín và tịnh tín của những người con Phật. Nếu không được nghi, không được xét lại, chỉ nhắm mắt tin theo thì niềm tin ấy chỉ là mê tín, vô cùng ngậy dại và tăm tối.

Trong quan điểm của mình, Thế Tôn chưa bao giờ phán quyết rồi bắt buộc mọi người phải cúi đầu tin theo đồng thời luôn cho phép và khuyến khích hàng đệ tử đem ra thảo luận, bàn bạc những lời dạy của Ngài. Niềm tin về giáo pháp của hàng đệ tử được thành tựu sau khi quán sát, tư duy và chiêm nghiệm. Đặc biệt là khi rõ biết về điều đó là thiện, không có tội lỗi, thực hành đem đến hạnh phúc, an vui và nhất là trên bình diện nhận thức được những người trí chấp nhận thì hãy tin theo, chúng đạt và an trú, nếu ngược lại thì dứt khoát từ bỏ.

Niềm tin phải đi liền với trí tuệ mới là chánh tín. Cho nên người con Phật không vội tin bất cứ điều gì, họ chỉ tin sau khi thực hành và điều đó mang đến hạnh phúc, an vui cho mình và người, trong hiện tại và mai sau.▀

## 4- LÒNG TIN LÀ TÀI SẢN TỐI THƯỢNG

Một thời Thế Tôn trú ở Àlavi, tại trú xứ của Dạ xoa Alavakka. Rồi Dạ xoa đi đến và nói với Thế Tôn:

Này Sa môn, ta sẽ hỏi ông một câu. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn, hay ta sẽ làm ông bể tim, hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

Này Hiền giả, Ta không thấy một ai ở chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên hay với chúng Sa môn, Bà la môn và loài người có thể làm tâm Ta điên loạn hay làm bể tim Ta, hay nắm lấy chân quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi, nếu ông muốn.

Này Sa môn: “Cái gì đối với người, là tài sản tối thượng? Cái gì khéo hành trì, đem lại chơn an lạc? Cái gì giữa các vị, là vị ngọt tối thượng? Phải sống như thế nào, được gọi sống tối thượng?”.

Này Hiền giả: “Lòng tin đối với người, là tài sản tối thượng. Chánh pháp khéo hành trì, đem lại chơn an lạc. Chân lý giữa các vị, là vị ngọt tối thượng. Phải sống với trí tuệ, được gọi là sống tối thượng”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng I*, chương 10, phần Àlavi, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.471)

### LỜI BÀN:

Con người sống trên đời thường mong ước có được nhiều thứ như tài sản, danh vọng, hạnh phúc v.v... Thế nhưng, khi được hỏi trong những thứ ấy cái nào là tối thượng thì đa phần đều lúng túng vì mong ước của con người vốn vô hạn, không có điểm dừng. Đa phần, với những ai chín chắn và bình tâm thì trả lời một cách nôm na rằng: Những gì đáp ứng được nhu cầu cần thiết nhất



trong hiện tại là tối thượng.

Dạ xoa Alavakka cũng sở hữu được nhiều thứ nhưng vẫn chưa thỏa mãn tham vọng và kiêu căng vốn dĩ của mình, giận dữ vì không biết cái gì là tối thượng để sở hữu, manh tâm chiếm đoạt.

Trong các thứ tài sản, theo tuệ giác Thế Tôn, thì lòng tin là tối thượng. Quan niệm này kể ra cũng lạ nhưng nếu lắng lòng chiêm nghiệm lời Phật thì trực nhận rằng tài sản chỉ là cái đến sau, là kết quả của lòng tin. Bởi “đức tin là mẹ của các công đức”, có lòng tin thì có được tất cả.

Làm gì để được an vui lâu dài cũng là một vấn nạn lớn? Vì niềm vui mà con người có được thì khá nhiều nhưng tất cả đều tạm bợ, qua nhanh đồng thời niềm vui ấy rất khó tìm nhưng dễ mất. Với Thế Tôn, chỉ có thực hành Chánh pháp mới có được hạnh phúc lâu dài.

Vị ngọt của cuộc đời cũng rất nhiều nhưng đa phần đều tựa như chút mật dính trên lưỡi dao, người tham chút mật ngọt ấy sẽ khó tránh được tai họa đứt lưỡi. Đằng sau cái hương vị ngọt ngào ấy luôn là cạm bẫy và hiểm nguy rình rập. Cũng vì chạy theo vị ngọt của cuộc đời mà không ít người thân bại, danh liệt thậm chí tán thân, thất mạng. Ngược lại, hạnh phúc của chúng nghiệm chân lý tức giải thoát và giác ngộ thì vĩnh cửu, an lành nên được gọi là vị ngọt tối thượng.

Để có được một đời sống đúng nghĩa thì chỉ có sống với trí tuệ và minh triết. Vì lẽ, nếu thiếu vắng trí tuệ thì không thể gọi là đời sống cao, văn minh dù vật chất đầy đủ. Mặt khác, chỉ có trí tuệ mới đủ năng lực chế ngự khổ đau, phá tan tà kiến, đạt được tự chủ và tự tại.

Vì vậy, mỗi người con Phật phải nhận ra chân giá trị của cuộc sống để có lòng tin, thực hành Chánh pháp, phát huy trí tuệ và chúng nghiệm giải thoát. ▀

## 5- CHỈ TIN MỘT NGƯỜI

Một thời Thế Tôn ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Có năm nguy hại này, này các Tỷ kheo, trong lòng tịnh tín đối với một người. Thế nào là năm?

Này các Tỷ kheo, người nào được một người tịnh tín, rồi người ấy phạm lỗi và chúng Tăng tùy theo lỗi đã phạm ngưng chúc người ấy, bắt người ấy xuống ngồi cuối. Lại nữa, người nào được một người tịnh tín, rồi người ấy đi đến nơi khác hoặc người ấy bị loạn tâm hay người ấy bị mạng chung.

Người này suy nghĩ: “Người mà ta ái mộ, ưa thích, nay người ấy bị chúng Tăng ngưng chúc, bị bắt xuống ngồi cuối; nay người ấy đã đi xa, bị loạn tâm, bị mạng chung” và người này không còn tịnh tín với các Tỷ kheo. Do không còn liên hệ với các Tỷ kheo khác, người này không nghe diệu pháp, do không nghe diệu pháp nên người này thối đọa khỏi Chánh pháp.

Này các Tỷ kheo, đây là năm nguy hại đối với việc chỉ tịnh tín đối với một người.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Ác hành, phần Tịnh tín đối với một người [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.745)

### LỜI BÀN:

Đức tin vào Tam bảo, nhất là tin Tăng được xem là một yếu tố quan trọng của niềm tịnh tín, làm tăng trưởng phước báo và thăng hoa tinh thần của tự thân. Tăng là một đoàn thể thanh tịnh và hòa hợp, tin Tăng đúng nghĩa là gửi trọn niềm tin vào đoàn thể ấy. Dựa trên niềm tin Tăng bảo, một Phật tử có thể thân cận, gần

gũi để được hướng dẫn và tu học với một vị xuất gia. Thế nhưng chỉ tin vào một vị Tăng duy nhất và gần như phớt lờ với Tăng già, đó là điều nguy hại.

Cộng đồng xuất gia ngày nay chưa thể gọi là rất ráo thanh tịnh, bởi một số vị chưa làm tròn bổn phận xuất gia của mình. Sự thật này tuy ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của chư Tăng nói chung nhưng đó là việc cá nhân, không hề liên hệ đến bản thể Tăng già vốn thanh tịnh và hòa hợp. Cũng chính vì thế mà hiện tồn tại hiện tượng một số người (có thể chưa hiểu sâu sắc về giáo lý hay do sự hướng dẫn thiên kiến của thầy mình) chỉ tin vào một người duy nhất là thầy của tôi, sư phụ của tôi, chân sư của tôi... và đánh mất niềm tin Tăng già.

Cách tin này dễ rơi vào sự sùng kính thái quá đến mê muội, khó tránh khỏi chấp thủ cho người tin và làm tăng tự mãn đối với người được kính tin. Theo tuệ giác của Thế Tôn, đó là những nguy hại. Bởi khi chỉ đặt niềm tin vào một người, rồi người ấy chẳng may thăng trầm, suy thịnh theo lẽ vô thường, dẫn đến chao đảo, hụt hẫng, mất nơi nương tựa tinh thần và thối đọa trong Chánh pháp.

Vì thế, người con Phật phải xây dựng niềm tin, sự kính trọng vào Tăng bảo. Thầy của mình chỉ là một chiếc lá của cây Tăng, một tế bào của cơ thể Tăng. Cây Tăng luôn to lớn, cành lá xum xuê, gốc rễ bền chặt. Chiếc lá có thể vàng úa và rụng rơi nhưng đại thọ kia thì luôn vững chãi. Bỏ quên cây lớn để nắm bắt chiếc lá là một thiệt thòi, lầm tưởng chiếc lá là đại thọ lại càng đáng thương hơn. Và đây cũng là điều mà hàng sơ học cần suy tư để thành tựu niềm tịnh tín Tăng bảo. ▀



## **II. BỐ THÍ & CÚNG DƯỜNG**

## 1- PHƯỚC BÁO THÙ THẮNG CỦA BỐ THÍ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Sumanà, con gái vua cùng năm trăm thiếu nữ hộ tống, đi đến đánh lễ và bạch Thế Tôn:

Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai đệ tử của Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ, một có bố thí, một không bố thí. Sau khi thân hoại mạng chung, cả hai vị ấy được sanh lên cõi trời hoặc sanh lại cõi người thì giữa hai vị ấy, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?

Có sự sai biệt, này Sumanà!

Người có bố thí, khi được làm một vị trời hoặc được làm người đều vượt qua người không bố thí trên năm phương diện. Đó là thọ mạng, nhan sắc, an lạc, danh xưng và tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanà, khi được làm vị trời hoặc được làm người đều vượt qua người không bố thí về năm phương diện này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sumanà, phần Con gái vua, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.351)

### LỜI BÀN:

Trong cuộc sống thường xảy ra trường hợp cùng một công việc, cùng một thời điểm và những người thực hiện công việc ấy vốn có tài sức ngang ngửa nhau, thế nhưng có người thành công rực rỡ và có người lại thành công rất khiêm tốn, thậm chí thất bại. Đối với những người không thành công, đa phần tự an ủi mình bằng lập luận ta chưa tới thời hoặc ca cẩm rằng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”. Ít ai ngờ rằng, nhân tố tiềm ẩn chi phối sự thành công hay thất bại của mỗi người chính là phước báo của

chính họ, do tu tập bố thí trong quá khứ và ngay trong hiện tại.

Theo tuệ giác Thế Tôn, nếu hai người tu tập với niềm tịnh tín Tam bảo, giới đức và trí tuệ ngang nhau nhưng có sự chênh lệch về công hạnh bố thí thì tất nhiên người tu tập về bố thí nhiều hơn sẽ gạt hái những phước báo, vượt thắng rất xa người ít hoặc không tu tập về bố thí. Sự vượt thắng này xảy ra trên năm phương diện thọ mạng, nhan sắc, an lạc, danh xưng và tăng thượng. Vì thế, người Phật tử tu tập giới-định-tuệ phải song hành và phát huy hơn nữa công hạnh bố thí. Đỉnh cao của bố thí là Bố thí Ba la mật, bình đẳng, vô điều kiện và vô ngã. Tu tập bố thí sẽ góp phần thiết thực đem lại hạnh phúc, an vui cho tha nhân và để trang nghiêm phước báo của tự thân.

Phước báo sống thọ và khỏe mạnh, nhan sắc dễ nhìn và khả ái, đời sống an vui, có danh phận rõ ràng, mọi điều vốn tốt đẹp lại càng tốt đẹp thêm (tăng thượng) là mơ ước của mọi người. Do vậy, người con Phật sống và tu tập theo lời Phật dạy luôn thực hành bố thí và cúng dường để đời sống hiện tại và mai sau được hạnh phúc, an lạc như ý.▲

## 2- BỐ THÍ & CÚNG DƯỜNG NHƯ PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Velukandaki làm một thí vật gồm có sáu phần cúng dường chúng Tăng. Bấy giờ, Thế Tôn với thiên nhân thuần tịnh siêu nhiên thấy mẹ của Nanda làm một thí vật gồm có sáu phần liền bảo các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba phần thuộc về người bố thí và có ba phần thuộc về người nhận vật phẩm bố thí. Thế nào là ba phần thuộc về người bố thí? Này các Tỷ kheo, người bố thí, trước khi bố thí, ý được vui lòng; trong khi bố thí, tâm được tịnh tín; sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ. Đây là ba phần của người bố thí. Thế nào là ba phần của người nhận phẩm vật bố thí? Ở đây, này các Tỷ kheo, những người nhận phẩm vật bố thí, đã được ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham; đã được ly sân hay đang thực hành hạnh ly sân; đã được ly si hay đang thực hành hạnh ly si. Đây là ba phần của người nhận phẩm vật bố thí. Như vậy, này các Tỷ kheo, đây là thí vật có sáu phần.

Này các Tỷ kheo, công đức của thí vật sáu phần thật vô lượng: “Là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thực, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, hạnh phúc và an lạc”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, phẩm Chư thiên, phần Bố thí, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.91)

### LỜI BÀN:

Bố thí và cúng dường là pháp tu phổ biến của hàng Phật tử. Tuy nhiên, để đạt được sự bố thí và cúng dường đúng như pháp là



việc không phải dễ dàng đối với người thí và cả người thọ thí.

Người thí chủ thực hành bố thí và cúng dường trước hết phải xuất phát từ sự hân hoan, hoàn toàn tự giác và tự nguyện. Phát tâm bố thí và cúng dường phải đứng trên nền tảng tịnh tín. Bởi lẽ, nếu thiếu tịnh tín thì việc làm cao cả ấy sẽ lệch hướng, chỉ nuôi lớn lòng ngã mạn vì thấy rằng ta là kẻ ban ơn. Vì “của cho không bằng cách cho”, do vậy chưa hẳn nhiều tiền của mà thực hành được tịnh thí. Mặt khác, tu tập bố thí và cúng dường phải thành tựu hoan hỷ, vui vẻ khi đem niềm vui đến cho người. Đây là ba yếu tố cơ bản người thí chủ cần tu tập để đạt được sự bố thí và cúng dường như pháp.

Đối với chúng Tăng, những người thọ thí, lại càng phải nỗ lực để hoàn thiện tự thân hơn vì bao giờ “của biếu là của lo, của cho là của nợ”. Nếu không trau giồi, tu sửa thân tâm, đoạn trừ phiền não thì “tín thí nan tiêu”. Sự thọ nhận càng nhiều chỉ mang nợ đàn na thí chủ càng lớn nếu không tạo ra công đức để hồi hướng cho thí chủ. Vì vậy, song hành với tịnh thí của người thí chủ thì người thọ nhận phẩm vật bố thí, cúng dường phải đạt được sự tịnh thọ, tức sự thọ nhận với tâm thanh tịnh, tâm của người nhận đã và đang đoạn tận tham lam, sân hận và si mê.

Do đó, để việc bố thí và cúng dường như pháp, đạt được lợi ích lớn, công đức vô lượng thì người thí chủ và người thọ thí phải thành tựu “thí vật có sáu phần” như lời Đức Phật đã dạy.▲

### 3- TƯƠNG QUAN GIỮA CHO VÀ NHẬN

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của gia chủ Ugga, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Gia chủ Ugga đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn: “Ai cho vật khả ý thì nhận được điều khả ý”. Vì thế, con có nấu cháo từ hoa cây sàla và rất nhiều loại món ăn thật là khả ý; con có nhiều loại vải dệt từ Kàsi thật là khả ý. Mong Thế Tôn hãy nhận lấy vì lòng từ ái đối với chúng con.

Thế Tôn nhận lời và nói với Ugga bài kệ tùy hỷ này: “Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý, đối với bậc Chánh trực, vui lòng đem bố thí, vải mặc và giường nằm, ăn uống các vật dụng, biết được bậc La hán, được ví là phước điền, nên các bậc Chân nhân, thí những vật khó thí, được từ bỏ giải thoát, không làm tâm đắm trước, người thí vật khả ý, nhận được điều khả ý”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Vua Munda, phần Cho các vật khả ý, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.382)

#### LỜI BÀN:

Cho người thực ra đó là cho mình là một nhận thức quen thuộc của những người con Phật. Vì thế, ngoài tấm lòng từ bi bao dung, độ lượng đối với tha nhân, người Phật tử thực hành bố thí với mục đích nhằm vun bồi phước báo cho chính mình.

Thi ân, sẵn sàng cho đi mà không cầu đền đáp là một phạm trù vốn rất xa lạ và khó làm đối với những người vị kỷ, keo kiệt. Càng

khó khăn hơn đối với họ khi phải cho những vật khả ý, tức những vật mà mình yêu thích. Đa phần, những đồ vật đem cho thường là những vật thừa thãi, vô dụng nhưng “xả” được như vậy đối với họ cũng là quý hóa lắm rồi.

Người Phật tử thì không như vậy, cho người là một nhiệm vụ, một nghĩa cử thiêng liêng. Vì thế, họ sẵn sàng ban tặng những gì mà chúng sanh cần, kể cả những vật khả ý thậm chí dâng hiến cả thân mạng vốn là một tài sản bất khả xâm phạm. Cho những gì mình thích, mình trân quý mới thực sự là cách cho trọn vẹn và khó làm nhất.

Để đạt được cách cho cao cả như vậy không phải người nào cũng làm được mà phải có trí tuệ, thấu hiểu bản chất của cuộc đời là vô thường và vô ngã. Chính tuệ giác vô ngã đã soi sáng cho hành động bố thí thông thường tiến dần đến Bố thí Ba la mật, một sự ban tặng mà vô cầu, vô điều kiện và vô phân biệt.

Tuy vô cầu, vô điều kiện và vô phân biệt trong khi cho nhưng phúc báo của người cho vẫn tròn đủ. Nhân quả trong bố thí rất bình đẳng và đạt đến đỉnh cao nếu người tu tập bố thí đạt đến trình độ Bố thí Ba la mật. Vì vậy, hãy cho tất cả để có được tất cả là lý tưởng, phương châm sống của người con Phật.▲

## 4- BỐ THÍ VỚI TÂM RỘNG LỚN

Một thời, Thế Tôn ở Campà, trên bờ hồ Gaggara. Bấy giờ có nhiều cư sĩ ở Campà cùng Tôn giả Sàriputta đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn và do nhân gì, do duyên gì có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

Ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc (về kết quả), bố thí với ý nghĩ “tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau”. Vị ấy bố thí như vậy, khi thân hoại mạng chung được cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Khi nghiệp lực được đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận thì trở lui trạng thái này.

Nhưng ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí không với ý nghĩ “ta sẽ hưởng thọ cái này ở đời sau”, chỉ bố thí với ý nghĩ “lành thay sự bố thí”. Vị ấy bố thí để trang nghiêm tâm. Do bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Phạm Chúng. Khi nghiệp lực đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất lai, không trở lui trạng thái này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 7, phẩm Tế đàn, phần Bố thí, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.355)

**LỜI BÀN:**

Bố thí là một pháp tu quan trọng, phổ biến, dễ thực hành đối với hàng Phật tử nhằm cải thiện và tăng thượng phước báo cho tự thân. Bố thí có nhiều chủng loại, pháp thức, mục đích và tâm nguyện khác nhau. Do vậy, cùng tu tập về bố thí nhưng tùy mục đích và tâm nguyện của mỗi người mà có kết quả, phước báo sai biệt.

Điều mà ai cũng biết là bố thí sẽ mang lại phước báo tốt lành trong hiện tại và mai sau. Tuy nhiên, ngoài việc mong cầu phước báo, bố thí còn là một hình thức của tu tập về xả, nhằm đoạn tận chấp thủ và đạt đến ly tham. Do vậy, hành giả tu tập bố thí phải nỗ lực để vượt tới đỉnh cao Bố thí Ba la mật. Bố thí Ba la mật là một hình thức bố thí siêu việt chủ thể và đối tượng. Ở đây, hoàn toàn vắng mặt tác ý phân biệt về người cho, người được cho và cái đem cho đồng thời siêu việt cả kết quả, nhờ đó công đức trở thành vô lượng.

Theo tuệ giác Thế Tôn, nếu bố thí với hữu tâm, có điều kiện thì gặt được phước báo hữu hạn. Đó là phước báo đầy đủ, sung mãn của cõi trời Tứ Thiên Vương, thuộc Dục giới. Nhưng nếu bố thí vô tâm, không điều kiện, chỉ “lành thay, sự bố thí” thì được sanh vào Phạm Chúng thiên, thuộc Sắc giới. Và điều đáng lưu tâm ở đây là khi hết phước báo ở cõi trời thì người bố thí hữu tâm sanh lại cõi người, trong khi đó người bố thí vô tâm sẽ chứng đắc Đệ tam Thánh quả A na hàm, trở thành vị Bất lai, không còn đọa lạc.

Vì thế, tu tập bố thí muốn đạt được lợi ích lớn và kết quả lớn thì tâm phải rộng lớn, không mong cầu, không trói buộc, vô tâm; bởi chỉ có vô tâm mới đạt được công đức, phước báo vô lượng. ▀

## 5- CỘI PHƯỚC

Một thời, Thế Tôn trú tại Gomagga, trong khu rừng Simsapà, dạy các Tỷ kheo:

Do sự có mặt của ba pháp, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Thế nào là ba?

Do sự có mặt của lòng tin, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của vật bố thí, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của các vị xứng đáng cúng dường, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

Do sự có mặt của ba pháp này, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Nhỏ, phần Sự có mặt, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.268)

### LỜI BÀN:

Vô phước thì vô phần là quan niệm phổ biến trong dân gian. Những ai từng trải nghiệm trong đời hẳn thấy rõ tầm quan trọng của phước báo, bởi lẽ dù cho tài trí đến mấy mà thiếu phước thì chưa chắc đã thành công. Phước báo của mỗi người giống như cây cối có gốc rễ, thân cành và hoa trái. Vì thế cây phước cần phải tưới tắm, chăm bón và vun trồng thì mới tốt tươi và trổ quả phước thơm ngọt.

Lòng tin là cội rễ của cây phước, giúp nó vững chãi trước mọi giông tố cuộc đời. Chánh tín là tin nhân quả-nghiệp báo, tin chắc những việc làm, lời nói và suy nghĩ của mình trong hiện tại sẽ có hiệu ứng trong tương lai, hoặc xa hoặc gần, hoặc tốt hoặc xấu tùy theo nghiệp nhân hiện tại. Tin tưởng sâu sắc vào Tam bảo, vì Tam

bảo sẽ soi sáng cho đời mình thăng hoa theo hướng thiện lành. Chính lòng tin này là gốc rễ của phước báo, nền tảng cho con người làm lành, tạo phước và từ bỏ, tránh xa những điều xấu ác. Cây phước lớn dần lên nhờ bố thí, cúng dường. Luôn mở rộng vòng tay đối với người nghèo khổ và cung kính phụng hiến những bậc trưởng thượng, cao đức. Thương kính luôn được biểu hiện gắn liền với ban tặng, phụng cúng. Chính những việc làm cụ thể này sẽ vun bồi cội phước, trưởng dưỡng thân cành, hoa trái phước đức tươi tốt xum xuê.

Quan trọng hơn là việc bố thí đúng đối tượng, cúng dường cho người xứng đáng có đầy đủ giới đức. Như cây được chăm sóc đúng mức cùng với điều kiện thời tiết thuận lợi sẽ lớn mạnh thêm và chắc chắn trĩu quả. Cũng vậy, cây phước nếu được vun trồng đúng thời, đúng việc và đúng đối tượng sẽ cho quả phước như ý.

“Có phước có đức thì mặc sức mà hưởng” đã khẳng định tầm quan trọng của phước báo. Do vậy, vun trồng cội phước với đầy đủ ba phương diện lòng tin, vật bố thí và người nhận xứng đáng là một pháp tu, điều không thể thiếu trong hành trang tu học của những người con Phật.▲

## 6- BỐ THÍ THANH TỊNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này. Thế nào là bốn?

Có bố thí, này các Tỷ kheo, thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận; có bố thí thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho; có bố thí không thanh tịnh từ người cho cũng không thanh tịnh từ người nhận; có bố thí thanh tịnh từ người cho cũng thanh tịnh từ người nhận.

Ở đây, này các Tỷ kheo, người cho có giới, theo thiện pháp còn người nhận là ác giới, theo ác pháp. Như vậy là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận.

Này các Tỷ kheo, ở đây, người bố thí ác giới, theo ác pháp còn người nhận có giới, theo thiện pháp. Như vậy là bố thí người nhận thanh tịnh, người cho không thanh tịnh.

Ở đây, này các Tỷ kheo, người cho là ác giới, theo ác pháp và người nhận cũng là ác giới, theo ác pháp. Như vậy là bố thí, người cho không thanh tịnh và người nhận cũng không thanh tịnh.

Này các Tỷ kheo, ở đây, người bố thí có giới, theo thiện pháp và người nhận cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy là bố thí người cho thanh tịnh và người nhận cũng thanh tịnh.

Này các Tỷ kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương IV, phẩm Không hý luận, phần Thanh tịnh thí vật, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.706)



**LỜI BÀN:**

Bố thí và cúng dường là một trong những pháp tu quan trọng của hàng Phật tử. Tuy nhiên, để bố thí và cúng dường thực sự có lợi ích, mang ý nghĩa tịnh thí thì người cho lẫn người nhận phải nỗ lực để tự hoàn thiện mình.

Biện chứng giữa tương quan cho và nhận của tịnh thí cho thấy không phải hề có tài vật là có thể cho một cách đúng pháp được đồng thời cũng không thể nếu có người cho thì có thể vô tư để thọ nhận được. Người cho phải quán sát xem những gì được đem cho xuất phát từ đâu, có phải tịnh vật hay không? Người nhận cũng nên tự vấn lương tâm xem mình đã xứng đáng, có phần nào tương ứng để thọ nhận sự bố thí và cúng dường ấy để hồi hướng phước báo cho thí chủ hay không? Nếu tương quan này khập khiễng, tức giữa người cho hoặc người nhận không thanh tịnh thì sự tịnh thí không thành, thậm chí chỉ còn lại hình thức trao đổi, hoán chuyển giá trị như muôn vàn sự trao đổi khác trong cuộc sống.

Vậy thì, muốn có được sự tịnh thí, người cho và người nhận chỉ cần tuân thủ nguyên tắc “có giới, theo thiện pháp”. Khi một người sống trong sự bảo hộ của giới pháp đồng thời nỗ lực làm các việc lành thì tự thân đã đầy đủ phước báo xứng đáng để cho và nhận. Trong mọi trường hợp, thành tâm và nhất tâm vẫn là điều kiện cơ bản và then chốt nhất để tác thành bố thí thanh tịnh.

Cho là một nghĩa cử cao đẹp, là biểu hiện của tâm xả. Tuy vậy, để sự thí xả ấy đạt được phước báo viên mãn thì phải nỗ lực để thành tựu tịnh thí tức người cho, vật đem cho cùng người nhận phải thanh tịnh và nhất tâm. Vì thế, sống “có giới, theo thiện pháp” nhằm trang nghiêm phước báo tự thân nhờ tịnh thí luôn là phương châm sống của những người con Phật.▲

## 7- NHÂN DUYÊN CỦA GIÀU VÀ NGHÈO

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại tinh xá ông Anàthapindika. Có thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Thưa Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì giữa loài người với nhau, chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn?

Này Thanh niên, hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói:

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không bố thí, cúng dường cho Sa môn hay Bà la môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, ngựa cưỡi, y dược, đèn đuốc, nhà cửa... Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú và đọa xứ. Nếu được sanh vào loài người, người ấy phải chịu nghèo hèn, có tài sản nhỏ.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông có bố thí và cúng dường cho Sa môn hay Bà la môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, ngựa cưỡi, y dược, đèn đuốc, nhà cửa... Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới. Nếu sanh vào loài người, người ấy được giàu sang, có tài sản lớn.

(ĐTKVN, *Trung Bộ III*, kinh Tiểu nghiệp phân biệt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.478)

### LỜI BÀN:

Bố thí và cúng dường là những nhân lành để tạo hoa trái phước báo giàu sang cho đời này và những đời sau. Do vậy, những người khá giả, có tài sản lớn trong hiện đời là biểu hiện cụ thể, rõ rệt nhất của phước báo bố thí và cúng dường. Ngược lại, những người không tu tập hạnh bố thí và cúng dường thì không có phước báo

nên hiện tại rất nghèo hèn, có tài sản ít ỏi dù quanh năm lam lũ, lao nhọc.

Trong các đối tượng thọ nhận bố thí và cúng dường thì các bậc Sa môn, những người tu hành là xứng đáng nhất. Bởi lẽ, nhân cách của họ đã đạt đến sự toàn thiện, đầy đủ đức hạnh phước báo trang nghiêm. Các ngài là ruộng phước điền tối thượng để chúng sanh gieo trồng phước đức. Cố nhiên, không vì thế mà người bố thí và cúng dường chỉ hướng đến những vị đạo cao đức trọng mà bỏ quên những kẻ nghèo hèn. Chính sự phát tâm bố thí rộng rãi, không phân biệt, không chấp thủ mới là đỉnh cao của bố thí và tạo ra phước báo vô lượng.

Tuy nhiên, không ít người vẫn thắc mắc về những hiện thực có tính chất phi nhân quả như những kẻ bất nhân, làm ăn phi pháp, tạo nghiệp bất thiện nhưng vẫn sống giàu sang, có nhiều thế lực và tài sản lớn. Nên biết rằng, sự giàu sang ấy là dư báo của bố thí và cúng dường trong những tiền kiếp của họ chứ không phải do làm ăn phi pháp trong đời này mà có được. Đồng thời những người hiền lành, làm ăn lương thiện mà vẫn đói nghèo là do họ thiếu phước báo bố thí và cúng dường chứ không phải vì thật thà, lương thiện mà bị thua thiệt, đói nghèo.

Bố thí và cúng dường là pháp tu căn bản quyết định phước báo trong đời này và đời sau. Đặc biệt là ai cũng thực thực hiện được pháp tu này. Vì nếu không có tài sản để bố thí và cúng dường thì phát tâm tùy hỷ thí, phước đức của hai người vẫn bằng nhau. Do vậy, hãy bố thí và tùy hỷ thí để cải thiện phước báo của chính mình được đầy đủ, giàu sang và có tài sản lớn như lời Phật đã dạy.▶

## 8- HAI HẠNG NGƯỜI ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

Một thời, Thế Tôn ở tại Sàvatthi, vườn ông Anàthapindika. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Có bao nhiêu hạng người, bạch Thế Tôn, đáng được cúng dường ở đời? Và chỗ nào cần phải bố thí và cúng dường?

Này gia chủ, có hai hạng người đáng được cúng dường ở đời: Hữu học và Vô học. Đối với hai hạng người này xứng đáng được cúng dường ở đời. Và này gia chủ, ở đây (tinh xá Kỳ Viên) cần phải bố thí và cúng dường.

“Hữu học và Vô học; cả hai ở trong đời; đều đáng được cúng dường; đối với người dâng cúng; phải giữ thân chánh trực; cả lời nói, ý nghĩ; phước điền người dâng cúng; đây thí có quả lớn”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.121)

### LỜI BÀN:

Bố thí là mở rộng tấm lòng, ban phát cho những người nghèo khổ thực phẩm, quần áo, thuốc men... hay tạo sinh kế cho người cơ nhỡ, thất nghiệp. Cúng dường là dâng cúng phẩm vật lên những bậc tu hành phạm hạnh với lòng kính trọng, tâm nguyện chí thành. Tất cả những phước báo tốt đẹp trong hiện tại và tương lai đều nhờ vào sự gieo trồng phước đức bố thí và cúng dường này.

Được cúng dường những bậc giới đức, phạm hạnh càng cao thì phước báo càng lớn. Gia chủ Anàthapindika (Cấp Cô Độc), đệ tử ngoại hộ trụ tín của Thế Tôn, không chỉ cúng dường Phật và chư Tăng mà còn cúng dường hết thầy các Sa môn, Bà la môn.

Nhưng khi muốn xác định hạng người nào xứng đáng được cúng dường nhất thì Thế Tôn khẳng định đó là hai hạng Hữu học và Vô học. Vì đây là những Thánh giả đã từng bước đoạn tận phiền não, tham ái, chứng đắc quả vị từ Tu đà hoàn, Tư đà hàm đến A na hàm (Hữu học) và đặc biệt những vị Thánh A la hán (Vô học) hoàn toàn đoạn tận kiết sử, thoát ly sanh tử, phước trí trang nghiêm là ruộng phước tối thượng ở đời. Thế Tôn còn xác định trụ xứ cần phải cúng dường chính là những đạo tràng tu tập của chư Tăng như các tinh xá, chùa viện. Vì đó là nơi sản sinh ra những bậc Thánh Hữu học và Vô học mà không nơi nào có thể thành tựu được.

Song hành với việc xác định đúng địa điểm và đối tượng cúng dường, người Phật tử phải trang nghiêm tự thân bằng cách tu tập hướng đến thanh tịnh ba nghiệp. Theo tuệ giác Thế Tôn, người cúng dường cần phải chuyển hóa ba nghiệp thân miệng ý cho thanh tịnh thì phước báo mới thật sự tròn đầy. Đây chính là như pháp cúng dường tức thực hành viên mãn cả hai phương diện trên sẽ tạo ra phước báo vô lượng cho thí chủ.▶

## 9- NGƯỜI CÀY RUỘNG

Một thời, Thế Tôn ở Magadha, tại làng Ekanàlà. Lúc bấy giờ là thời gian gieo mạ, Bà la môn Kasi Bhàradvaja sắp đặt khoảng năm trăm lưỡi cày, đang phân phát đồ ăn cho nhân công thì Thế Tôn đi đến.

Bà la môn Kasi Bhàradvaja thấy Thế Tôn đang đứng khát thực, thấy vậy liền nói:

Này Sa môn, tôi cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, tôi ăn. Còn ông, ông có cày và gieo mạ không, nếu không thì lấy gì ông ăn?

Này Bà la môn, Ta cũng có cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn.

Nhưng chúng tôi không hề thấy cái ách, cái cày, cái lưỡi cày, cây gậy hay các con bò của ông. Ông nói là nông phu nhưng không hề thấy ông cày cấy. Hãy nói cho chúng tôi biết là ông thực sự có cày cấy.

Này Bà la môn: Lòng tin là hạt giống, khổ hạnh là mưa móc, trí tuệ đối với ta là cày và ách mang, tầm quý là cán cày, ý căn là dây cột, chánh niệm đối với ta là lưỡi cày, gậy đâm... đưa ta tiến dần đến, an ổn khỏi ách nạn, đi đến không trở lui, chỗ ta đi không sâu. Như vậy cày ruộng này, đưa đến quả bất tử, sau khi cày ruộng này, mọi đau khổ được thoát.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Cày ruộng, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr. 377)

### LỜI BÀN:

Không phải ngày nay mà từ thời Thế Tôn tại thế, đời sống thánh thiện, cao cả của người xuất gia chưa hẳn được đại đa số

dân chúng hiểu rõ để tán thán và tôn vinh. Thắng hoặc đây đó vẫn phảng phất những quan điểm lệch lạc rằng tu sĩ là những thành phần lười biếng lao động, ăn bám và là gánh nặng của xã hội. Quan niệm thiển cận của Bà la môn Kasi Bhàradvāja là một điển hình.

Thế Tôn đã khẳng định rõ lập trường rằng Ngài và những đệ tử xuất gia của Ngài là những người lao động chân chính. Thành quả lao động của Thế Tôn là hoàn thiện tự thân, giải thoát giác ngộ đã ảnh hưởng tích cực đến xã hội, góp phần hướng thiện giúp ổn định và phát triển xã hội.

Tuy không cày ruộng và gieo mạ nhưng Ngài vẫn là một nông phu thực thụ vì đã cày xới đất tâm, gieo trồng hạt giống Thánh nhân và gặt hái được hoa trái giải thoát. Vì thế, dâng cúng vật thực cho Thế Tôn và những đệ tử giới đức, đạo hạnh là nghĩa vụ đồng thời là phương thức vun bồi, nâng cao phước báo tự thân của hàng Phật tử. Tuy nhiên, hàng đệ tử xuất gia nếu không hoàn thiện sứ mạng của mình thì rõ ràng không xứng đáng và không có quyền thọ nhận bất cứ sự dâng cúng nào.

Ngày nay, khi người xuất gia ngày một đông, sự dâng cúng của tín đồ ngày càng hậu hĩ thì trách nhiệm của chư Tăng lại càng nặng nề thêm. Pháp thoại giữa Thế Tôn và Bà la môn Kasi Bhàradvāja vẫn còn nóng hổi tính thời sự, là bài học quý báu để Tăng tín đồ Phật tử suy gẫm nhằm sống và tu tập ngày một tinh tấn hơn. ▀

## 10- XÚNG ĐÁNG LÀ RUỘNG PHƯỚC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thành tựu sáu pháp này, Tỷ kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ kheo, khi mắt thấy sắc, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân xúc chạm... khi ý biết pháp, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Đáng được cung kính, phần Đáng được cung kính [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.9)

### **LỜI BÀN:**

Thường thì hàng Phật tử, vâng lời Phật dạy, luôn kính lễ và cúng dường hàng xuất gia, bởi chư Tăng là ruộng phước tối thắng để mọi người gieo trồng phước đức. Thế nhưng, trong chư Tăng không hẳn ai cũng nhận thức đúng như Pháp, như Luật về điều ấy, vẫn còn không ít người mới bước vào đạo quan niệm sai lạc rằng việc cúng dường là “pháp nhĩ hiệp cúng” (Cảnh sách) mà không lo tự hoàn thiện mình, như Tổ Quy Sơn đã từng cảnh tỉnh.

Thực ra, để làm ruộng phước đích thực cho tín thí không phải là điều khó song cũng chẳng dễ dàng, đó là hộ trì sáu căn đồng thời



đây cũng là nhiệm vụ, trọng tâm tu tập của hàng xuất gia. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, nếu không hộ trì thì tham sân si ác nghiệp được tạo ra nhưng nếu có chánh niệm tỉnh giác, không nắm bắt, không chạy theo thì ba nghiệp thanh tịnh. Chính sự tịnh nghiệp này mới có khả năng tạo ra phước đức cho tín chủ; những người gieo trồng, vun bồi cõi phước.

Hộ trì chứ không đóng kín các giác quan, vẫn sống trong cuộc đời với đầy đủ sắc màu, vẫn thấy nghe hay biết đầy đủ nhưng thực sự làm chủ để không vướng mắc. Thương hay ghét, thích và không thích cũng đều kẹt. Sự an nhiên hay các căn được hộ trì là ở chỗ vượt lên sự thấy biết theo nghiệp bình thường để thấy biết với tâm chánh niệm tỉnh giác. Chính tâm “trú xả”, buông bỏ, không dính mắc khi đối duyên xúc cảnh là tác nhân chính yếu để hình thành nhân cách của bậc Thánh, nền tảng của mọi phước điền.

Hàng ngày, người xuất gia đều thọ nhận sự cung kính và cúng dường, đó là vay, là nợ. Phải làm gì để trả số nợ ấy luôn là điều ưu tư hàng đầu của hàng sơ tâm xuất gia. Theo tuệ giác Thế Tôn, người tu chỉ cần hộ trì vững chãi sáu căn. Khi sáu căn được hộ trì, nghiệp mới được đoạn giảm, phước đức càng tăng thêm, không chỉ xứng đáng là ruộng phước cho hàng Phật tử mà còn là cơ sở để người xuất gia bước lên những Thánh vị, đạt được giải thoát và an lạc.▲



### **III. LÀM GIÀU**

## 1- KINH DOANH THÀNH CÔNG

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, vườn Ghosita, rồi Tôn giả Sàriputta đi đến đánh lễ và bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì có người buôn bán thất bại, không thành tựu như ý muốn? Có người buôn bán thành tựu như ý muốn và thành tựu ngoài ý muốn?

Này Sàriputta, có hạng người đi đến vị Sa môn, hứa hẹn giúp đỡ nhưng không cho như đã hứa. Người ấy, sau khi mạng chung đi đến chỗ này, dẫu có buôn bán gì cũng đi đến thất bại, không thành tựu như ý muốn.

Nhưng ở đây, này Sàriputta, có hạng người đi đến vị Sa môn hứa hẹn giúp đỡ, và người ấy đã cho như đã hứa. Sau khi mạng chung, người ấy đi đến chỗ này, dẫu buôn bán gì cũng thành tựu như ý muốn.

Ở đây, này Sàriputta, có hạng người đi đến vị Sa môn hứa hẹn giúp đỡ, và người ấy đã cho nhiều hơn như đã hứa. Người ấy sau khi mạng chung, đi đến chỗ này, dẫu buôn bán gì cũng được thành tựu ngoài ý muốn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, Chương IV, phẩm Không hý luận, phần Buôn bán, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.708)

### LỜI BÀN:

Hàng Phật tử tại gia, ngoài việc tu học còn có một nhiệm vụ khác vô cùng quan trọng là lo kiếm sống. Không ít người trong hàng Phật tử kiếm sống bằng công việc kinh doanh, buôn bán lương thiện. Tuy nhiên, không hẳn ai cũng buôn bán thành công dù tận lực với công việc.

Trong bối cảnh kinh doanh đầy biến động như hiện nay, chỉ xét riêng về những người làm ăn chân chính, có nhiều người phất lên

nhanh chóng nhưng cũng có không ít người ngậm đắng nuốt cay vì công việc trì trệ, thậm chí lỗ lã và dẫn đến tán gia bại sản.

Để lý giải cho thành công của mình, đa phần những doanh nhân đều cho rằng họ biết nhìn xa trông rộng, nắm bắt được quy luật thị trường và có chút phần may mắn. Đối với những doanh nhân làm ăn thất bại thì tiếc nuối tìm cơ hội khác, vì mình đâu kém ai nhưng sự đời vốn “mưu sự tại người nhưng thành sự tại trời”.

Ít ai ngờ rằng, công việc kinh doanh của họ trong hiện tại thành công hay thất bại có liên hệ mật thiết với phước báo mà họ đã gieo trồng trong quá khứ. Chính điều này đã lý giải rõ ràng điều mà ngành kinh tế học không lý giải nổi, đó là cơ may thị trường.

Vì thế, người con Phật khi “làm chơi mà ăn thiệt” thì không vội tự mãn; khi “làm thiệt mà ăn chơi” thì chẳng nên chán nản, bi quan. Bởi trong kinh doanh, ngoài năng lực, nhạy bén, biết chớp thời cơ, nắm bắt cơ hội thì may mắn vẫn là yếu tố quan trọng, đôi khi mang tính quyết định. May mắn ấy, theo Phật giáo chính là phước báo của mỗi người.

Phước báo được tô bồi, vun đắp bởi nhiều đời, làm nhiều điều thiện. Ảnh hưởng mạnh nhất là sự tạo phước bằng cách trợ duyên cho người thành tựu giới đức có điều kiện tu tập. Do vậy, hãy xây dựng phước báo cho mình trong đời này và đời sau bằng cách phát nguyện hộ trì người tu hành và thực hiện đúng như những gì mình đã phát nguyện.▲

## 2- KHÔNG KINH DOANH PHI PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Này các Tỷ kheo, có năm nghề buôn bán mà người cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm?

Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu và buôn bán thuốc độc.

Năm nghề buôn bán này, này các Tỷ kheo, người cư sĩ không nên làm.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Nam cư sĩ, phần Người buôn bán, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.646)

### LỜI BÀN:

Kinh doanh, buôn bán là một trong những nghề nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao, có nhiều cơ hội để thành công trở nên giàu có nhưng đồng thời cũng dễ dàng chuốc lấy thất bại. Vì lẽ, sự biến động về thị trường, giá cả và cạnh tranh rất dữ dội, trong khi quyết định đầu tư đôi lúc chỉ xảy ra trong tích tắc. Dù thương trường luôn là chiến trường nhưng từ xưa cho đến nay, kinh doanh buôn bán vẫn là một nghề hấp dẫn vì “phi thương bất phú”, không lao vào kinh doanh thì khó mà giàu lên được.

Tuy nhiên, không phải ai cũng dùng công sức và trí tuệ của mình để làm ăn chân chính, kinh doanh hợp pháp với hoài bão đem lại hạnh phúc cho tự thân và góp phần cải thiện, nâng cao đời sống xã hội. Để kiếm tiền nhanh chóng, chạy theo siêu lợi nhuận,

không ít người đã táng tận lương tâm, làm ăn phi pháp, gây ra biết bao tai họa. Những phi vụ đen về vũ khí, hạt nhân; các đường dây buôn bán phụ nữ; những hoạt động buôn bán ma túy, rửa tiền có tính đa quốc gia của các tập đoàn, băng nhóm tội phạm đã trở thành mối hiểm họa, đe dọa an ninh và sức khỏe của nhân loại trên toàn cầu.

Không phải đến tận ngày nay nhân loại mới báo động đỏ, tấn công không khoan nhượng với các loại tội phạm kinh tế, mà ngay từ thời Thế Tôn, Ngài đã lên án, tuyên chiến và khai tử đối với loại tội phạm cực kỳ nguy hiểm này. Người Phật tử, vâng lời răn dạy của Thế Tôn không nên và không được buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu và buôn bán thuốc độc.

Ngày nay, nhân loại đang sống trong thời đại văn minh và tiến bộ, song những thủ đoạn làm ăn bất chính của các tập đoàn, băng đảng tội phạm lại càng tinh vi hơn, đặc biệt cực kỳ nguy hiểm vì mang tính toàn cầu. Hơn ai hết, người con Phật luôn ý thức sâu sắc về sự nguy hại của những hoạt động kinh doanh phi pháp, chạy theo lợi nhuận mà không màng đến hậu quả để làm ăn lương thiện nhằm xây dựng hạnh phúc, an vui bền vững cho bản thân và xã hội. Kiên quyết đấu tranh với các hình thức kinh doanh bất chính, phi nhân và phi nghĩa là hành động thiết thực của người Phật tử, sống theo lời Phật dạy.▲

### 3- LÀM GIÀU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến, sau khi đánh lễ và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika.

Này Gia chủ, có năm lý do để gây dựng tài sản. Thế nào là năm?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâm góp với sức mạnh của bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi, thâm được một cách hợp pháp. Tự mình làm an lạc, hoan hỷ. Làm cho cha mẹ, vợ con, người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hỷ. Đây là lý do thứ nhất để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Vị này làm cho bạn bè, thân hữu an lạc, hoan hỷ. Đây là lý do thứ hai để gây dựng tài sản.

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Các tai họa để trở thành trắng tay bị chặn đứng và vị ấy giữ tài sản được an toàn cho vị ấy. Đây là lý do thứ ba để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Vị ấy có thể hiến cúng cho bà con, cho khách, cho hương linh đã chết; hiến cúng cho vua và chư thiên. Đây là lý do thứ tư để gây dựng tài sản.

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Vị ấy tổ chức cúng dường các vị Sa môn, Bà la môn. Sự cúng dường tối thượng này đưa đến phước báo vô lượng ở cõi người, cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản.



(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Vua Munda, phần Trở thành giàu [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.374)

### **LỜI BÀN:**

Đề cập đến Phật giáo, xưa nay đa phần đều nghĩ về khuynh hướng ly dục, muốn ít và thanh bần. Ít ai ngờ rằng, Thế Tôn từng khuyến khích hàng đệ tử phải cố gắng làm giàu. Hãy gầy dựng tài sản, làm giàu với năm mục đích cao thượng. Làm cho cá nhân và xã hội trở nên giàu có, thịnh vượng là khát vọng của nhân loại. Thế nhưng, con đường để trở thành giàu có không phải ở đâu và lúc nào cũng chân chính, là thành quả lao động khó nhọc từ khối óc và bàn tay. Vì thế, người Phật tử vâng lời Thế Tôn dạy, làm giàu chân chính bằng sự nỗ lực, cố gắng; bằng tất cả trí tuệ và sức lực; bằng các phương thức lao động, kinh doanh hợp pháp. Đồng thời, việc tạo ra của cải vật chất với mục đích cao cả là đem lại sự an vui và hạnh phúc cho mình và tha nhân.

Người Phật tử làm giàu trước hết nhằm đem lại hạnh phúc cho tự thân, gia đình và các nhân công, người phục vụ. Kế đến, đem tài sản của mình làm ra cho bà con, thân hữu, bè bạn và tha nhân được an vui, hạnh phúc. Mặt khác, biết cách bảo vệ thành quả lao động đồng thời không lãng phí và đầu tư vào những công việc không đem lại lợi ích cho con người. Ngoài ra, người Phật tử phải biết đem tài sản do mình làm ra để xây dựng các công trình văn hóa, nhớ về cội nguồn, cúng tế ông bà, tổ tiên và bố thí cho các vong hồn đói khát. Sau cùng, người con Phật phải biết hướng về các vị bồ lao, những người có đời sống đạo đức, phạm hạnh như Sa môn để cúng dường đồng thời học theo đức hạnh của các ngài nhằm xây dựng phước báo tốt đẹp cho tự thân trong đời này và đời sau.

Làm giàu với năm mục đích cao thượng như trên, người con Phật đã góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, công bằng, tiến bộ và văn minh.▲

## 4- GIÀU LÊN DỄ SANH TẬT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến, bạch Thế Tôn:

Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: “Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác. Trái lại, thật là nhiều thay, những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác”.

Thật sự là như vậy, thật sự là như vậy, thưa Đại vương: “Loài người bị đắm say; Trong tài sản, trong dục; Họ tham lam, điên dại; Trong các dục ở đời; Không ý thức rõ ràng; Đã quá độ mê say; Chẳng khác gì con nai; Không thấy đặt bẫy sập; Về sau họ khổ đau; Chịu quả báo ác nghiệp”.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 3, phẩm 1, phần Thiểu số [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.170)

### LỜI BÀN:

Thường thì chúng ta hay quy kết cho đói nghèo là nguyên nhân chủ yếu của các tệ nạn xã hội. Thế nhưng khi con người và xã hội giàu có lên cũng không hẳn là giảm bớt đi những tệ nạn ấy, đôi khi lại còn trầm trọng hơn.

Giàu lên bằng sự làm ăn chân chính là điều ai cũng mong muốn. Khi chia tay với cái đói nghèo, sánh vai cùng khấm khá,

giàu sang nhưng chớ ảo tưởng rằng ta đã thành công, đang neo thuyền đời nơi bến bờ hạnh phúc. Thực tế cho thấy không phải hễ “có tiền thì mua tiên cũng được”. Sự đổi đời, giàu lên nhanh chóng dễ dàng tạo ra chêngh vênh, lúng túng, thậm chí lệch lạc trong nhận thức cũng như hành động và đem đến không ít bất hạnh trong đời.

Khi trong tay có tiền, nếu không biết làm chủ bản thân, tư tưởng hưởng thụ bất chính bắt đầu trỗi dậy. Không ít các trò đua đòi chưng diện xa hoa, ăn chơi trác táng và tệ hại hơn là quan niệm sống hưởng thụ, trụy lạc, sa đọa bắt đầu từ đây. Bằng chứng là những con nghiện, các “anh hùng xa lộ”, những dân chơi “lắc” thâu đêm suốt sáng ở vũ trường v.v... hiện nay phần lớn đều là người giàu hoặc con cái nhà giàu.

Đó là chưa kể đã giàu lại mong muốn giàu thêm. Có tiền sanh ra đủ tật: ăn nhậu, bài bạc, chơi bời, chim chuột... và để bù cho những khoản chi vì các tật xấu ấy nên mới có tham quan, hối lộ, bòn rút của công hoặc không có chức quyền thì trộm cướp, buôn lậu, lừa đảo. Và hậu quả là không ít gia đình tan vỡ hạnh phúc vì cái giàu, bị tù tội và hối hận vì sự ham giàu, mất niềm tin với cuộc sống dù cho giàu có, dư dật.

Như vậy, giàu có về vật chất là điều cần đạt được nhưng phải song hành với sung mãn về đạo đức, tinh thần. Mất cân đối giữa giàu sang về vật chất và tinh thần là hiểm họa. Do vậy, cùng làm giàu vật chất và thăng hoa tinh thần là mục tiêu của tất cả những người con Phật.▲

## 5- CÓ MẮT MÀ NHƯ MÙ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Có ba hạng người, này các Tỷ kheo, có mắt ở đời. Thế nào là ba? Người mù, người một mắt, người có hai mắt.

Này các Tỷ kheo, thế nào là người mù? Ở đây, có người không có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; không có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người mù.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có một mắt? Ở đây, có người có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; nhưng không có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người có một mắt.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có hai mắt? Ở đây, có người có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; và có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người có hai mắt.

Này các Tỷ kheo, có ba hạng người này có mắt ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người, phần Mù lòa, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.229)

### LỜI BÀN:

Trên đời, trừ những người tật nguyền, hầu hết mỗi người đều có

đôi mắt sáng. Tuy nhiên, để thực sự có đôi mắt sáng đúng nghĩa tức biết nhìn lại chính mình đồng thời để nhìn rõ đục trong giữa dòng đời thì không phải ai cũng có. Do vậy, có khá nhiều người đầy đủ cả hai mắt mà cũng như mù hoặc chột nên phải rèn luyện và tu dưỡng thật nhiều mới đem lại ánh sáng đích thực cho đôi mắt của chính mình.

Theo tuệ giác Thế Tôn, một người thực sự có hai mắt khi người này biết làm ăn chân chính, đem lại sự no ấm, thịnh vượng cho gia đình và xã hội đồng thời biết phân biệt rõ ràng xấu tốt, thiện ác và họa phúc. Làm giàu một cách chính đáng bằng cách tuân thủ pháp luật, các nguyên tắc đạo đức và nhất là biết chia sẻ những thành quả lao động với cộng sự và những người kém may mắn hơn mình.

Nhưng nếu chỉ biết làm giàu, nghĩ đến cái lợi trước mắt mà quên đi hậu quả thì như người chột, vì đôi mắt của hạng người này chỉ nhìn thấy lợi mà thôi. Không thấy được điều ác, bất thiện để tránh né hoặc từ bỏ thì dẫu có chút thành công nhưng chỉ mang tính nhất thời. Tuy vậy, hạng người này vẫn còn khá hơn hạng người có mắt mà như mù, những người không có khả năng tự xây dựng đời sống no ấm cho chính mình và chẳng nhận ra những điều xấu ác, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Do vậy, vâng lời Phật dạy, mỗi người con Phật phải nỗ lực tu dưỡng để có đôi mắt sáng tức thành tựu chánh kiến, bằng cách xây dựng đời sống vật chất và tinh thần ngày một phát triển, thăng hoa.▲

## 6- SỰ NGHÈO KHỔ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, dạy các Tỷ kheo:

Sự nghèo khổ, này các Tỷ kheo, là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời, khi thời hạn đến nếu không trả được tiền lời bị người ta hối thúc, bị theo sát gót, bị truy tìm và bị người ta bắt trói.

Này các Tỷ kheo, như vậy, nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Mắc nợ cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Bị hối thúc, cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Pháp và Luật của bậc Thánh.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Dhammika, phần Nghèo khổ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.117)

### LỜI BÀN:

Đã nghèo lại gặp eo, dẫn đến túng thiếu, nợ nần, rồi lãi mẹ đẻ lãi con, nếu không trả được tiền lời thì bị hối thúc, bị truy bắt thực sự là một bất hạnh, đau khổ cho người nghèo. Chẳng ai muốn lâm

vào nghèo khó nợ nần, cũng không người nào muốn bị các chủ nợ bức bách nhưng hoàn cảnh bắt buộc như thế thì cũng đành ngậm cay, nuốt đắng, chịu mọi tủi nhục, đau khổ mà thôi.

Thân nghèo thường đi với phận hèn, vì nghèo nên phải túng, cái khó lại bó cái khôn, hoàn cảnh ấy lại càng làm cho khổ đau hơn đối với những người có nhiều mong cầu, tham vọng. Khi mà hiện thực xã hội thiên về thực dụng, coi trọng vật chất, ma lực đồng tiền có thể biến điều không thể thành có thể thì thân phận của những kẻ nghèo hèn lại càng bị đát hơn.

Đối với những người đã phát nguyện xả phú cầu bần thì tiền bạc, tài sản đối với họ không quan trọng. Không ai chê cười người tu mà nghèo kiết xác cả, có chăng chỉ là trường hợp ngược lại. Tài sản và sự giàu có của người tu thuộc về tinh thần, suốt một đời phấn đấu để đạt được một gia tài chơn không mẫu nhiệm, không có gì mà thực sự có tất cả.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, cái nghèo nàn, túng thiếu của người học Phật chính là xu hướng tìm cầu sự sung túc vật chất theo kiểu thế gian vốn dĩ phù vân, hư giả. Biểu hiện cụ thể của sự “nghèo túng” là không có lòng tin, không có hổ thẹn, không biết sợ hãi, không siêng năng, thiếu hẳn trí tuệ.

Vì thế, để thực sự giàu có, sung mãn trong Pháp và Luật của bậc Thánh, người con Phật phải trau giồi, trưởng dưỡng lòng tin; phải biết hổ thẹn với mọi người và với chính mình đặc biệt là biết sợ đối với các bất thiện pháp; tinh cần, siêng năng, nỗ lực tu học và phụng sự chúng sanh dưới sự soi sáng của tuệ giác. Chính lòng tin, hổ thẹn, sợ hãi với ác pháp, tinh cần và trí tuệ mới là tài sản, làm nên sự giàu có đích thực của những người đệ tử Phật.▲

## 7- BUÔN BÁN PHÁT TÀI

Một thời, Thế Tôn trú tại Bàranàsi, chỗ Vườn Nai, gọi các Tỷ kheo:

Thành tựu với ba chi phần, này các Tỷ kheo, người buôn bán không bao lâu đạt được về tài sản lớn mạnh và rộng lớn. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ kheo, người buôn bán có mắt, khéo phẩn đấu và xây dựng được cơ bản.

Thế nào là người buôn bán có mắt? Ở đây, này các Tỷ kheo, người buôn bán biết các thương phẩm. Vật này mua như vậy, bán như vậy, sẽ đưa lại tiền lời như vậy.

Thế nào là người buôn bán khéo phẩn đấu? Ở đây, này các Tỷ kheo, người thương gia khéo léo mua và bán các thương phẩm.

Và thế nào là người thương gia xây dựng được cơ bản? Ở đây, này các Tỷ kheo, người buôn bán được các gia chủ hay con các gia chủ, được các nhà giàu, có tiền bạc lớn, có tài sản lớn biết đến như sau: Người buôn bán này là người có mắt, khéo phẩn đấu, có đủ sức cấp dưỡng vợ con, và thường trả tiền lời cho chúng ta. Chúng ta trao hàng hóa cho người này: Này bạn thương gia, hãy lấy tiền này, xây dựng tài sản để nuôi dưỡng vợ con và thường thường trả tiền lời cho chúng tôi. Như vậy, này các Tỷ kheo, là người buôn bán xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ kheo, người buôn bán không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người đóng xe, phần Người buôn bán [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.207)



**LỜI BÀN:**

Người xưa thường nói “phi thương bất phú”, nghĩa là không kinh doanh buôn bán thì khó mà giàu mạnh. Tuy nhiên để gặt hái thành công, làm giàu một cách chính đáng bằng nghề buôn bán, theo tuệ giác của Thế Tôn cần hội đủ ba yếu tố nền tảng: có mắt, khéo phấn đấu, và xây dựng được cơ bản.

Có mắt, tức nghiệp vụ chuyên môn, biết rõ về nhu cầu thị trường, đặc điểm hàng hóa và hiệu quả kinh tế của các thương vụ. Ngoài chuyên môn thì tầm nhìn chiến lược, kinh nghiệm buôn bán và sự phấn đấu bền bỉ để đạt được mục tiêu (khéo phấn đấu) cũng góp phần quan trọng đem lại hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt là phải có uy tín, tức xây dựng được cơ bản, trong kinh doanh buôn bán chữ tín luôn được đặt lên hàng đầu. Chữ tín bao gồm uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, trách nhiệm của nhà sản xuất đối với người tiêu dùng và luôn đảm bảo mục tiêu lợi ích song phương.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, những doanh nghiệp, doanh nhân nào “thành tựu với ba chi phần này, không bao lâu sẽ đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn”. Và đây chính là tiêu chí cơ bản cho những doanh nhân Phật tử áp dụng để kinh doanh buôn bán thành công, lợi mình và lợi người.▲

## 8- CHỦ NHÂN & NGƯỜI LÀM

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, Gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này Gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hạng nô bộc: Giao việc đúng theo sức lực của họ, lo cho họ ăn uống và tiền lương, điều trị cho họ khi bệnh hoạn, chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ, thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh chủ nhân đối xử với năm cách như trên, có lòng thương tưởng đối với vị chủ nhân theo năm cách sau: Dậy trước khi chủ dậy, đi ngủ sau chủ, tự bằng lòng với các vật đã cho, khéo làm các công việc, đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ.

Này Gia chủ tử, vị Thánh chủ nhân đối xử với các hàng nô bộc theo năm cách, và nô bộc có lòng thương tưởng đối với Thánh chủ nhân theo năm cách, như vậy tất cả đều được an ổn, thoát khỏi các sự sợ hãi.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.544)

### LỜI BÀN:

Bàn về mối quan hệ giữa giới chủ với thợ thuyền, Thế Tôn đã đề cập đến trách nhiệm của giới chủ trước. Đây là một cách nhìn nhận vấn đề rất nhân bản và tiến bộ trong thời cổ đại, khi mà những người làm công luôn bị khinh rẻ, thậm chí bị xem như nô

lệ, giới chủ được trọn quyền sinh sát.

Một người chủ muốn thành công, trước hết phải có khả năng quản trị, điều hành nhân viên. Bố trí người có năng lực chuyên môn vào đúng vị trí công việc. Không đúng người đúng việc thì cho dù người đông vẫn không chạy việc, về lâu về dài chắc chắn sẽ chuốc lấy sự tổn hại và thất bại. Mặt khác, phải luôn nghĩ đến quyền lợi của người lao động. Chế độ lương bổng hợp lý, ăn uống đầy đủ. Nhất là quan tâm đến người làm khi khi bệnh tật hoặc xảy ra tai nạn lao động. Trong những dịp lễ tết, cần ban thưởng hay thiết đãi tiệc tùng để động viên, khuyến khích. Và nhất là chế độ nghỉ phép hợp lý để người làm được nghỉ ngơi hoặc có dịp đi xa thăm viếng, tham quan.

Hẳn chúng ta sẽ ngỡ ngàng khi biết được cách đây hơn 2.500 năm mà Thế Tôn đã có quan niệm về sử dụng lao động không khác mấy so với thời đại chúng ta bây giờ. Nếu giới chủ kiện toàn được những yếu tố trên thì lo gì những người làm công không gắn bó, làm việc hết lòng.

Một khi người sử dụng lao động và những người lao động đều được lợi ích, no ấm thì xã hội bớt mâu thuẫn, bất công, mọi người đều hạnh phúc, an vui. Chính điều này đã góp phần kiến tạo xã hội thịnh vượng, công bằng và văn minh. Đó cũng là mục tiêu hướng đến diệt khổ của đạo Phật.▲



## **IV. TÀI SẢN**

## 1- TÀI SẢN CỦA NGƯỜI TU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bảy tài sản này, thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài và tuệ tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng vào sự giác ngộ của Như lai, gọi là tín tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, trộm cắp... say sưa, gọi là giới tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có xấu hổ đối với thân, miệng, ý làm ác, gọi là tâm tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có sợ hãi đối với thân, miệng, ý làm ác, gọi là quý tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, giữ gìn những gì đã nghe, đề cao đời sống phạm hạnh, đọc tụng nhiều lần, chuyên tâm quán sát, thành tựu chánh kiến, gọi là văn tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử với tâm từ bỏ xan tham, ưa thích xả bỏ, san sẻ vật bố thí, gọi là thí tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, gọi là tuệ tài.

Này các Tỷ kheo, đây gọi là bảy tài sản, ai có được những tài sản này, được gọi là không nghèo khổ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 7, phẩm Tài sản, phần Các tài sản rộng thuyết, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.280)

### LỜI BÀN:

Nói đến tài sản, người ta thường nghĩ đến sự sở hữu nhiều thứ

như tiền bạc, nhà cửa, đất đai... Càng có nhiều tài sản thì càng được tiếng giàu có và nhất là cảm giác ổn định, bền vững trong cuộc sống được gia cố vững chắc thêm. Vì thế, làm giàu đúng đắn, lương thiện là tiêu chí chung cho toàn thể nhân loại phấn đấu, hướng đến xây dựng một đời sống hoàn thiện, sung mãn.

Tuy vậy, xây dựng tài sản vật chất chỉ là một phần của cuộc sống. Sẽ là một sai sót lớn cho cá nhân và cả xã hội nếu chỉ chú trọng tạo dựng tài sản vật chất mà xem nhẹ hoặc quên mất việc làm giàu, phát triển tài sản tinh thần. Sự mất quân bình trong quá trình phát triển vật chất và tinh thần sẽ tạo ra những khủng hoảng xã hội, nhất là các vấn đề như băng hoại đạo đức, suy đồi nhân cách, những quan niệm sống lệch lạc thiên về hưởng thụ, vong thân vong bản...

Đối với người tu thì “xả phú cầu bần” là một trong những điều kiện cần để góp phần tích lũy, thăng hoa gia sản tinh thần. Tài sản tinh thần tuy vô hình nhưng rất đồ sộ và không khó để tạo dựng. Chẳng cần phải cạnh tranh khốc liệt kiểu “thương trường là chiến trường” vẫn kiến tạo được tài sản tinh thần tín, giới, tàm, quý, văn, thí và tuệ.

Tài sản tinh thần là tặng phẩm của tạo hóa vốn dĩ hào phóng ban tặng đầy đủ cho mỗi người. Tìm lại những gì thánh thiện uyên nguyên đã lãng quên và đánh mất là cách làm giàu của người tu. Tài sản này một khi đã tích lũy được sẽ làm cho những ai sở hữu nó thật sự giàu có, hạnh phúc và bền vững trước mọi biến động của thời cuộc. ▀

## 2- GIỮ GÌN TÀI SẢN

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn Kakakrapatta. Rồi Byagghapajja, đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, chúng con là những người gia chủ thọ hưởng các dục vọng, sống trói buộc với vợ con, dùng hương chiên đàn, đeo vòng hoa, thọ lãnh vàng bạc. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, để chúng con được hạnh phúc, an lạc trong hiện tại..

Này Byagghapajja, có bốn cửa xuất để tài sản bị tiêu phí: Đam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè, thân hữu và giao du với kẻ ác. Ví như một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào và bốn cửa nước chảy ra. Có người đóng các cửa nước chảy vào và mở các cửa nước chảy ra. Như vậy, nước hồ ấy ngày càng bị giảm thiểu, không tăng trưởng.

Lại nữa, này Byagghapajja, có bốn cửa nhập để tài sản được hưng khởi: Không đắm say đàn bà; không đắm say rượu chè; không đắm say cờ bạc; bạn bè, thân hữu và giao du với người thiện. Ví như một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào và bốn cửa nước chảy ra. Có người mở các cửa nước chảy vào và đóng các cửa nước chảy ra. Như vậy, nước hồ ấy ngày càng tăng trưởng, không có giảm thiểu.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương VIII, phẩm Gotamì, phần Dighajànu - Người Koliya, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.661)

### LỜI BÀN:

Đam mê là một cái thú đồng thời là cái tật của con người. Có thể nói rằng hầu hết những người làm nên cơ nghiệp đều bắt đầu từ



những đam mê nhưng có không ít người cũng vì đam mê mà thân bại, danh liệt. Cuộc sống nếu thiếu đam mê sẽ nhạt nhẽo, vô vị và mất sinh khí. Vì thực ra, đam mê vốn không phải là tội lỗi nhưng vấn đề cần đặt ra với con người là đam mê cái gì, đam mê như thế nào?

Đam mê là một biểu hiện của nghiệp, thể hiện rõ trong tư duy, ý chí và hành động. Ai đam mê cái gì thì nặng nghiệp về phương diện ấy. Vì thế, người Phật tử phải luôn quán sát tự thân để biết rõ nghiệp của mình. Nếu thấy rằng những khát vọng, mong ước, đắm say của mình hướng về Chân-Thiện-Mỹ thì phát huy và ngược lại thì nên kiềm chế, loại trừ.

Về phương diện giữ gìn tài sản, nếu kiềm chế và chuyển hóa được những đam mê bất chính là phương cách hiệu quả nhất. Vì một khi đã thú, đã đam mê thực sự thì vấn đề tốn kém hay phung phí chẳng có nghĩa lý gì; nhất là khi đã chìm đắm, say mê vào đàn bà (đàn ông), cờ bạc, rượu chè và bạn xấu. Những ai đã từng một lần vung tiền qua cửa sổ để thỏa cái thú đam mê đến khi hồi tỉnh mới thấy được cái giá của sự góp nhặt, chắt chiu, cần kiệm.

Tài sản do mồ hôi và công khó làm ra, vì thế người con Phật phải hết sức trân quý, chi tiêu đúng mực, đúng chỗ để làm lợi ích cho mình và cho người. Luôn quán sát tự thân, cẩn trọng với những đam mê bất chính, tránh tiêu xài phung phí để xây dựng và giữ gìn cuộc sống luôn được an vui, hạnh phúc.▲

### 3- ĐỘNG SẢN & BẤT ĐỘNG SẢN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, khu vườn ông Anàthapindika. Bấy giờ Ugga, vị đại thần của vua đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Giàu có đến như vậy, đại phú đến như vậy, tài sản nhiều đến như vậy, bạch Thế Tôn, là Migàra Rohaneyyo!

Này Ugga, Migàra Rohaneyyo giàu có đến mức nào, đại phú đến mức nào, tài sản nhiều đến mức nào?

Bạch Thế Tôn, về vàng có đến trăm trăm ngàn, còn nói chi về bạc!

Này Ugga, đây có thể là tài sản chăng? Không phải Ta nói rằng đây không phải là tài sản. Nhưng tài sản ấy bị chi phối bởi lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thừa tự, thù địch.

Này Ugga, có bảy tài sản không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thừa tự, thù địch chi phối. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài và tuệ tài. Bảy loại tài sản này, này Ugga, không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thừa tự, thù địch chi phối. Ai có tài sản này, người ấy là đại phú, thiên nhân giới khó thắng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương Bảy pháp, phẩm Tài sản, phần Ugga, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.283)

#### LỜI BÀN:

Tài sản là huyết mạch, là tiêu chí để phấn đấu, là cơ sở tồn tại có tính quyết định của một cá nhân, gia đình và cả một đất nước. Tài sản là minh chứng hùng hồn nhất cho sự thành công, phát triển,

giàu mạnh và thịnh vượng. Vì thế chúng ta không lạ khi các chỉ số về tài khoản, động sản và bất động sản của cá nhân hay thu nhập bình quân mỗi người, tổng thu nhập quốc gia luôn được mọi người quan tâm.

Nhìn chung, con người sống trong cuộc đời, dẫu làm bất cứ việc gì, mục đích cuối cùng của họ cũng không ngoài việc kiếm tiền. Tích lũy và phát triển tài sản, làm giàu lương thiện là điều tốt song khá nhiều người cuồng tín vào ma lực của đồng tiền, “có tiền mua tiên cũng được” nên quay cuồng với việc kiếm tiền mà bất chấp hậu quả. Mặt khác, tạo dựng tài sản hợp pháp vốn dĩ rất khó khăn nhưng để giữ vững nó lại càng khó khăn hơn. Bởi thế, không ít người sau một đêm thức dậy chột trắng tay, luôn nơm nớp lo sợ “một sớm mai kia, chột thấy hư vô trong đời”.

Với tuệ giác của Thế Tôn thì giàu có, sở hữu nhiều tài sản hợp pháp là phước báo. Tuy nhiên, tự thân các tài sản này không mang thuộc tính bền vững mà cực kỳ mong manh, luôn biến động và bị chi phối, xâu xé bởi: lụt lội, hỏa hoạn, nhà nước tịch thu, trộm cắp, con cái hư hỏng và sự phá hoại của các thế lực thù địch. Vì vậy, Thế Tôn giới thiệu một phương thức tích lũy tài sản khác, bền vững, tuyệt đối ổn định và bất động. Ai sống ở trên đời tạo dựng được Thất thánh tài mới là bậc đại phú, kẻ giàu có nhất trong thế gian, kể cả cõi trời.

Do vậy, ngoài việc tạo dựng tài sản thế gian hợp pháp, người con Phật phải nỗ lực tạo dựng và tích lũy bảy loại tài sản xuất thế gian của bậc Thánh. Phát triển niềm tin, trau dồi giới hạnh, biết hổ thẹn với người ngoài, hổ thẹn với chính mình, học tập Chánh pháp, thực hành bố thí, phát huy tuệ giác là bảy tài sản cố định vô cùng quý giá, đảm bảo cho một người giàu có đến vô tận, trong đời này và những đời sau.▀

## 4- CÓ TÀI SẢN LỚN

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: “Đây là Như Lai, bậc A La Hán... Phật, Thế Tôn”. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các Giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiên định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ hai, thứ ba và thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. (ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Phước đức sung mãn với kệ, phần Rất giàu hay giàu [1], Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.586)

### LỜI BÀN:

Tiền bạc, của cải là biểu trưng cho sự giàu có, là mục tiêu để phấn đấu của mọi người. Làm giàu lương thiện để ổn định cuộc sống và góp phần xây dựng xã hội là phương châm sống của những người chân chính. Để đạt được sự giàu có, sung túc về phương diện vật chất ắt phải có một phước báo lớn, không phải ai cũng có được. Tuy vậy, sự giàu có vật chất vốn rất tạm bợ, mong manh, khó tìm nhưng dễ mất. Vì thế, bên cạnh tiêu chí làm giàu

về tiền bạc, tài sản con người cần phải làm giàu tâm hồn, phải thực sự giàu có về phương diện tinh thần.

Theo tuệ giác Thế Tôn thì việc thành tựu niềm tin bất động vào Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Giới luật đưa đến thiền định mới được gọi là giàu, rất giàu. Đây chính là tài sản tinh thần của tất cả những người con Phật. So với tài sản vật chất tạm bợ thì tài sản tinh thần này rất ổn định, làm giàu cho những ai sở hữu nó không chỉ trong đời này mà cả những đời sau. Con đường đi đến giàu có tinh thần này không đi kèm với sự trả giá bằng máu và nước mắt; hoàn toàn vắng bật tham vọng, toan tính, hận thù cùng với tất cả sợ hãi, lo âu; giàu có mà cực kỳ an vui, thanh thản và tự tại.

Trong bối cảnh đất nước ngày càng phát triển, kinh tế xã hội gia tăng đáng kể, những người con Phật cũng ngày càng giàu lên, trong đó tất yếu có cả hàng ngũ xuất gia. Với tinh thần phương tiện, tất cả những người con Phật đều có thể làm giàu về phương diện vật chất vì đời sống tự thân, gia đình và thực hành bi nguyện độ sanh. Tuy nhiên, dẫu cho sự làm giàu này hoàn toàn chân chính, lương thiện và đúng chánh pháp thì vẫn không đạt được sự giàu có đích thực. Vì thế, những ai bám víu, cố chấp vào sự thành tựu vật chất mà chểnh mảng việc làm giàu tinh thần, theo tuệ giác của Thế Tôn, người ấy vẫn thực sự nghèo nàn.

Mỗi người con Phật ngoài việc làm giàu vật chất phải chú trọng đến làm giàu tinh thần. Chỉ có gia tài Phật pháp mới thật sự giàu có và bền vững. Làm giàu tinh thần tức thành tựu tịnh tín bất động với Tam bảo và Giới luật mới thực sự là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn.▲

## 5- NGUYÊN NHÂN PHUNG PHÍ TÀI SẢN

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khất thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này gia chủ tử, có sáu nguyên nhân phung phí tài sản: Đam mê rượu chè là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà hí viện đình đám là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du với bạn ác là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản...

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.532)

### LỜI BÀN:

Tài sản vốn là huyết mạch, mạng sống của hầu hết mọi người. Trải qua nhiều gian khó mới làm ra tài sản một cách chân chính nhưng để gìn giữ hoặc tiêu xài đúng đắn, có ý nghĩa thiết thực thì chẳng dễ dàng. Mỗi người đều có một thú vui, sở thích tiêu xài riêng. Chính những sự tiêu xài phung phí, không chính đáng ấy đã khiến cho không ít người giàu lao đao và người nghèo càng thêm khốn đốn.

Theo tuệ giác Thế Tôn, có sáu nguyên nhân phung phí tài sản, bắt nguồn từ sự đam mê (theo khuynh hướng xấu) của con người: Đam mê rượu chè, cờ bạc, chơi đêm, la cà hí viện, giao du với bạn ác và lười biếng. Thực trạng xã hội cho thấy những nguyên

nhân dẫn đến phung phí tài sản này hiện đang tràn lan. Điều đáng nói là không chỉ giới nhiều tiền mới phung phí mà ngay cả những người lao động, thu nhập thấp cũng bị đam mê cuốn hút làm cho khánh kiệt.

Vì vậy, người con Phật luôn quán niệm về sự khó nhọc của bản thân, tài sản được đổi bằng mồ hôi và nước mắt để ý thức về tiết kiệm, không phí phạm. Mặt khác, quán niệm về sự nghèo khó của những người xung quanh, nuôi dưỡng và phát khởi từ bi để sẻ chia, sử dụng tài sản một cách có ý nghĩa và hiệu quả thiết thực nhất.

Ngày nay, công nghệ và dịch vụ giải trí rất phát triển, hoạt động hợp pháp, đáp ứng nhu cầu giải trí, thư giãn của con người. Ở một số nơi, giải trí là ngành công nghiệp mũi nhọn, đem lại doanh thu đáng kể. Đành rằng, giải trí và thư giãn vốn rất cần thiết cho đời sống nhưng người tham gia giải trí cần phải chánh niệm, tỉnh giác với đam mê, biết dừng lại đúng lúc... để tránh phung phí tài sản. ▀

## 6- KẾ THỪA GIA TÀI CHÁNH PHÁP

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika. Tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hãy là những người thừa tự pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các người và nghĩ: “Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật”.

Và này các Tỷ kheo, nếu các người là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự pháp thì không những các người mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: “Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự pháp”.

Và này các Tỷ kheo, nếu các người là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật thì không những các người mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: “Cả thầy và trò đều là những người thừa tự pháp, không phải là những người thừa tự tài vật”.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy là những người thừa tự pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Thừa tự pháp  
[lược], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.31)

### LỜI BÀN:

Trong tất cả chúng ta, bất kỳ ai dẫu có kế thừa vật chất hay không thì cũng được thừa kế một gia tài huyết thống và tinh thần từ cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Chính điều này đã góp phần quan trọng tác thành nên thể chất và tâm hồn, tạo ra đặc thù nơi mỗi cá nhân đồng thời phản ánh rõ ràng nghiệp lực của người ấy. Tuy



nhiên, không nhiều người để ý đến phương diện này, đa phần họ đều quan tâm đến thừa kế tài sản, nhà cửa, đất đai (nếu có) và đó cũng là nguyên nhân tạo ra đổ vỡ, xung đột, bất hòa trong mỗi gia đình.

Đối với người tu cũng vậy, kế thừa gia tài Chánh pháp của Phật và thầy tổ để ứng dụng tu tập, hoằng truyền giáo pháp là việc cần làm. Song, thực tế thì điều này chưa được quán triệt trong nhận thức của một số người và kết quả tranh chấp, xung đột, chia rẽ xảy ra trong huynh đệ, trụ xứ và Tăng đoàn là điều không tránh khỏi.

Thời Thế Tôn, Ngài và chúng Tăng sống đời khát thực ba y một bát, du hành từ nơi này đến nơi khác, khi mọi người gần như vô sản mà Ngài đã lưu tâm, cảnh báo đến việc thừa kế vật chất chúng tỏ tâm tham ái của chúng sanh lớn đến mức nào! Ngày nay, đời sống xã hội ngày càng phát triển, sung túc hơn dĩ nhiên đời sống của người tu cũng được nâng cao và ổn định hơn. Tuy nhiên, sự phát triển về vật chất chỉ mới là điều kiện cần nhưng chưa thực sự đủ cho việc tịnh hóa thân tâm, thậm chí đôi khi nó còn mang đến hiệu ứng ngược lại. Do đó, phải thành tựu Chánh kiến để thừa kế gia tài Pháp bảo của Như Lai, không thừa kế bất cứ cái gì ngoài Chánh pháp. Trong bối cảnh tu học hiện nay, thừa tự Pháp là điều mà hàng hậu học cần suy gẫm, quán sát thật sâu sắc nhằm thực hành lời Phật dạy để thăng hoa và giải thoát.▲



**V. CỬ SĨ**

## 1- HOA SEN TRONG GIỚI NAM CƯ SĨ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ ra khỏi giới nam cư sĩ, là cấu uế, là tối hạ liệt cho nam cư sĩ. Thế nào là năm?

Không tin; ác giới; đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; tin tưởng điềm lành, không tin hành động; tìm kiếm ngoài Tăng chúng người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, nam cư sĩ là hòn ngọc trong giới nam cư sĩ, là hoa sen hồng, là hoa sen trắng trong giới nam cư sĩ. Thế nào là năm?

Có lòng tin; có giới; không đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; không tin tưởng điềm lành, tin ở hành động; không tìm kiếm ngoài Tăng chúng người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Nam cư sĩ, phần Kẻ bị vất bỏ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.643)

### LỜI BÀN:

Trong bốn chúng đệ tử Phật, ngoài hai chúng xuất gia thì hai chúng ngoại hộ tại gia có vai trò rất quan trọng, nhất là hộ trì Chánh pháp. Khi một người thức tỉnh quay về nương tựa Tam bảo liền được Thế Tôn tán thán: Lành thay, lành thay! Tuy nhiên, Thế Tôn cũng rất cứng rắn, sau nhiều lần khuyên dạy mà không chuyển hóa thì “lật úp bình bát” đối với bất cứ đệ tử nào nếu không tu tập đúng pháp, chẳng tuân thủ giới luật, rơi vào tà kiến.

Nam cư sĩ trụ tín thường được ca ngợi là thiện nam. Để trở thành

người con trai lành trong Chánh pháp, trước hết phải có lòng tin; thâm tín Tam bảo, tin sâu nhân quả, tội phước và nghiệp báo. Nam cư sĩ trụ tín phải có đầy đủ năm nhân cách (năm giới) của người Phật tử đồng thời không bị mê hoặc bởi những trò tiên đoán kiết hung hay tế lễ thần linh để cầu tăng phước, tiêu tai. Người nam cư sĩ chân chính tin tưởng sâu sắc vào nghiệp báo ngay nơi những hành động hiện tiền của thân, khẩu và ý bởi chính những gì chúng ta đang thực hành trong hiện tại sẽ kiến tạo nền tảng ở tương lai. Đặc biệt là phải xác định đúng, quy kính bậc chân sư sáng suốt để nương tựa tinh thần, học tập giáo pháp và tận lực hộ pháp.

Thực hành trọn vẹn năm điều trên, một nam cư sĩ xứng đáng được tôn trọng, quý giá như vàng ngọc, thơm ngát như hoa sen trong giới nam cư sĩ. Tuy nhiên, không phải nam cư sĩ nào cũng hội đủ duyên lành, nỗ lực tu học, xứng đáng là thiện nam tử làm gương sáng cho hội chúng cư sĩ. Đa phần những nam cư sĩ đang trên lộ trình hướng đến việc thực hiện trọn vẹn năm điều ấy. Khi một nam cư sĩ không hoàn thành trách nhiệm và bổn phận của mình: không thâm tín Tam bảo, chưa giữ trọn năm giới đồng thời lại tin theo tà kiến, mê tín, quy hướng thầy tà bạn ác... theo Thế Tôn là “kẻ bị vất bỏ, cấu uế và tối hạ liệt”, không còn xứng đáng là một nam cư sĩ trong Chánh pháp. Do vậy, những nam cư sĩ hãy nhận thức sâu sắc về lời Phật dạy để tự chuyển hóa và hoàn thiện mình trở thành ngọc quý, hoa sen luôn tỏa hương đức hạnh và tuệ giác làm đẹp cho tự thân và cuộc đời.▲

## 2- NGƯỜI CƯ SĨ

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, trong khu vườn cây bàng. Rồi Mahànàma đi đến đảnh lễ, bạch Thế Tôn:

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?

Ai quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?

Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Như Lai, bậc A la hán, Phật, Thế Tôn”. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ bố thí?

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập, đưa đến đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Phước đức sung mãn, phần Mahànàma, NXB Tôn Giáo, 2002, tr.574)

### **LỜI BÀN:**

Một trong những tiêu chuẩn cơ bản để tác thành người Phật tử là quy y Tam bảo. Được trở về, quy kính, nương tựa Phật, Pháp, Tăng làm người con Phật là một sự chuyển hóa lớn, không phải người nào cũng hội đủ duyên lành. Cùng với việc phát tâm quy y Tam bảo, người cư sĩ phải trau dồi nhân cách, đạo đức của mình bằng cách tự nguyện thọ trì năm giới.

Có thể nói Tam quy và Ngũ giới là nền tảng của người Phật tử. Tuy vậy, ngoài Tam quy và Ngũ giới, hàng cư sĩ cần nỗ lực phát triển thêm các hạnh lành, đặc biệt là niềm tịnh tín Tam bảo. Thâm tín Tam bảo là điểm tựa vững chãi nhất của lộ trình tăng thượng phước báo và thăng hoa đời sống tâm linh. Tín tâm phải kiên cố thì sở nguyện mới viên thành.

Để cải thiện phước báo của tự thân, tu tập về bố thí là phương tiện thù thắng nhất. Mở rộng vòng tay với tha nhân, nhường cơm sẻ áo, nhớ nghĩ về mọi người là trách nhiệm và bổn phận của người con Phật. Đồng thời, bố thí là cách thể hiện rõ nét việc làm đoạn giảm xan tham, cố bám víu vật chất, một tâm lý cố hữu của chúng sanh, nguyên nhân chủ yếu của mọi khổ đau, luân hồi sanh tử.

Điều đặc biệt quan trọng đối với người con Phật là phải thành tựu trí tuệ. Nỗ lực quán chiếu để thấy được vô thường, sanh diệt của con người và thế giới. Không có cái gì trường cửu, bất biến, tồn tại mãi mãi trên cuộc đời này, vạn pháp đều luân chuyển. Nhờ quán sát và tuệ tri như vậy, người Phật tử bớt tham ái, giảm cố chấp đồng thời tin tưởng vào sự chuyển hóa của tự thân ngày một tốt hơn.▀

### 3- BỐN PHẬN NGƯỜI GIA CHỦ

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Koli, tại thị trấn Sajanela. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đánh lễ và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ như sau:

Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của gia chủ, con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử hộ trì chúng Tỷ kheo; hộ trì chúng Tỷ kheo với y, với đồ ăn khát thực, với sàng tọa, với dược phẩm trị bệnh.

Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của gia chủ, con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời.

“Bạc hiền trí thực hiện; con đường thật xứng đáng; của người làm gia chủ; hộ trì bậc có giới; bậc sở hành chân chánh; hộ trì với y áo; với đồ ăn khát thực; sàng tọa, thuốc trị bệnh; công đức họ tăng trưởng; thường hằng, ngày lẫn đêm; do làm nghiệp hiền thiện; đi đến cảnh chư Thiên”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nguồn sanh phước, phần Bốn phận người gia chủ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.674)

#### LỜI BÀN:

Người Phật tử sau khi đã quy y, giữ năm giới cấm để từng bước hoàn thiện nhân cách đồng thời song hành tu tập phước huệ, nguyện trọn đời hộ trì Tam bảo. Trong đó, hộ trì chúng Tăng về bốn vật dụng thiết yếu như y phục, ăn uống, sàng tọa, thuốc thang để yên ổn tu tập có ý nghĩa quan trọng. Bởi ngoài việc vun bồi phước báo cho tự thân, hộ trì chúng Tăng là góp phần tích cực nhất trong việc bảo vệ và giữ gìn Chánh pháp được



trường tồn.

Kể từ khi Thế Tôn nhập Niết bàn, Chánh pháp trở thành đối tượng quan trọng bậc nhất. Vì nếu không có Thế Tôn ở đời mà người con Phật biết nương tựa vào Chánh pháp thì vẫn thành tựu giải thoát. Đến nay, giáo pháp vẫn được bảo tồn và hoằng truyền rộng rãi, song để giải mã giáo pháp thành Chánh pháp là điều không phải ai cũng làm được. Bởi Chánh pháp phải được cảm nhận và diễn dịch trên cơ sở liễu tri và thân chứng. Vì thế, vai trò của chư Tăng trong việc duy trì Chánh pháp lại càng quan trọng hơn.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, hộ trì chư Tăng với bốn vật dụng sẽ được phước báo sanh về cõi Trời. Sanh lên Thiên giới cũng là một trong những kết quả tu tập của hàng Phật tử vì cõi Trời vốn đầy đủ phước báo. Nhưng đây chỉ là bước chuyển nghiệp tạm thời dành cho những đối tượng cầu phước báo, cứu cánh của người tu Phật là Vô thượng Bồ đề. Do vậy, hộ trì chư Tăng để hoằng dương Chánh pháp, giữ gìn Tam bảo trường tồn, nương tựa Tăng thực hành Chánh pháp nhằm đạt đến cứu cánh giải thoát. Phước báo hộ trì Tăng bảo vốn vô lượng, không chỉ đem lại tiếng tốt, được sanh Thiên mà còn là nền tảng vững chắc để thành tựu quả vị Giác ngộ. ▀

## 4- CƯ SĨ CHỨNG QUẢ DỰ LƯU

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, mang bát đi đến nhà Thích nữ Kàligodhà. Sau khi ngồi vào chỗ đã dọn sẵn, Thế Tôn nói với Thích nữ Kàligodhà:

Thành tựu bốn pháp này, này Godhà, vị nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Godhà, vị nữ Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và vị này trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, chia sẻ, bố thí.

Này Godhà, thành tựu bốn pháp này, một nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Phước đức sung man, phần Kàli, NXB Tôn Giáo, 2000, tr.577)

### LỜI BÀN:

Chuyện cư sĩ tu hành đắc Sơ quả sau khi nghe xong pháp thoại hoặc trải qua quá trình tu tập rất phổ biến trong thời Thế Tôn còn tại thế. Đến tận ngày nay, vẫn còn khá nhiều vị Phật tử miên mật hành trì pháp môn Niệm Phật đã thành tựu vãng sanh, lưu xá lợi. Thực ra, sự thực tập, hành trì giáo pháp chính là lộ trình chuyển hóa tâm thức, không phân biệt hình thức tại gia hay xuất gia. Nếu chuyên tâm tu tập thì chắc chắn hành giả sẽ dự phần vào dòng Thánh.

Để bước chân vào Dự lưu (Sơ quả Tu đà hoàn), theo tuệ giác của

Thế Tôn, một cư sĩ phải thành tựu lòng tin thanh tịnh bất động vào Phật, Pháp, Tăng và hoan hỷ thí xả. Đa phần chúng ta đều có niềm tin nhưng chưa thực sự đạt đến sự tin tưởng sâu sắc, tuyệt đối, không lay chuyển vào Tam bảo. Vì thế, dấu hiệu tại chúng ta có nỗ lực tọa thiền, tụng kinh, niệm Phật nhưng Thánh vị vẫn còn xa.

Đến khi nào an trụ vững chắc trong chánh tín, hành giả vận dụng tuệ giác thiền quán quét sạch ba kiết sử đầu tiên Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ thì dự phần vào Sơ quả Dự lưu, Nhập lưu hay Thất lai. Bậc Dự lưu kinh qua giây phút đầu tiên chứng nghiệm đạo quả, đắc được ba pháp. Một là người đó không còn chấp linh hồn hay có cái ta tồn tại mãi mãi, biết rõ thân và tâm vô thường, vô ngã. Hai là dứt trừ hoài nghi về Tam bảo, hiểu rõ và tin tưởng tuyệt đối Phật, Pháp, Tăng. Ba là không còn giới cấm thủ, chấp trì các hủ tục, mê tín dị đoan chỉ tin tưởng vào nhân quả, trì giới... Và đặc biệt là sự hoan hỷ thí xả, buông bỏ trong niềm an lạc.

Dù chỉ mới ở địa vị Thất lai (phải trải qua bảy lần tái sanh nữa) nhưng Dự lưu là đã nhập vào dòng Thánh, không còn bị thối chuyển, đọa lạc trầm luân. Từ đây đến quả vị giải thoát hoàn toàn, vấn đề chỉ còn là thời gian. Vì vậy, những ai chưa thành tựu chánh tín, tịnh tín và thí xả thì hãy cố gắng hơn nữa trong việc thực hành lời Phật dạy. ▀

## 5- LẬT ÚP BÌNH BÁT

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala và dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp. Thế nào là tám?

Cố gắng đem lại thiệt hại cho các Tỷ kheo; cố gắng đem lại bất lợi cho các Tỷ kheo; cố gắng đuổi các Tỷ kheo không cho trú ở; mắng nhiếc, chỉ trích các Tỷ kheo; làm ly gián giữa các Tỷ kheo; hủy báng Phật; hủy báng Pháp; hủy báng Tăng.

Này các Tỷ kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ IV*, phẩm Niệm, phần Bình bát, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.55)

### LỜI BÀN:

Lật úp bình bát của một người có nghĩa là không chấp nhận, không dung chứa hay nói cách khác là cách ly, tẩn xuất, đuổi người ấy ra khỏi đoàn thể, cộng đồng. Song hành với nỗ lực làm trong sạch hàng ngũ xuất gia, nhiệm vụ của các Tỷ kheo phải làm thanh tịnh hàng ngũ cư sĩ, bằng cách lật úp bình bát của họ.

Không phải đến tận ngày nay mà ngay thời Thế Tôn còn tại thế, len lỏi trong hàng ngũ cư sĩ tín tâm, thiện chí tu học là một vài phần tử xấu. Họ gia nhập các tổ chức Phật tử không nhằm mục đích tu học mà với mục đích khác, phục vụ cho ý đồ xấu xa của họ. Biểu hiện cụ thể của các phần tử này là tìm cách nói xấu, tìm lỗi, chỉ trích, hủy báng và làm ly gián, phá hoại sự hòa hợp của chúng Tăng.

Theo quan điểm của Thế Tôn, phải vạch trần những hành vi lợi dụng danh nghĩa Phật tử để làm rối Đạo đồng thời tẩn xuất ngay những người ấy ra khỏi Thất chúng đệ tử Phật. Thế Tôn đã cảnh báo cho hàng đệ tử biết rằng không một loài muông thú nào có thể quật ngã sư tử ngoại trừ chính vi trùng trong thân sư tử. Cũng vậy, sự phá hoại Chánh pháp không phải đến từ bên ngoài mà nguy cơ lại tiềm ẩn bên trong những người nhân danh vì sự hưng suy của Chánh pháp. Vì thế, nếu cần thiết, để tránh họa “sư tử trùng”, chư Tăng phải kiên quyết lật úp bình bát của họ.

Trong bối cảnh Tăng đoàn ít nhiều có sự phân hóa như hiện nay, nếu không có biện pháp tích cực để khắc phục thì tương lai của Tăng đoàn sẽ vô cùng ảm đạm. Vì lẽ, bí quyết tồn tại và phát triển của Tăng đoàn là tinh thần hòa hợp. Sự hòa hợp giữa chư Tăng nói riêng và Thất chúng đệ tử nói chung là mối liên hệ khăng khít bất khả phân, như nước với sữa. Đánh mất sự hòa hợp là hủy hoại bản thể Tăng già, điều này đồng nghĩa với tự sát mà nguyên nhân chủ yếu của vấn đề chắc chắn có sự hiện hữu của “sư tử trùng”.

Vì thế, hơn lúc nào hết, người Phật tử trong quá trình hoàn thiện tự thân phải gương cao ngọn đèn Chánh pháp. Cảnh giác cao độ với tất cả mọi động thái, hành vi, lời nói có khuynh hướng tổn hại Tam bảo đồng thời phải có thái độ kiên quyết, ly khai đối với những phần tử “sư tử trùng” nhằm bảo vệ Chánh pháp là hành động thiết thực của người con Phật, sống theo lời Phật dạy.▲

## 6- THỌ TRÌ NĂM GIỚI

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Magadha. Các nam cư sĩ làng Pàtali đi đến, đánh lễ và bạch Thế Tôn.

Mong Thế Tôn trú ở giảng đường của con!

Thế Tôn im lặng nhận lời rồi khi đến giảng đường bảo các nam cư sĩ làng Pàtali:

Này các gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người phạm giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người phạm giới do nhân duyên phóng dật nên hao mất tài sản lớn, đây là nguy hiểm thứ nhất. Người phạm giới tiếng xấu đồn xa, đây là nguy hiểm thứ hai. Người phạm giới khi đi đến hội chúng nào đều đến với tâm trạng sợ hãi, đây là nguy hiểm thứ ba. Người phạm giới khi chết bị si ám, đây là nguy hiểm thứ tư. Người phạm giới khi mạng chung bị sanh vào ác thú, đoạ xứ, địa ngục, đây là nguy hiểm thứ năm.

Này các gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người giữ giới do nhân duyên không phóng dật nên được tài sản lớn, đây là lợi ích thứ nhất. Người giữ giới tiếng tốt được đồn xa, đây là lợi ích thứ hai. Người giữ giới khi đi đến hội chúng nào đều đến với tâm trạng không có sợ hãi, đây là lợi ích thứ ba. Người giữ giới khi chết không bị si ám, đây là lợi ích thứ tư. Người giữ giới khi mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, đây là lợi ích thứ năm.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, Kinh Phật tự thuyết, chương 8, phẩm Pataligamiya, NXB TP.HCM, 1999, tr.276)

### LỜI BÀN:

Hàng Phật tử, sau khi quy y thì phát tâm thọ trì năm giới, phát

nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu trong suốt cuộc đời. Thọ giới và giữ giới trong đạo Phật hoàn toàn mang ý nghĩa tự giác và tự nguyện ngõ hầu thành tựu nhân cách của người con Phật và đạt được nhiều lợi ích trong cuộc sống.

Giới pháp như ngọn đèn soi sáng bóng đêm giúp người đi đường không lạc lối. Giới như hàng rào che chắn, bảo vệ cho người thọ trì vượt thoát những cám dỗ, hiểm nguy. Giữ giới chính là ý thức tự giữ gìn sự an toàn và hạnh phúc cho chính mình. Vì thế, người Phật tử hoàn toàn chủ động trong việc cải thiện phước báo của mình ngày một tốt đẹp hơn đồng thời chịu trách nhiệm hoàn toàn trước mọi hành động của mình mà không hề bị trừng phạt hay được ban ơn từ thần linh hoặc một đấng thiêng liêng.

Người sống vượt ra khỏi giới pháp thì ngay lập tức năm nguy hiểm sẽ chờ đón. Nếu không dừng lại và chuyển hóa những hành vi giết chóc, trộm cướp, tà dâm, dối trá và say sưa, nghiện ngập thì hậu quả về mất mát tài sản, tai tiếng, sợ hãi, si mê và khi chết堕 vào địa ngục là điều không thể tránh khỏi. Ngược lại, tuân thủ và giữ gìn giới pháp đã thọ thì chắc chắn gạt hái năm điều lợi ích: giữ vững tài sản, tiếng tốt đồn xa, tự tin trước mọi người, tâm hồn trong sáng và phước báo trời người ở đời sau.

Phật dạy: Hãy tự mình thấp đuối lên mà đi; Hãy tự mình nương tựa hải đảo của chính mình; Như Lai là Bạc Y Vương tùy bệnh cho thuốc; Như Lai chỉ là Bạc Thầy dẫn đường... Vậy thì, muốn lành bệnh thì phải tự uống thuốc, muốn đến đích thì tự bước đi, muốn lợi ích và an vui thì người con Phật phải tự giữ giới. Hạnh phúc hay khổ đau, lợi ích hoặc nguy hiểm đều ở nơi tự tâm, đều phụ thuộc vào việc tuân thủ hay hủy phạm giới pháp. Cho nên tự ý thức, hành động theo giới pháp để được lợi ích, an vui trong đời này và đời sau là phương châm sống của người con Phật. ▀

## 7- HƯƠNG ĐỨC HẠNH

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli. Rồi Tôn giả Ananda đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió. Thế nào là ba? Cây hương rế, cây hương lõi và cây hương hoa.

Này Ananda, có loại cây hương mà hương bay thuận gió, bay ngược gió và bay thuận gió ngược gió.

Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì?

Ở đây, này Ananda, có nữ hay nam nhân quy y Phật, Pháp, Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ sống tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ uống rượu, giữ giới, tâm tính hiền lương, không xan tham, ưa thích bố thí... Người như vậy, được các Sa môn, Bà la môn tán thán khắp bốn phương.

Cây hương như vậy, này Ananda, có hương bay thuận gió, bay ngược gió và bay thuận gió ngược gió. “Không một hương hoa nào; Bay ngược chiều gió thổi; Dầu là hoa Chiên đàn; Già la hay Mạt ly; Chỉ hương người đức hạnh; Bay ngược chiều gió thổi; Chỉ hương bậc Chân nhân; Biến mãn mọi phương trời”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi I*, chương 3, phẩm Ananda, phần Hương, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.408)

### LỜI BÀN:

Có thể hôm ấy là một ngày đẹp trời, Tôn giả Ananda được gió mang đến ban tặng cho Ngài những hương thơm tinh khiết của cỏ cây. Tôn giả hồn nhiên cảm tạ đất trời đã gửi hương cho gió.

Nhưng khi chia sẻ kinh nghiệm ấy với Thế Tôn thì Ananda ngạc nhiên vô cùng, bởi cảm nhận về hương của bậc Đạo Sư tinh tế



quá. Thế Tôn đã giới thiệu một loại siêu hương, thơm ngát cả trời đất, ngậy ngát mọi tâm hồn, bay muôn nơi mà chẳng nương vào gió, không nhạt nhòa theo thời gian và cũng chẳng tan loãng trong không gian.

Thì ra, đó là hương thơm của đức hạnh. Danh thơm, tiếng lành của một người con Phật chân chính được ca ngợi, đồn xa. Khi một người phát tâm quay về sống nương tựa Tam bảo, giữ gìn năm giới, thực hành các hạnh lành, tránh xa những điều xấu ác đồng thời nhân ái với mọi người thì tự thân người ấy tỏa ra hương thơm đức hạnh, bay khắp muôn phương.

Danh thơm này luôn được các Sa môn tán thán, những bằng hữu ca ngợi và muôn đời được hậu thế truyền tụng, nhắc tên. Cấp Cô Độc (cấp dưỡng cho những người cô độc, cơ nhỡ) là danh thơm của Phật tử Tu Đạt không chỉ ngát hương khắp toàn cõi Ấn Độ thời bấy giờ mà dư âm của hương xưa còn vang vọng đến tận hôm nay và mãi ngàn sau.

Nếu như danh thơm lan tỏa đến mọi ngõ ngách cuộc đời thì tiếng xấu cũng lan truyền nhanh không kém. Rắn chết để da, người ta chết để tiếng. Bất kể tiếng gì, nức tiếng hay tai tiếng đều bay khắp muôn nơi. Vì thế, người con Phật luôn nỗ lực phấn đấu để tự hoàn thiện mình, tỏa ngát hương đức hạnh. Phải hướng về nương tựa Tam bảo để được soi đường, chỉ lối và dẫn dắt nhằm tránh xa những điều xấu ác, bất thiện, không làm ô danh cho mình và cho đời, hôm nay và mai sau.

“Trăm năm bia đá cũng mòn/Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”. Do vậy, mỗi người con Phật phải trau dồi giới hạnh để luôn mãi ngát hương trong cuộc đời.▲

## 8- NHỮNG GIA ĐÌNH CHƯ TĂNG KHÔNG NÊN ĐẾN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần sau; nếu chưa đến thăm, thì không xứng đáng để đi đến; nếu đã đến thăm thời không xứng đáng để ngồi xuống. Thế nào là bảy?

Không vui vẻ đứng dậy; không vui vẻ chào đón; không vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi đem giấu đi; từ chỗ cho nhiều họ cho ít; từ đồ thù thắng họ cho đồ thô xấu; họ cho không có kính trọng, không có kính lễ.

Này các Tỷ kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này; nếu chưa đến thì không xứng đáng để đến; nếu đã đến, thì không xứng đáng để ngồi xuống.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 7, phẩm Tùy miên, phần Gia đình, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.287)

### LỜI BÀN:

Quan hệ giữa bốn chúng đệ tử vốn mật thiết, hòa hợp như nước với sữa có từ thời Thế Tôn còn tại thế và được tiếp nối, duy trì cho đến ngày nay. Chư Tăng không nhất thiết tinh tu nơi chùa viện thâm nghiêm mà phải vân du, khát thực, lân mẫn với mọi người để tùy duyên hóa độ, “vì lợi ích, an lạc, hạnh phúc cho chư thiên và loài người”.

Tuy nhiên, vị Tỷ kheo phải quán sát, xem xét, đánh giá thái độ cư xử của những người ở nơi mình đến; phải tinh tế để nhận ra thâm ý của gia chủ. Nếu sự hiện diện của vị Tỷ kheo là một sự trở ngại, họ tiếp đón một cách gượng ép, không hoan hỷ thì ngay lập tức

phải rời khỏi nơi ấy.

Bởi lẽ, chư Tăng ra vào chốn tụ lạc, tiếp xúc với tín đồ không ngoài mục đích hoằng pháp, hóa duyên. Do đó, vị Tỷ kheo luôn giữ vững thể diện của người ly tục, xuất thế đồng thời phải thực sự đem đến hạnh phúc, an vui cho gia chủ. Nếu không làm được điều ấy, vị Tỷ kheo không hoàn thành được sứ mạng của mình thì tốt nhất không nên ra ngoài.

Đối với tín đồ, đa phần đều cảm thấy hạnh phúc và hãnh diện khi chư Tăng thân hành quang lâm. Bởi “Tăng đạo như Phật lai” là quan niệm chung của hàng Phật tử. Song, không phải ở đâu và lúc nào tinh thần ấy cũng được duy trì, thực thi một cách trọn vẹn, nhất là đối với những người sơ cơ, chưa có sự tin hiểu Phật pháp sâu sắc.

Thái độ cư xử khinh trọng đối với chư Tăng phản ánh rõ nét tín tâm của gia chủ. Đừng để gia chủ suy giảm tín tâm và tuyệt đối không nên vì sự xuất hiện của mình mà trở thành gánh nặng, lo toan cho gia chủ. Bởi lẽ, mỗi gia đình có một hoàn cảnh khác nhau, do đó muốn đến nhà cư sĩ, vị Tỷ kheo phải tri thời, đến và đi đúng nơi, đúng lúc. Vì vậy, “hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo” là điều mà mỗi Tỷ kheo phải tuân thủ khi đến nhà cư sĩ. ▽



## **VI. XUẤT GIA**

## 1- BA HẠNH CỦA SA MÔN

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba hạnh này của Sa môn cần phải làm. Thế nào là ba?

Thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học. Đây là ba hạnh của Sa môn cần phải làm. Do vậy, các Tỷ kheo phải học tập như sau: Sắc bén là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học.

Ví như, này các Tỷ kheo, một con lừa đi theo sau một đàn bò, nghĩ rằng “ta cũng là con bò” nhưng nó không có màu sắc, tiếng kêu và chân giống con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò và nghĩ rằng “ta cũng là con bò”.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ở đây có Tỷ kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ kheo, nghĩ rằng “ta cũng là Tỷ kheo”. Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học như những Tỷ kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ kheo, nghĩ rằng “ta cũng là Tỷ kheo”.

Do vậy, các Tỷ kheo phải học tập như sau: Sắc bén là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Sa môn, phần Sa môn [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.415)

### LỜI BÀN:

Xuất gia vốn đã khó, làm tròn bổn phận của người xuất gia lại càng khó hơn. Nhiều người nghĩ rằng đã đi tu, làm Tỷ kheo là thanh tịnh, giải thoát và hoàn thiện. Thực ra, đó chỉ là bước đầu, người xuất gia phải tu luyện trong một thời gian dài, phấn đấu và

nỗ lực thật nhiều mới có thể kiện toàn những phẩm chất cần có. Người xuất gia, dù tu tập theo bất cứ truyền thống, hệ phái, tông phái nào và dù ở bất cứ vị trí nào trong Giáo hội hay xã hội thì mục tiêu phải đạt được là thành tựu giới học, định học và tuệ học. Giới định tuệ là cốt lõi của sự nghiệp tu tập, là ba chân vạc chắc chắn của đời sống xuất gia. Do vậy, có thể nói, nếu không chuyển hóa để “thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học” thì người ấy chỉ là “hình đồng xuất gia” mà thôi.

Thế Tôn đưa ra ảnh dụ về con lừa đi theo đàn bò và nghĩ rằng “ta cũng là con bò” thật cụ thể, ấn tượng và sâu sắc. Con lừa thì hoàn toàn khác biệt con bò nên đâu có đi theo đàn bò hay lẫn lộn giữa đàn bò thì lừa cũng vẫn là lừa. Chỉ tội nghiệp cho con lừa mê muội nghĩ rằng mình là bò, “thấy sang bắt quàng làm họ” mà chẳng chút tương ứng.

Ngày nay, người xuất gia khá nhiều. Chúng ta đều nguyện theo dấu chân xưa của Phật, Tổ nhưng ai đã theo kịp? Ai đích thực là Tỷ kheo và ai chỉ là người đi theo sau lưng chúng Tỷ kheo mà nghĩ rằng “ta cũng là Tỷ kheo”? Giới, định và tuệ nơi tự thân mỗi người sẽ là câu trả lời và đó cũng chính là mục tiêu thiết thực nhất cho một đời dẫn thân tu học. ▀

## 2- KHẮT SĨ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi Bà la môn Bhikkhaka đi đến, sau khi chào đón, hỏi thăm, ngồi xuống một bên bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, con là người khát thực và Tôn giả cũng là người khát thực. Vậy có sự sai khác gì giữa chúng ta?

Thế Tôn đáp: “Không phải ai ăn xin; cũng gọi là khát sĩ; nếu chấp trì độc pháp; không còn gọi Tỷ kheo; ai sống ở đời này; từ bỏ các phước báo; đoạn trừ mọi ác pháp; hành trì theo phạm hạnh; sống đời sống chánh trí; vị ấy xứng Tỷ kheo”.

Khi được nghe nói như vậy, Bà la môn Bhikkhaka bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Bhikkhaka, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.400)

### LỜI BÀN:

Khất sĩ là một trong những ý nghĩa cao quý của Tỷ kheo. Về phương diện nuôi sống thân mạng, Tỷ kheo chọn pháp khát thực, làm một kẻ ăn xin đích thực. Trong vô vàn kẻ ăn xin lang thang từ nơi này đến nơi khác tìm cái ăn để sống vất vưởng qua ngày thì những người ăn xin, Tỷ kheo trì bình khát thực với mục đích hoàn toàn khác, vì tự lợi và lợi tha. Tự lợi là dùng khát thực làm phương tiện nuôi dưỡng sắc thân để tu tập. Lợi tha là dùng phương tiện khát thực để giáo hóa và tạo phước điền cho chúng sanh. Vì thế,



khất thực là truyền thống của mười phương ba đời chư Phật.

Khất sĩ là người ăn xin nhưng không phải kẻ xin ăn nào cũng là khất sĩ, Thế Tôn đã khẳng định như vậy. Nếu thực hành hạnh khất thực để chỉ đơn thuần nuôi thân mà không đoạn trừ ác pháp, không thực hành phạm hạnh, không sống đời chánh trí thì không phải Tỷ kheo. Ngày nay, đa phần các Tỷ kheo không trì bình khất thực nhưng vẫn nhận sự dâng cúng của Phật tử và sự ủng hộ của các nhà hảo tâm để sống, tu tập và thực thi Phật sự. Dù không trực tiếp thực hành theo phương thức “một bát, cơm ngàn nhà” nhưng bản chất của khất sĩ vẫn không thay đổi.

Quán chiếu để thấy tự thân là một khất sĩ, một người ăn xin đích thực là nhiệm vụ của mỗi Tỷ kheo. Nguyện sống đời khất sĩ không cầu phước báo nhân thiên, chỉ vì mục đích duy nhất là thoát ly sanh tử và nguyện cứu độ chúng sanh. Trong tinh thần phương tiện, một khất sĩ có thể và có quyền sở hữu nhưng phải thường quán sát với tuệ giác không có bất cứ cái gì “là tôi, là của tôi và tự ngã của tôi”.

Tuệ tri thường trực về ý nghĩa và bản chất của đời sống khất sĩ là động lực quan trọng để làm suy giảm, dẫn đến triệt tiêu tự ngã và tham ái. Đó cũng là lý do hàng Phật tử khi tu tập bố thí, gieo trồng ruộng phước nơi chúng Tăng không đơn thuần bố thí mà mang ý nghĩa cao cả là cung kính cúng dường.▲

### 3- BẬC TRƯỞNG LÃO

Một thời, Tôn giả Mahà Kaccàna trú ở Madhurà. Rồi Bà la môn Kandaràyana đi đến, thưa với Tôn giả Mahà Kaccàna như sau:

Tôi có nghe, thưa Tôn giả Mahà Kaccàna: “Sa môn Mahà Kaccàna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi đối với các bậc trưởng lão, trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời”. Thưa Tôn giả Mahà Kaccàna, có phải sự tình là như vậy không? Nếu sự tình có như vậy, thưa Tôn giả Mahà Kaccàna, là không được tốt đẹp.

Này Bà la môn, Thế Tôn, bậc Chánh đẳng giác đã tuyên bố về địa vị của trưởng lão và tuổi trẻ. Vị trưởng lão, này Bà la môn, 80 tuổi hay 100 tuổi đời, nếu vị ấy thọ hưởng các dục vọng, sống giữa các dục vọng, bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, bị nhai nghiền bởi các tâm tư dục vọng, cố gắng tìm cầu các dục vọng; người ấy như vậy được gọi là kẻ ngu, không phải là bậc trưởng lão. Dù cho, này Bà la môn, một người còn trẻ, với tóc đen nhánh, trong thời sơ khởi của tuổi đời, mà người ấy không thọ hưởng các dục vọng, không sống giữa các dục vọng, không bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, không bị nhai nghiền bởi các tâm tư dục vọng, không cố gắng tìm cầu các dục vọng; người ấy như vậy được gọi là bậc có trí, bậc trưởng lão.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.128)

#### LỜI BÀN:

Ở đời, tuổi tác là một nhân tố quan trọng tác thành nên vị trí của

cá nhân trong cộng đồng. Những người đáng tuổi ông, tuổi cha, tóc bạc, râu dài thì mặc nhiên được hậu sinh kính nể, tôn trọng. Trong đạo cũng vậy, những bậc trưởng lão, thâm niên lại càng được kính nể và tôn trọng hơn.

Tuy nhiên, ngoài vấn đề tuổi tác ra, nhân cách và tuệ giác của chính vị ấy mới là nhân tố quyết định địa vị đích thực của họ trong cộng đồng xã hội hoặc trong Tăng đoàn. Nhất là đối với hàng xuất gia thì phạm hạnh hay đức độ cùng với tuệ giác quyết định hoàn toàn vị trí của họ trong Tăng chúng.

Điều này giới luật đã quy định rạch ròi, đơn cử như một người dù lớn tuổi nhưng xuất gia và thọ giới sau thì phải ngồi dưới hoặc sau (hạ tọa). Nhưng sự phân biệt về thứ lớp có tính hình thức bên ngoài chưa phải là điều quan trọng, cốt tủy của vấn đề là thành tựu ly tham, ly dục biểu hiện bằng đạo đức, phẩm hạnh và tuệ giác nơi mỗi cá nhân. Thiếu vắng hoặc khiếm khuyết những phẩm chất giải thoát này thì dù cho vị ấy có niên cao lạp trưởng, thường ngồi cao hay ngồi trên trong chúng Tỷ kheo thì vẫn là bậc hạ tọa, trung tọa mà không phải là bậc trưởng lão.

Thì ra, ly dục và vượt thoát lưới dục mới là chất liệu kiến tạo nên địa vị trưởng lão. Chưa thoát ly khỏi trói buộc của tham đắm lợi danh, dù người ấy được tôn vinh tới đâu đi nữa, theo Thế Tôn chỉ là hàng vô trí, bậc hạ tọa mà thôi. Vậy nên, bậc có trí, hàng trưởng lão đích thực luôn phản tỉnh để biết rõ tâm mình, bởi trạng huống của nội tâm trong hiện tại phản ánh vị trí của mình trong Tăng đoàn chính xác nhất.▲

## 4- NĂM HẠNG NGƯỜI ĂN BÌNH BÁT

Một thời, Thế Tôn ở Kosala, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này. Thế nào là năm?

Hạng dần độn ngu si ăn từ bình bát; hạng ác dục ác tánh ăn từ bình bát; hạng kiêu mạn loạn tâm ăn từ bình bát; hạng ăn từ bình bát vì được nghe Thế Tôn và các đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này, ăn từ bình bát.

Trong năm hạng người ăn từ bình bát, này các Tỷ kheo, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ.

Ví như, này các Tỷ kheo, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thực tô, từ thực tô có đề hồ. Đây được gọi là đệ nhất. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong năm hạng người ăn từ bình bát, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Rừng, phần Ăn từ bình bát, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.666)

### LỜI BÀN:

Chư Tỷ kheo ôm bình bát khát thực vào mỗi buổi sáng là hình ảnh đẹp và quen thuộc đối với những địa phương có chư Tăng Phật giáo Nam tông. Phật giáo Bắc tông tuy không trì bình khát thực nhưng mỗi năm vào mùa An cư, chư vị Tỷ kheo vẫn giữ truyền thống thọ bát.

Theo quan điểm của Thế Tôn thì thành phần của những người thọ

bát này rất đa dạng, có đến năm hạng. Điều này cũng dễ hiểu bởi chúng sanh căn tánh và nghiệp lực sai biệt. Do vậy, dẫu xuất gia rồi nhưng trong quá trình phấn đấu chuyển nghiệp để đạt đến sự hoàn thiện thì một số người còn những biểu hiện của sự tồn tại, hạn chế xuất phát từ nghiệp là tất nhiên. Tuy cùng hình thức xuất thế, đầu tròn áo vuông, ba y một bát nhưng trong bản chất thì mỗi Tỷ kheo phải phấn đấu để khắc phục nghiệp dĩ của chính mình. Có người nặng về nghiệp si, nghiệp tham, nghiệp sân hoặc nặng về danh vọng và cung kính... nói chung là những chướng ngại cho tiến trình thăng hoa và thanh tịnh tâm.

Trong năm hạng người ăn từ bình bát, Thế Tôn tán thán hạng người ăn bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành. Bởi đây là những Tỷ kheo hạt giống, là tiềm năng cho quả vị A la hán. Vì muốn ít và biết đủ là nền tảng căn bản của việc đoạn trừ tham, một phiền não làm nên bản chất của chúng sanh. Đoạn giảm là nỗ lực chế ngự dẫn đến triệt tiêu những chướng ngại của phiền não. Viễn ly là xa lìa những ảnh hưởng và tác động của thế tục để hướng đến sự thanh tịnh đồng thời tận lực làm tất cả những điều lành để phát triển thiện nghiệp. Vì lẽ ấy mà những Tỷ kheo nào thực hành đầy đủ các công hạnh này thì được Thế Tôn tán thán là thượng thủ, đệ nhất.

Từ sửa qua quá trình tinh luyện sẽ thành đê hồ. Cũng vậy, từ năm hạng người ăn bát, nếu chư Tỷ kheo biết tinh tấn tu học, nhất là trong những mùa an cư thì sẽ còn một hạng duy nhất, đó là hạng thượng thủ, tối thắng. Đây cũng là bản hoài của Thế Tôn đối với hàng Thích tử trong thời Ngài tại thế và mãi cho đến tận hôm nay.▲

## 5- SỐNG BIỆT LẬP

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thế nào là năm?

Này các Tỷ kheo, ở đây, Tỷ kheo không tự vừa đủ với y phục nhận được chỗ này chỗ kia; không tự vừa đủ với đồ ăn khát thực chỗ này chỗ kia; không tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia; không tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia; và sống với nhiều tư duy về dục.

Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng.

Này các Tỷ kheo, ở đây, Tỷ kheo tự vừa đủ với y phục nhận được chỗ này chỗ kia; tự vừa đủ với đồ ăn khát thực chỗ này chỗ kia; tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia; tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia; và sống với nhiều tư duy về viễn ly.

Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ kheo đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Bệnh, phần Sống biệt lập, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.544)

### LỜI BÀN:

Không phải đợi đến ngày nay Giáo hội mới đề cập đến việc Tăng Ni ra ở riêng, lập am, cất cốc, dựng thất... mà từ thời Thế Tôn, vấn đề này đã được hướng dẫn chi tiết, rõ ràng với các tiêu chí, điều kiện cụ thể.

Trước hết, Thế Tôn luôn ca ngợi, tán thán những ai lập hạnh và

dấn thân trên con đường độc cư thiền định. Bởi sống độc cư là thực hiện hạnh viễn ly, tạo môi trường lý tưởng cho thực tập thiền định để chúng đạt hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát. Tuy nhiên, không phải ai cũng đủ tiêu chuẩn để bước vào con đường này. Nếu chưa điều phục, đoạn giảm tham dục để muốn ít và biết đủ và nhất là chưa thiết lập được chánh niệm vững chãi thì tốt nhất cần phải nương tựa vào Tăng chúng, không được ở riêng.

Vì thế, đa phần những người tu sơ cơ phải gắn bó với Tăng. Tăng chúng có năng lực bảo hộ, soi sáng và trợ duyên rất nhiều cho người xuất gia. Rồi khi đại chúng trong khi chưa đủ hành trang để sống một mình là tự phế bỏ sự nghiệp tu học. Kinh nghiệm của các bậc cao tăng tiền bối “Tăng ly chúng Tăng tàn” đã chứng minh điều ấy.

Trước thực tế Tăng Ni sống biệt lập với đại chúng, xây dựng am cốc ngày càng gia tăng hiện nay, chưa hẳn là điều đáng mừng. Đức Phật tuy khuyến khích hàng xuất gia sống độc cư thiền định nhưng quy định các điều kiện khá chặt chẽ và tiêu chuẩn cũng khá cao. Do đó, những ai tự xét đã hội đủ các quy chuẩn để sống biệt lập thì nên dấn thân để thành tựu giải thoát. Đối với những ai tự thấy mình còn nhiều tham dục, chưa đủ điều kiện để sống riêng thì cần trở về nương tựa Tăng.▲

## 6- KHÔNG NÊN SỐNG QUÁ LÂU Ở MỘT NƠI

Một thời, Thế Tôn trú tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Có năm nguy hại này, này các Tỷ kheo, nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm?

Xan tham đối với trú xứ, xan tham đối với gia đình, xan tham đối với đồ vật cúng dường, xan tham đối với công đức, xan tham đối với pháp.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ. Thế nào là năm?

Không xan tham đối với trú xứ, không xan tham đối với gia đình, không xan tham đối với đồ vật cúng dường, không xan tham đối với công đức, không xan tham đối với pháp.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Du hành dài, phần Sống quá lâu một nơi, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.725)

### LỜI BÀN:

Một trong những đặc điểm của đời sống chư Tăng là du hành. Không nhà cửa, tài sản, vợ con đã đành lại không sống lâu ở một nơi nhằm buông xả, tránh dính mắc, luyện ái với mọi thứ. Ngay cả gốc cây mà vị Tăng an trú trong rừng cũng được Thế Tôn khuyến cáo không nên trụ quá ba đêm, hướng gì nhà cao cửa rộng, chùa to Phật lớn. Vì thế, sẽ không ngạc nhiên khi chư Tăng thường hay di chuyển, thay đổi trú xứ, thông dong với “Một bát cơm ngàn nhà, thân chơi muôn dặm xa, mắt trông xem trần thế, mây trắng hỏi đường qua”.

Con người thích hoài niệm, luyện tiếc quá khứ nên rất khó quên và xả ly những gì mình đã từng dày công vun đắp, gây dựng, gắn bó và thân thương. Cố nhiên đó không phải là điều xấu nhưng



mến thương, lưu luyến nhiều cũng chưa phải là điều hay, nhất là đối với những ai nguyện hướng đến buông xả, thanh thoi và tự tại. Suốt một cuộc đời ta chuyên tâm làm điều thiện như tu niệm, xây chùa, dựng tháp, giáo hóa đồ chúng, với biết bao công đức và phước báo. Rồi trước những thành công cùng với cung kính, ca ngợi, tán dương ấy ta có đủ bản lĩnh và tỉnh táo để vô chấp, khước từ, ra đi không lưu lại dấu vết như “nhận quá trường không”?

Xây dựng thiện nghiệp vốn cực kỳ khó nhưng từ bỏ nó để đi đến tuyệt cùng xả buông cũng chẳng dễ tí nào. Vì thế, không ít người dám vượt qua Hóa thành để thông dong về Bảo sở. Tham ái theo dục vọng tầm thường hay tham ái thiện nghiệp dù khác nhau nhưng xét cho cùng cũng vẫn là tham, mà đã là tham thì chưa giải thoát.

Xuất gia là ra đi, một cuộc chia tay, ly tham, khước từ vĩ đại nhất đối với hết thảy: làm tất cả điều thiện, lợi ích mà không chấp thủ; không bị dính mắc, trói buộc và buông bỏ tất cả. Vẫn biết “có an cư mới lạc nghiệp” song ý nghĩa đích thực của an cư là tâm thái xa lìa hoàn toàn tham ái và chấp thủ.▶

## 7- BỐN HẠNG THUYẾT TRÌNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng thuyết trình này. Thế nào là bốn?

Có bốn hạng thuyết trình, này các Tỷ kheo, đi đến ngô bí về nghĩa, không về văn; có hạng thuyết trình này, này các Tỷ kheo, đi đến ngô bí về văn nhưng không về nghĩa; có hạng người này, này các Tỷ kheo, đi đến ngô bí về nghĩa cũng như về văn; có hạng người, này các Tỷ kheo, không đi đến ngô bí về nghĩa cũng như về văn.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người thuyết trình này.

Không có trường hợp này, này các Tỷ kheo, không có cơ hội này, là một người đã thành tựu bốn vô ngại giải, lại đi đến ngô bí về nghĩa cũng như về văn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Loài người, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.78)

### LỜI BÀN:

Trong phận sự của mỗi người con Phật, ngoài việc tu tập để đạt an lạc, giải thoát cho tự thân thì tuyên thuyết, trao truyền và xiển dương giáo pháp nhằm giáo hóa chúng sanh hướng về Tam bảo là nhiệm vụ quan trọng. Muốn hành trì và thuyết giảng đúng Chánh pháp thì trước phải học tập, nghiên cứu để am tường giáo pháp.

Con đường để nhận thức toàn diện giáo pháp là Văn-Tư-Tu; nghe, đọc, học hỏi, nghiên tẩm rồi suy tư, chiêm nghiệm nghĩa lý và nhất là sự thẩm thấu, thể nghiệm giáo pháp thông qua hành trì, nội chứng. Kiện toàn được những yếu tố này, thì dù chưa đạt đến biện tài vô ngại song cũng đủ tư lương để xiển

dương Chánh pháp.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, muốn diễn đạt, tuyên thuyết, trình bày một vấn đề trước hội chúng có sức thuyết phục cần thông suốt văn và nghĩa. Văn bản, kinh sách, tâm chương trích cú phải thông thuộc, đúng gốc, rõ ràng đồng thời nghĩa lý, ý tứ của kinh văn phải hiểu rõ để diễn đạt mạch lạc, chính xác. Và dĩ nhiên, nhưng ai chưa thông suốt cả văn lẫn nghĩa hoặc thông thạo về văn nhưng chưa thông về nghĩa lý thì tốt nhất là “im lặng như Chánh pháp”, cần rèn luyện và trau dồi thêm. Trường hợp, liễu triệt về nghĩa nhưng bị giới hạn về văn, muốn có phương tiện hoằng hóa cũng cần bổ túc thêm cho đến khi hiểu biết trọn vẹn cả văn lẫn nghĩa.

Khi dự vào Thánh vị, thành tựu Bốn vô ngại giải (giáo pháp, nghĩa lý, ngôn từ, biện giải vô ngại) là điều kiện lý tưởng để tuyên thuyết giáo pháp. Khi chưa thành tựu Bốn vô ngại giải hay liễu tri văn nghĩa, không vì thế mà không tận lực tuyên dương Chánh pháp, song cần phải tự biết mình để kiện toàn. Ngày nay, không ít người thuyết pháp vì không hiểu được tinh nghĩa Đại thừa nên vội vàng quy kết là phi Phật pháp. Trừ những ai chứng đạt Bốn vô ngại giải, còn hàng phàm phu thì nên cẩn trọng, thiết nghĩ đó cũng là vấn đề cần lưu tâm của mỗi người con Phật, trong bối cảnh hoằng pháp hiện nay.▲

## 8- BA VIỆC TRỌNG YẾU CỦA NGƯỜI TU

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli, dạy các Tỷ kheo:

Có ba việc này, này các Tỷ kheo, một nông phu cần phải làm trước. Thế nào là ba?

Người nông phu trước hết phải khéo cày bừa. Cày bừa xong người ấy gieo hạt đúng thời. Gieo hạt đúng thời xong người ấy cho nước chảy vô chảy ra đúng thời. Ba việc này, này các Tỷ kheo, một nông phu cần phải làm trước.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có ba công việc này, một Tỷ kheo cần phải làm trước. Thế nào là ba?

Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng tâm học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Ba công việc này, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo cần phải làm trước.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Sa môn, phần Nghề nông [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.416)

### LỜI BÀN:

Mỗi người đều có vô vàn công việc, từ chuyên môn cho đến những chuyện vụn vặt, từ những việc làm có lợi ích thiết thực ngay hiện tại cho đến sẽ hữu ích trong tương lai... Tuy nhiên, điều quan trọng là mỗi người với vai trò khác nhau phải xác định được những việc chính yếu cần làm ngay để hoàn thành trách nhiệm với tự thân và xã hội.

Với người nông dân thì vụ mùa bội thu là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực cày bừa, gieo hạt, chăm sóc... trước đó. Sau vụ mùa, người nông dân có thể làm một nghề tay trái nào đó để cải thiện, tăng thu nhập nhưng trong chính vụ mà lơ là hoặc không tập trung cho công việc đồng áng thì không nên.

Đối với người tu Phật cũng vậy, thành tựu Tam vô lậu học Giới-

Định-Tuệ là trọng tâm của sự nghiệp tu tập giải thoát, vì thế ba môn học vô lậu này phải được ưu tiên hàng đầu. Giới-Định-Tuệ là cốt tủy, xương sống của mọi pháp môn tu tập Phật giáo. Dù Phật giáo có vô lượng pháp môn nhưng nếu nhân danh tu tập theo Phật mà thiếu vắng hoặc trống rỗng về Giới-Định-Tuệ thì xem như đang ở bên ngoài Chánh pháp.

Mặc dù tinh thần phương tiện cho phép người tu tùy duyên thực hành mọi việc lành để lợi ích cho chúng sanh nhưng phải xác định rõ ràng giữa cứu cánh và phương tiện. Cứu cánh là giải thoát, tức thành tựu viên mãn về Tam vô lậu học Giới-Định-Tuệ. Tinh thần phương tiện đúng đắn của Phật giáo chính là thông qua phương tiện sẽ trui rèn ý chí, mài giũa nhân cách và làm hiển lộ cứu cánh nội tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt, từ bi tràn đầy. Nếu vận dụng phương tiện trong quá trình tu học mà không đem đến “lợi mình, lợi người, lợi cả hai” lại còn tăng trưởng phiền não, ngã chấp, tham ái... thì chắc chắn đó không phải là phương tiện thiện xảo.

Việc đáng làm thì chưa làm hoặc làm chưa trọn, việc làm trước thì lại làm sau... phải chăng đây là điều mà những hành giả cần phải suy ngẫm trước vô vàn “Phật sự” bộn bề. Vì thế, xác định đúng vấn đề là chính yếu hay thứ yếu để thực hành là sự trạch pháp, một trong những yếu tố căn bản đưa đến thành công.▲

## 9- XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC XÂY THÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, bốn hạng người này xứng đáng để được dựng tháp. Thế nào là bốn?

Như Lai, bậc A la hán xứng đáng được dựng tháp; vị Độc giác Phật xứng đáng được dựng tháp; đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp; Chuyển luân vương xứng đáng được dựng tháp.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, xứng đáng được dựng tháp.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Sợ hãi phạm tội, phần Xứng đáng được dựng tháp, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.283)

### LỜI BÀN:

Tháp là một kiến trúc đặc trưng trong quần thể kiến trúc chùa viện Phật giáo. Ngoài những ngôi tháp cao lớn thờ Phật, xá lợi Phật, kinh sách, pháp khí, còn có các tháp mộ thờ xá lợi hoặc an táng hài cốt của chư Tăng. Hiện nay, hầu hết các chùa viện trên thế giới và ở nước ta đều xây dựng tháp phụng thờ Tam bảo. Tháp và bi ký ngoài biểu tượng tôn giáo và tâm linh còn là những chứng tích lịch sử quan trọng.

Thời Thế Tôn còn tại thế, tuy chủ trương du hành, tu tập giải thoát, việc xây dựng tu viện phần lớn do hàng cư sĩ đảm trách nhưng Ngài quan tâm đến việc xây tháp và đã chỉ đạo đệ tử xây tháp phụng thờ xá lợi chư Thánh tăng như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Kiều Đàm Di v.v... Sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn, việc xây tháp phụng thờ Tam bảo, nhất là thờ xá lợi Phật và chư Tăng là một trong những Phật sự quan trọng, truyền thống này vẫn được

truyền thừa đến ngày nay.

Theo tuệ giác Thế Tôn, chỉ những người tu hành, đầy đủ phước đức và trí tuệ, là biểu tượng cao cả để cho hậu thế noi gương mới xứng đáng được xây tháp phụng thờ. Đức Phật và các bậc Thánh A la hán, những vị Độc giác, chư Tăng và Chuyển luân vương (người có công đem lại hòa bình và hạnh phúc cho toàn thể nhân loại) mới được xây tháp. Bảo tháp thờ Phật Pháp Tăng được xem trọng như bảo điện (chánh điện), là nơi cầu nguyện lễ bái của tín đồ và dĩ nhiên thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Ngày nay, một vài chư Tăng không có di nguyện xây mộ tháp sau khi xả báo thân. Đó là tâm nguyện riêng của các ngài, chúng ta luôn tôn trọng nhưng phải ý thức rằng quý ngài đầy đủ phước báo, xứng đáng được xây tháp để kính lễ và tôn thờ. Dầu rằng tứ đại giai không, các pháp đều như huyễn nhưng trong phạm trù tương đãi của tục đế, bảo tháp là biểu tượng cao cả của Tam bảo, là kết tinh của sự nghiệp và công hạnh của một vị Tăng cho hàng hậu thế lễ bái, học tập và noi theo.▲

## 10- XUẤT GIA KHI TUỔI XẾ CHIỀU

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. Thế nào là năm?

Thật khó tìm được, này các Tỷ kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại tế nhị; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi có uy nghi tốt đẹp; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi nghe nhiều; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi thuyết pháp; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi trì luật.

Này các Tỷ kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Triền cái, phần Khó tìm được [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.432)

### LỜI BÀN:

Thâm niên trong cửa thiền là một trong những điều kiện cần để thấm nhuần giáo pháp, un đúc và kiện toàn những phẩm chất cần thiết của một người xuất gia. Vì thế, hàng đồng chơn (tuổi trẻ) xuất gia luôn là niềm hy vọng cho đạo pháp và thực tế cho thấy đa phần các cao tăng đều xuất gia khi tuổi đời còn rất trẻ.

Vậy nên khi lớn tuổi mới đủ duyên xuất gia, nỗ lực ấy thật đáng trân trọng song phải phấn đấu, cố gắng thật nhiều. Bởi tập khí cuộc đời in sâu vào tâm thức như tấm vải đã ố bụi trần, sẽ rất khó để nhuộm thành màu như ý nếu không chuyên cần tẩy rửa tinh sạch. Vì thế, có không ít thách thức chờ đợi người xuất gia lớn tuổi...

Trước hết là sự tế nhị tức độ mềm dẻo, chín chắn đến thuần thực



biểu lộ ra bằng hành xử bình thường trong đời sống hàng ngày. Chấp nhận làm sư đệ, ở vị trí thấp, ngồi sau và nhất là phải kính trọng, phục tùng, học tập hàng sư huynh chỉ đáng tuổi em, cháu mình là điều không đơn giản. Khá nhiều người xuất gia lớn tuổi chưa vượt qua được cửa ải này.

Kế đến là chuyển hóa tập khí để có được sự đĩnh đạc mà thanh thoát, nghiêm trang mà dung dị, nhẹ nhàng nhằm thành tựu uy nghi một cách tự nhiên cũng là điều khó. Dấu ấn thế gian hẳn sâu vào nét mặt, lời nói, tiếng cười và cả mỗi bước chân đi... khiến người có kinh nghiệm dễ dàng nhận ra “chưa thấm tương chao”, dù lúc “ngài” nào cũng lẩn tránh hạt hay diện cả áo vàng sáng rực.

Càng khó hơn cho người xuất gia lớn tuổi nhằm thành tựu học rộng, nghe nhiều, thuyết kinh, giảng pháp và trì giới vì lực bất tòng tâm. Sức khỏe, ý chí và nhất là tập khí làm chướng ngại sự chuyển hóa không ít. Do vậy, hơn ai hết, những người xuất gia khi tuổi về chiều phải thấy rõ duyên nghiệp của mình để khắc phục, vươn lên.

Xuất gia vốn là con đường hẹp, càng hẹp hơn cho người lớn tuổi. Trong các đại giới đàn hiện nay, không ít các cụ Sa di và Tỷ kheo xứng xính trong những bộ y vàng. Đây cũng là một tín hiệu lành cho xã hội và đạo pháp nếu chư vị biết nhìn lại mình để phần đầu nhiều hơn.▲

## 11- HOÀN TỤC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni nào, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, có năm vấn đề hợp pháp để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Thế nào là năm?

Trong Thầy (vị ấy nghĩ) không có lòng tin đối với các thiện pháp, trong Thầy không có lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, trong Thầy không có lòng sợ hãi đối với các thiện pháp, trong Thầy không có tinh tấn đối với các thiện pháp, trong Thầy không có trí tuệ đối với các thiện pháp.

Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni nào, này các Tỷ kheo, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, năm vấn đề hợp pháp này để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sức mạnh hữu học, phần Học pháp [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.309)

### LỜI BÀN:

Xuất gia là phát nguyện đi theo con đường Thánh, lộ trình ấy thường được gọi nghịch lưu. Bởi không xuôi theo những cám dỗ, đam mê của thế thường nên người sơ tâm phải đối diện với vô vàn khó khăn trước tình cảnh phước mỏng, nghiệp dày. Với thách thức này, không phải người xuất gia nào cũng dễ dàng vượt qua nên có người phải trở về rồi quay lại hoặc về hẳn làm người con Phật tại gia, tu thân và hộ pháp.

Không còn tiếp tục con đường xuất gia, trở về đời sống cư sĩ tại gia là chuyện rất bình thường. Đôi khi, hoàn tục là điều hay cho những ai nhận thấy sức mình không kham nổi hoặc thối thất chí

nguyện ban đầu hay gặp những hoàn cảnh xảy ra ngoài ý muốn. Thời Thế Tôn tại thế, nhiều vị xuất gia đã hoàn tục, dù có quả trách ít nhiều song hầu hết Phật đều tùy thuận. Bởi Ngài thấu rõ duyên nghiệp mỗi người và nhất là tu tập hoàn toàn dựa trên nền tảng tự nguyện, mọi sự ép uổng sẽ không đem lại kết quả mà đôi khi còn phản tác dụng.

Với bất cứ hoàn cảnh nào, người con Phật cũng cần quán sát nguyên nhân. Khi đã thấy rõ duyên khởi của vấn đề thì chúng ta không trách cứ hay phàn nàn về ai cả. Do thấy tổ không quan tâm, do huynh đệ không đùm bọc, do Phật tử không ủng hộ ư? Điều quan trọng nhất phải nhận ra là do mình. Dấn thân bước tới, dừng lại hưởng an nhàn hay thoái lui hoàn tục, xét cho cùng cũng do mình tự quyết. Vì thế, nếu trách trước phải nên tự trách mình.

Cố nhiên hoàn tục là thối thất trong sự nghiệp xuất gia nhưng điều quan trọng là chúng ta nhìn nhận vấn đề như thế nào và bản thân người hoàn tục nhận thức ra sao về trách nhiệm của mình với Đạo pháp? Đâu đó vẫn còn những nhìn nhận, đánh giá thiếu cảm thông và nhất là chưa có giải pháp thỏa đáng cho những vị đã hoàn tục có điều kiện tiếp tục cố gắng xây dựng ngôi nhà Phật pháp. Điều này thiết nghĩ cũng là thao thức, trăn trở của tất cả những người con Phật trong bối cảnh hiện nay. ▀

## 12- KHÓ LÀM

Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Maghadha, làng Nàlaka. Rồi du sĩ Jambukhàdaka đi đến, sau khi chào đón hỏi thăm và nói với Tôn giả Sàriputta:

Này Hiền giả Sàriputta, trong Pháp-Luật này cái gì là khó làm?

Xuất gia, này Hiền giả, là điều khó làm trong Pháp-Luật này.

Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả Sàriputta, cái gì là khó làm?

Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, hoan hỷ là điều khó làm.

Này Hiền giả Sàriputta, đối với người đã hoan hỷ, cái gì là khó làm?

Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ, điều khó làm là sự thực hành đúng pháp và tùy pháp.

Có lâu không, này Hiền giả Sàriputta, một người đã thực hành đúng pháp và tùy pháp có thể thành vị A la hán?

Không lâu, này Hiền giả.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 4, Tương ứng Jambukhàdaka, phần Khó làm, NXB Tôn Giáo, 2001, tr.416)

### LỜI BÀN:

Trong nỗ lực hướng thiện của tự thân chắc chắn có nhiều việc khó làm nhưng có lẽ khó nhất là phát tâm xuất gia. Vượt qua những ràng buộc về thể thường, phát nguyện sống thanh bần thông dong tự tại, dẫn thân vì thượng cầu hạ hóa là điều mà không phải ai cũng hội đủ duyên lành để thực hiện trọn vẹn.

Tuy khó làm nhưng xuất gia chỉ mới ở trong giai đoạn đầu. Bởi ngoài việc ra khỏi căn nhà thế tục, người xuất gia phải cố gắng thật nhiều để thoát khỏi căn nhà phiền não và vượt qua vòng kềm tỏa sanh tử nơi nhà lửa tam giới. Trong đời sống xuất gia, khi nội lực của định tuệ chưa đủ thâm hậu để đạt đến sự vững chãi và an tịnh thì rất cần đến sự kham nhẫn. Chịu đựng, nhẫn nại, chấp nhận thực tại để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trên đường tu một cách hoan hỷ, vui vẻ là điều không đơn giản.

Hoan hỷ là biểu hiện của một tâm lượng bao dung, tràn đầy tuệ giác và từ bi. Khi chưa đạt được hạnh phúc giải thoát của bậc Thánh, hoan hỷ là một trong những chất liệu tối cần để nuôi dưỡng thân tâm và giữ vững ý chí, tâm nguyện xuất gia ban đầu. Nếu đánh mất hoặc thiếu vắng sự hoan hỷ sẽ khiến cho tâm hồn trở nên cau có, khô cằn, chai sạn thậm chí có thể trở lì, đông đặc hoặc phản ứng ngược lại trở thành mềm yếu, đa cảm, ủy mị và bi thương. Hoàn toàn chướng ngại cho tiến trình thăng hoa tâm linh nếu rơi vào những tâm lý thái cực này.

Một khi đã chấp nhận thực tại với tâm hoan hỷ thì việc cần làm và phải làm của người xuất gia là thực hành đúng pháp và tùy pháp. Chỉ có nương tựa và thực hành theo Chánh pháp mới có thể đoạn trừ phiền não, giải thoát khổ đau, thoát ly sanh tử. Thế nhưng trong thực tế tu tập thì việc thực hành đúng pháp và tùy pháp lại vô cùng nan giải. Điều này tưởng chừng phi lý nhưng lại vô cùng hợp lý bởi quá trình vận động nghịch lưu với thác ghềnh nghiệp lực thì không phải lúc nào cũng như ý, muốn là được. Do đó, để thực hành đúng pháp và tùy pháp là cả một quá trình tu học bền bỉ và liên tục.

Nhờ đó, quả vị A la hán sẽ đến không lâu sau cho những ai thực hành đúng pháp và tùy pháp. Ngay đây, “Sanh đã tận, lậu đã tận, gánh nặng đã đặt xuống...” những điều khó làm đã làm xong. ▴

### 13- HÓA DUYÊN

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambì, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo thân cận các gia đình, không được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng và noi gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị ấy thân mật với người không thân tín, can thiệp vào việc không có thẩm quyền, ra vào với các phần tử chống đối, nói riêng một bên tai và xin quá nhiều.

Này các Tỷ kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng và noi gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị ấy không thân mật với người không thân tín, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền, không ra vào với các phần tử chống đối, không nói riêng một bên tai và không xin quá nhiều.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Andhakavinda, phần Đi đến các gia đình, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.529)

#### LỜI BÀN:

Trong bốn chúng đệ tử Phật, hàng cư sĩ có vai trò và vị trí quan trọng. Ngoài việc nương tựa chúng Tăng để tu học, những nam nữ cư sĩ còn đảm trách sứ mạng hộ pháp. Vì thế, hàng cư sĩ áo trắng còn được gọi là những Cận sự của Tam bảo. Trong quan niệm của người Phật tử thì “Tăng đáo như Phật lai”, chư Tăng đến nhà như Phật đến. Thật vinh dự và hạnh phúc cho gia chủ khi lời thỉnh cầu thọ trai hoặc pháp sự được chư Tăng chấp nhận hay vì một duyên sự nào đó mà chư Tăng hiện hữu trong gia đình.

Đối với Tỷ kheo, vị xuất gia cầu giải thoát khi thân cận hàng

Phật tử tự trung không ngoài Phật sự, bi nguyện độ sanh. Vị Tỷ kheo đối với tín đồ phải là người thầy, bậc mô phạm để Phật tử quy ngưỡng, kính trọng và noi gương tu tập. Tuy nhiên, không phải vị Tỷ kheo nào khi thân cận với Phật tử cũng để lại ấn tượng tốt đẹp. Thảng hoặc đây đó trong hàng ngũ xuất thế, một vài Tỷ kheo sau khi tiếp cận với tín đồ không đem lại tịnh tín cho họ. Không chỉ không được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng và noi gương để tu tập thậm chí còn làm suy giảm, thối thất niềm tin nơi Tam bảo.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, nếu không phải vì hóa duyên thì nên tránh xa những nơi ồn náo, tụ lạc. Khi có duyên sự phải đến nhà cư sĩ thì phải tránh năm điều: không thân mật với người không thân tín, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền, không ra vào với các phần tử chống đối, không nói riêng một bên tai và không xin quá nhiều. Gặp đúng người, nói đúng việc, giữ vững uy nghi khi vào tư gia của Phật tử là điều bắt buộc đối với một vị Tỷ kheo. Đặc biệt là không nên vận động hay quyên góp quá nhiều, dù rằng việc làm này đem đến phúc báo cho người Phật tử nhưng sẽ tốt hơn nên để họ phát tâm, tự lượng sức để ủng hộ, cúng dường mà không làm suy kiệt hoặc ảnh hưởng đến kinh tế.

Lân mẫn, thân cận để trợ duyên cho Phật tử tu học đồng thời giữ vững phong thái của một bậc thầy là trách nhiệm của vị Tỷ kheo. Hướng về giải thoát, làm đạo sư của trời người, vị Tỷ kheo phải tinh chuyên để hoàn thiện mình, xứng đáng làm nơi nương tựa cho hàng Phật tử quy ngưỡng, noi gương tu học.▲

## 14- THIỀN VÀ GIÁO

Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú ở Ceti, tại Sahajàti. Tại đây, Tôn giả gọi các Tỷ kheo:

Này các chư Hiền, một số Tỷ kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ kheo tu thiền, nói như sau: “Những người này thiền cái gì? Thiền có lợi ích gì? Thiền như thế nào?”. Các Tỷ kheo chuyên tâm về pháp không hoan hỷ và các Tỷ kheo tu Thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa đến hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; không đưa đến lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người.

Ở đây, này các chư Hiền, một số Tỷ kheo tu Thiền không ưa thích các Tỷ kheo chuyên về tâm pháp, nói như sau: “Họ tháo động, thất niệm, lảm lời... Những người này chuyên tâm về cái gì? Pháp có lợi ích gì? Chuyên tâm về pháp như thế nào?”. Các Tỷ kheo tu Thiền không hoan hỷ và các Tỷ kheo chuyên tâm về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa đến hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; không đưa đến lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người.

(ĐTKVN, Tăng chi Bộ III, phẩm Dhamika, phần Mahàcunda [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.124)

### LỜI BÀN:

Trong vô lượng pháp môn tu mà Thế Tôn đã tuyên thuyết, tuy phong phú và đa dạng nhưng đều có một điểm chung, thuần nhất, đó chính là an lạc và giải thoát. Phương tiện thì tùy theo căn cơ có vô vàn sai biệt nhưng cứu cánh Niết bàn chỉ có một, duy nhất.

Tu Thiền hay chuyên tâm về Pháp, Tông môn hoặc Giáo môn



thầy đều là phương tiện và dĩ nhiên mỗi phương tiện đều có một đặc trưng riêng. Vì lẽ các pháp môn tu đều lưu xuất từ tuệ giác của Thế Tôn cho nên chắc chắn sẽ đưa hành giả đến giải thoát Niết bàn, như trăm sông đều xuôi về biển cả.

Tùy theo căn cơ, hoàn cảnh, nhân duyên... mà mỗi người con Phật tự chọn cho mình một pháp môn tu thích hợp. Tuy các pháp môn phương tiện có nhanh chậm, khó dễ khác nhau nhưng pháp môn nào cũng thù thắng, đều đưa đến giải thoát và an lạc. Do đó, người tu ngoài việc nắm vững pháp môn của mình cần tìm hiểu để biết thêm về các pháp môn khác nhằm trợ duyên hay ít ra cũng tránh được việc chỉ trích, phê phán đồng đạo, những pháp lữ có nhân duyên với những pháp môn tu tập khác nhau.

Vì vậy, không thể quy kết, tự cho pháp môn của mình là tối thắng. Sự tối thắng, theo quan điểm của Thế Tôn, chính là sự thực hành trọn vẹn theo pháp môn đã chọn. Ngày nay, thẳng hoặc vẫn còn sự “xung đột” về quan điểm tu tập giữa các tông phái (có thể vô tình hay cố ý nhằm xiển dương tông phái của mình) là điều không nên có. Vì như lời Tôn giả Mahàcunda đã học được từ Thế Tôn: “Hành động như vậy không đưa đến hạnh phúc, an lạc cho nhiều người; không đưa đến lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người”. ▽

## 15- ĐẾN VỚI GIA CHỦ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ kheo, khi đi đến các gia đình, thân tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo.

Này các Tỷ kheo, ví như một người nhìn cái giếng cũ, sườn núi dốc hay thác nước, thân tâm phải dè dặt, không có đường đột xông xáo.

Này các Tỷ kheo, các ông nghĩ như thế nào một Tỷ kheo xứng đáng đi đến các gia đình?

Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm sở y.

Này các Tỷ kheo, ví như bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc. Cũng vậy, vị Tỷ kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: “Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 5, phần Ví dụ với trăng [trích], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.341)

### LỜI BÀN:

Đời sống xuất gia, tuy bản chất là ly tục song thực tế luôn gắn liền với con người và cuộc đời. Khất thực để nuôi sống thân mạng và tùy duyên thuyết pháp độ sanh là nhiệm vụ của mỗi Tỷ kheo. Do đó, đi đến với gia chủ vào mỗi buổi sáng hàng ngày đối với các Tỷ kheo là tất yếu.

Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ đến với gia chủ với thái độ và cung cách

thế nào? Thật tuyệt vời khi Thế Tôn dùng hình ảnh mặt trăng để biểu thị cho sự quang lâm của Tỷ kheo, phải thực sự mang đến ánh sáng, mát mẻ và yên bình cho mọi nhà.

Trước hết là sự dè dặt, không đường đột xông xáo, luôn chánh niệm tỉnh giác để mọi biểu hiện luôn tương hợp với oai nghi tế hạnh. Sự thận trọng trong từng cử chỉ, lời nói là điều tối cần thiết vì ngay nơi cung cách của Tỷ kheo đã phản ánh rõ nét sự an tịnh nội tâm, tư cách đạo đức và năng lực giáo hóa của chính vị ấy.

Tiếp đến, vị Tỷ kheo khi đến với gia chủ trong tâm thái buông xả, như bàn tay mở giữa hư không. Đành rằng, khát thực là xin ăn nhưng không đơn thuần là nhận mà trong đó còn cho, cho rất nhiều bằng cách ban tặng giáo pháp. Do đó, luôn ý thức để tự làm chủ trong tinh thần muốn ít và biết đủ, không để cho danh lợi cám dỗ, sanh khởi tham ái. Nhờ đó, vị Tỷ kheo không bị vướng mắc, chẳng bị trói buộc.

Vì thế, muốn xứng đáng để đi đến các gia đình, nhằm giáo hóa và làm mô phạm cho hàng Phật tử, người con Phật xuất gia phải tự rèn luyện mình, trong sáng như mặt trăng, buông xả như bàn tay mở giữa hư không, tự tại và giải thoát.▲



**VII. HÃY TỰ MÌNH THẤP ĐƯỢC LÊN MÀ ĐI**

## 1- DỪNG CHÁNH PHÁP LÀM NGỌN ĐÈN

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli, làng Veluva, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hãy an cư vào mùa mưa, chỗ nào có bạn bè, có người quen biết. Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Veluva này.

Trong mùa an cư ấy, Thế Tôn bị bệnh trầm trọng, cảm thọ đau đớn khóc liệt nhưng Thế Tôn vẫn chánh niệm, tỉnh giác, không than vãn.

Rồi Thế Tôn thoát khỏi cơn bệnh, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài không có lời di giáo lại cho chúng Tỷ kheo.

Này Ànanda, Như Lai không nghĩ rằng: “Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ kheo”, hay “Chúng Tỷ kheo chịu sự giáo huấn của Ta”, thì này Ànanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ kheo?

Này Ànanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác.

Này Ànanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác. Những vị ấy, này Ànanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ kheo của Ta.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 3, phẩm Ambapàli, phần Bệnh [trích], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.237)

### **LỜI BÀN:**

Ngay từ thời Thế Tôn còn tại thế, Ngài đã khẳng định một điều cực kỳ hệ trọng rằng Như Lai không phải là giáo chủ, nhà lãnh đạo, điều hành chúng Tăng mà chỉ là vị Thầy chỉ đường, tùy duyên giáo hóa. Mặt khác, chúng Tỷ kheo cũng không phải chịu sự lãnh đạo, lệ thuộc hoàn toàn vào Thế Tôn mà phải tự giác, tự chứng, tự mình thấp đước lên mà đi. Điều này xác chứng rằng trong Phật giáo không có giáo quyền và sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn, hàng đệ tử ngoài việc nương tựa chính mình thì chỉ nương tựa vào Chánh pháp mà thôi.

Những lời giáo huấn của Thế Tôn trong mùa an cư sau cùng một lần nữa khẳng định tinh thần tự lực và tự giác ngộ. Người thầy chỉ có vai trò chỉ bày con đường tu tập, trợ duyên cho quá trình thăng hoa tâm của học trò. Và như thế, vai trò lãnh đạo chỉ hạn cuộc trong các hình thức tổ chức, đoàn thể có tính phương tiện chứ không thể lãnh đạo tâm linh. Chính Như Lai, người khai sáng ra đạo Phật mà đã phủ nhận vai trò lãnh đạo của mình, chỉ thừa nhận là Đạo sư, là Y vương thì hàng hậu thế không một ai là người có thể đảm nhận vai trò ấy. Đây là đặc điểm rất riêng, hy hữu, chỉ có trong Phật giáo.

Hàng đệ tử Phật dù khi Thế Tôn còn tại thế hay sau khi Thế Tôn diệt độ cần phải tự mình soi sáng cho chính mình bằng cách nương tựa Chánh pháp. Điều này đã được Thế Tôn lặp lại một lần nữa trước khi Niết bàn: “Này Ânanda, sau khi Như Lai diệt độ, chính Pháp và Luật sẽ là Đạo sư của các người”. Do vậy, thực hành nương tựa vào Chánh pháp, nương tựa vào chính mình là phương châm tu học của tất cả những người con Phật. ▀

## 2- TRÁNH XA HAI CỰC ĐOAN

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

Có hai cực đoan này, này các Tỷ kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành trí, đưa đến an tịnh, giác ngộ, Niết bàn.

Này các Tỷ kheo, thế nào là con đường Trung đạo? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành trí, đưa đến an tịnh, giác ngộ, Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 12, phẩm Chuyển pháp luân, phần Như Lai thuyết [trích], NXB Tôn Giáo, 2000, tr.610)

### LỜI BÀN:

Khi Thế Tôn rời khỏi Bồ Đề đạo tràng đến vườn Nai, lời vàng đầu tiên của Ngài là tu tập trung đạo, tránh xa hai cực đoan dục lạc và khổ hạnh ép xác. Như vậy, đắm say theo những tham vọng trần tục hay chịu cực khổ quá mức đều không phải chánh đạo, không liên hệ đến mục đích giải thoát. Đây cũng là kim chỉ nam tu tập cho tất cả những người con Phật, nhất là hàng xuất gia.

Tuy nhiên, vấn đề là hiện nay chúng ta xác định như thế nào là tránh xa hai cực đoan “đắm say trong các dục” và “tự hành khổ



mình”? Thời bấy giờ, khi Thế Tôn tắm rửa và thọ thực (bát cháo sũa do nàng Sujata dâng cúng) đã bị nhóm đạo sĩ Kiều Trần Như cho là hưởng thọ dục lạc. Có thể sự “hưởng dục” ấy, ngày nay không chừng lại bị xem là khổ hạnh, ép xác.

Như vậy, trong chừng mực nào đó, trung đạo chính là thiết lập sự quân bình, trung dung tương ứng với mức sống của xã hội hiện tại trong tinh thần thiểu dục tri túc. Ngày nay, kinh tế xã hội phát triển, nhờ đó mà chùa chiền xây dựng to lớn, đời sống của hàng xuất gia được nâng cao với nhiều tiện nghi, nếu như không rơi vào tân thời, sang trọng và xa hoa (chỉ tầm tầm bậc trung) thì có thể xem đó là lối sống trung đạo. Vì thế, chúng ta cần hiểu lời dạy của Thế Tôn một cách linh động về phương diện này.

Quan trọng hơn, Thế Tôn đã nói rõ tinh thần trung đạo của Ngài chính là Bát Thánh đạo. Như vậy, tránh xa hai cực đoan là tránh dẹp những chướng duyên có tính thái quá, cố chấp và rơi vào những thái cực nhằm phát huy và thành tựu Thánh đạo, đó cũng chính là Trung đạo. Cốt tủy của con đường này là thành tựu chánh kiến, thấu triệt sự thật về tính duyên sanh của thân, tâm và thế giới, vượt thoát tham ái và chấp thủ, chúng đạt giải thoát.▶

### 3- DÒNG ĐỜI XUÔI NGƯỢC

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Bhandā. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Có bốn hạng người, này các Tỷ kheo, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người đi thuận dòng, hạng người đi nghịch dòng, hạng người tự đứng lại và hạng người đã vượt qua đến bờ kia, đứng trên đất liền.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng? Hạng người thọ hưởng các dục và làm ác nghiệp gọi là đi thuận dòng.

Thế nào là hạng người đi ngược dòng? Này các Tỷ kheo, có hạng người không thọ hưởng các dục, không làm ác nghiệp, sống Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh gọi là đi ngược dòng.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người tự đứng lại? Hạng người do diệt tận năm kiết sử, được hóa sanh, không còn trở lại đời này nữa gọi là tự đứng lại.

Thế nào là hạng người đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền? Này các Tỷ kheo, có hạng người do diệt các lậu hoặc, chứng ngộ và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát gọi là đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người như vậy có mặt ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Bhandagāma, phần Thuận dòng, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.557)

#### **LỜI BÀN:**

Dòng đời trôi như dòng sông với thuyền bè xuôi ngược. Lênh

đênh trong dòng tử sanh có lắm thứ vui buồn, hạnh phúc thì ít nhưng khổ đau và hiểm nguy lại nhiều. Chỉ có ai bước lên bờ, đứng trên mặt đất tâm bằng phẳng ngắm nhìn dòng sông trần tục bon chen, hỗn độn mới cảm nhận sâu sắc nỗi khổ trần gian và niềm hạnh phúc xuất thế.

Trong dòng sông đời ấy, thuận theo dòng chảy nghiệp lực thì dễ dàng. Hưởng dục và làm ác chính là thuận dòng sinh tử. Thuyền đời thuận dòng đồng đảo, chen chúc, âm ỉ, giành giật và hưởng thụ, hả hê để mãi vui mà chẳng ai biết rằng nó đang xuôi nhanh về ác đạo.

Rồi một vài con thuyền nhận ra đâu là bến đỗ nên mới quay đầu, đập sóng, vượt gió trở về cội nguồn. Chấp nhận nghịch lưu, quay lưng với trần gian, bỏ lại sau lưng bọt bèo và rác rưởi, thuyền đời xuất gia lăm lũi tiến lên. Đi ngược dòng thế gian thì khó khăn trở nên bội phần nhưng thênh thang, trống trải.

Đi mãi rồi cũng về tới bến xưa, trước mặt là rừng xanh, dưới chân là cát mịn. Thuyền đời dừng lại, không cần thả neo, ngủ yên trong bến vắng vì năm ngọn sóng kiết sử không còn. Nơi đây thuyền đã hóa thân, không trở lại dòng sông sanh tử nữa (Bất lai).

Cũng nơi bến xưa ấy, có những con thuyền được kéo lên bờ bình yên, dòng sông ái ngày xưa chỉ còn là kỷ niệm. Từ đây, mặc cho dòng sông đời vẫn cứ trôi, sóng gió ái dục phiền não trên sông vẫn gào thét giập vùi nhưng thuyền từ Bát nhã vẫn an nhiên. Rồi lòng từ bi giục giã thuyền xuôi trở lại dòng sông để độ đời. Vì thế, dòng sông đời vẫn luôn rộn ràng ngược xuôi rồi xuôi ngược.

Bốn loại thuyền ngược xuôi trong sông ái cũng chính là bốn hạng người sống trong đời. Tìm về an lạc, giải thoát là lẽ sống đích thực của con người cũng như những con thuyền kia tìm về bến đỗ bình an.▲

## 4- SANH TỬ LÀ VIỆC LỚN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Rồi Tôn giả Malunkyaputta khởi lên sự tư duy như sau: “Có một số vấn đề Thế Tôn không trả lời, loại bỏ ra một bên: Thế giới là thường còn hay vô thường. Thế giới là hữu biên hay vô biên. Sinh mạng và thân này là một hay khác. Như Lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết...”. Thế Tôn không trả lời cho ta biết. Vậy ta phải đi tìm Thế Tôn để hỏi những ý nghĩa này.

Nghĩ vậy rồi Tôn giả Malunkyaputta đi đến bạch hỏi Thế Tôn về những nghi vấn ở trên, thỉnh cầu Thế Tôn trả lời dứt khoát rằng “biết hoặc không biết” đồng thời suy nghĩ nếu Thế Tôn trả lời thì ta sẽ sống Phạm hạnh theo hướng dẫn của Thế Tôn, bằng không ta sẽ hoàn tục.

Này Malunkyaputta, ví như một người bị bắn bởi mũi tên có tẩm thuốc độc. Bạn bè, bà con mời một y sĩ đến trị thương nhưng người ấy nói: “Tôi sẽ không rút mũi tên ra nếu chưa biết rõ dòng tộc, tên họ, hình dáng, nơi ở của người bắn; Tôi sẽ không rút mũi tên ra nếu chưa biết cung tên được làm bằng chất liệu và cấu tạo thế nào? Tẩm chất độc gì?...”. Này Malunkyaputta, người ấy sẽ chết và vẫn không biết được gì.

Cũng vậy, này Malunkyaputta, nếu có ai nói như sau: “Ta sẽ sống theo Phạm hạnh nếu Thế Tôn trả lời ta: Thế giới là thường còn hay vô thường...”, thì người ấy sẽ chết mà vẫn không được Như Lai trả lời.

(ĐTKVN, *Trung Bộ II*, Tiểu kinh Malunkya [trích], số 63, VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.193)

**LỜI BÀN:**

Thế Tôn đã từng nhặt một nắm lá cây và tuyên bố rằng những gì Như Lai biết như lá trong rừng, còn những gì Như Lai nói chỉ như lá trong bàn tay. Tuy ít ỏi nhưng nắm lá trong bàn tay của Thế Tôn hàm chứa tất cả những điều cần thiết để thoát ly sanh tử.

Vì mạng người mong manh, sát na sanh diệt cho nên giải thoát sanh tử là việc lớn, cần thiết và quan trọng nhất cần phải làm ngay. Tất cả những vấn đề có tính chất hý luận, siêu hình đều không liên hệ và chẳng giúp ích gì cho việc đoạn trừ phiền não, giải thoát khổ đau. Sở dĩ Thế Tôn không trả lời, loại bỏ ra một bên những điều ấy vì chúng không phải là căn bản của Phạm hạnh; không đưa đến ly tham, thắng trí, giải thoát, giác ngộ và Niết bàn.

Khi một người bị trúng tên độc, việc cần kíp nhất là nhổ mũi tên ra khỏi cơ thể để tránh tử vong. Sau khi chữa trị lành vết thương rồi thì tìm hiểu về nguồn gốc của mũi tên đó cũng chẳng muộn màng gì. Tương tự như thế, những vấn đề thuộc phạm trù siêu hình cũng chẳng có gì bí mật đối với một bậc đã đạt Thánh trí. Tuy nhiên, khi chưa giác ngộ, giải thoát thì phải hết sức nỗ lực để đoạn trừ phiền não, thành tựu Niết bàn.

Trọng tâm giáo pháp của Thế Tôn là thực hành con đường đưa đến Khổ diệt. Nhổ tung tất cả khổ đau, phiền não ra khỏi thân tâm mới là điều chính yếu. Đừng lãng phí thời gian và công sức cho những chuyện vô bổ, không liên hệ đến giải thoát vì sẽ không kịp. Vì thế, giải thoát sanh tử là mục đích chính yếu, cần thiết nhất, ưu tiên số một trong nhận thức và tu tập của những đệ tử Phật.▲

## 5- CHỖ KHINH THƯỜNG TRẺ TUỔI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến, sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác không?

Thưa Đại vương, nếu ai có thể nói là mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Sa môn, Bà la môn là giáo chủ, hội chủ, sư trưởng có tiếng tăm, có danh vọng, được quần chúng tôn sùng như các ngài Purana Kassapa, Nigantha Nàtaputta... Khi con hỏi các vị ấy “Có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác không?”, thì họ trả lời là không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Vậy thì tại sao Tôn giả Gotama trẻ tuổi, sanh sau để muộu và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?

Thưa Đại vương, có bốn loại tuổi trẻ không nên khinh thường, không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thế nào là bốn? Đó là vị vương tử trẻ tuổi, một con rắn trẻ tuổi, một ngọn lửa trẻ tuổi và một vị Tỷ kheo trẻ tuổi.

Thưa Đại vương, bốn loại trẻ tuổi này không nên khinh thường, không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm Thứ nhất, phần Tuổi trẻ, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.159)

### LỜI BÀN:

Đứng về phương diện chín chắn và kinh nghiệm trong cuộc sống, xưa nay xã hội vẫn dành cho người già một địa vị trang trọng. Tuy

nhiên, về phương diện tài năng, nhất là những tài năng xuất chúng thì bất luận tuổi tác, bởi thiên tài vốn thiên bẩm, là phúc báo riêng của mỗi người. Do vậy, chẳng có ai ngờ ngàng trước chuyện tuổi tác của thiên tài cả.

Vì thế, với tuệ giác của Thế Tôn, Ngài thấu rõ bản chất của bốn nhóm đối tượng đặc biệt, rất lợi hại, rất nguy hiểm dù cho còn trẻ tuổi, sự nghiệp mới manh nha. Một vị vương tử trẻ tuổi nhưng đã tiềm ẩn bên trong một đại đế quyền uy, đứng trên muôn dân, cai trị toàn thể thiên hạ. Một con rắn nhỏ nhưng là rắn độc thì phải tránh xa nếu không muốn mất mạng. Một ngọn lửa nhỏ là khởi đầu của trận đại hỏa hoạn, thiêu rụi tất cả. Vị Tỷ kheo trẻ tuổi nhưng với thiện căn nhiều đời, giới hạnh viên mãn đã ẩn tàng bên trong một bậc Đạo sư, một đấng Giác ngộ.

Pháp thoại này, Thế Tôn muốn đề cập đến hai phương diện đối lập của sự lợi hại trong những hiện tượng mới phát sinh. Người con Phật phải nhận thức và dự liệu được hai mặt của vấn đề khi nó còn trong trứng nước. Nếu nó là nguyên nhân sâu xa của sự xấu ác, bất thiện thì phải nên chế ngự và diệt trừ, dù nó chỉ mới hình thành trong tư tưởng. Ngược lại, nếu nó là cội nguồn của thiện pháp thì phải tin tưởng, phát huy để đạt đến đỉnh cao.

Khuynh hướng của xã hội hiện nay là trẻ hóa, nhất là trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo là một chuyển biến tích cực, năng động, kích thích sự phấn đấu vươn lên để tự thể hiện mình của giới trẻ. Giáo hội cũng đang có những động thái trẻ hóa hàng ngũ lãnh đạo nhưng xem ra vẫn còn quá dè dặt. Giữa hai thế hệ già và trẻ bao giờ cũng có những lợi thế và những hạn chế riêng. Tuy vậy, phải tin tưởng vào sức trẻ, dìu dắt và nâng đỡ đồng thời giao phó trách nhiệm cho lớp trẻ chính là thực hiện di huấn của Thế Tôn. Thế nên, chúng ta không nên xem thường hay nghi ngờ thế hệ trẻ, một khi họ có đầy đủ những tố chất của sự trưởng thành. ▀

## 6- NĂM LÁ TRONG BÀN TAY

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà. Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay hay lá trong rừng Simsapà?

Thật quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay và thật là quá nhiều, lá trong rừng Simsapà.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì Ta đã nói ra.

(ĐTKVN, *Tương Ưng V*, Chương 12, phẩm Rừng Simsapà, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.635)

### LỜI BÀN:

Với dung lượng đồ sộ của Tam tạng thánh điển Phật giáo, trong một đời người không hẳn ai cũng vinh hạnh được một lần duyệt qua mà chỉ là nắm lá trong bàn tay của Thế Tôn, thế mới biết trí tuệ của bậc Toàn giác bao la, vĩ đại biết dường nào. Những điều Thế Tôn dạy cho con người thật quá ít so với những điều mà Ngài biết, ít đến nỗi như nắm lá trong bàn tay so với lá trong rừng.

Đây mới là đặc tính siêu việt, thể hiện sự toàn giác, toàn tri trong tuệ giác của Thế Tôn. Một người thầy giỏi không nhất thiết phải trình bày tất cả những gì mình đã biết mà cốt yếu là tìm ra một phương pháp giáo dục thích hợp, hiệu quả nhất để dẫn dắt học trò dần tiến đến sự hiểu biết như mình.

Nắm lá Simsapà trong bàn tay chỉ là “những điều liên hệ đến



mục đích giải thoát, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết bàn”. Đó là những gì căn bản và cần thiết nhất nhằm giúp cho con người vượt thoát khổ đau để sống an lạc, hạnh phúc. Vì quý thời gian cho một đời người vô cùng ngắn ngủi, do đó càng không thể phí phạm, viển vông trong thế giới của luận lý, siêu hình không có lợi ích cho giác ngộ và giải thoát.

Như một người bị trúng mũi tên có độc, việc cấp bách và cần thiết nhất là nhổ mũi tên độc ấy ra và trị liệu vết thương. Sẽ mất mạng, nếu người ấy không cho nhổ tên mà cứ vòng vo muốn tìm hiểu xem mũi tên này do ai bắn ra, nó được làm bằng cách nào. Những điều Thế Tôn dạy như nắm lá trong bàn tay tuy ít nhưng nó là chìa khóa để mở cửa kho tàng tuệ giác của lá cây trong rừng. Chỉ cần khảo sát tường tận một phần nắm lá ấy thì tự khắc chúng ta sẽ hiểu được bản chất của toàn bộ lá cây trong rừng giác ngộ của Thế Tôn.▲

## 7- HẠT MUỐI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Ở đây, này các Tỷ kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, nhỏ nhen. Người như vậy, làm nghiệp ác nhỏ mọn và nghiệp ác ấy đưa họ vào địa ngục.

Ở đây, này các Tỷ kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, rộng lượng. Người như vậy, có làm việc ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa họ đến cảm thọ ngay trong hiện tại cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

Này các Tỷ kheo, ví như có người bỏ nắm muối vào trong một chén nước nhỏ, nước trong chén ấy vì nắm muối trở thành mặn và không uống được. Nhưng có người bỏ nắm muối vào nước sông Hằng, khối nước ấy rất lớn không vì nắm muối này mà trở thành mặn và không uống được.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, Chương 3, phẩm Hạt muối, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.451)

### LỜI BÀN:

Khi chưa dự phần vào Thánh vị thì không ai tránh khỏi lỗi lầm. Tuy nhiên, những lỗi lầm tác động đến tự thân của họ hoàn toàn khác nhau. Điều ấy phụ thuộc vào mức độ vi phạm và công đức tu tập của mỗi người. Nếu người nào tu tập như pháp, công đức sâu dày thì công đức ấy sẽ hóa giải một phần nào những lỗi lầm lớn và có thể triệt tiêu những lỗi lầm nhỏ. Ngược lại, nếu người nào không tu tập như pháp, không tích lũy được nhiều công đức thì sẽ

gánh chịu hoàn toàn những hậu quả do lỗi lầm mình gây ra, dù đó là lỗi nhỏ.

Giống như người giàu mất một số tiền nhỏ thì không ảnh hưởng gì đến kinh tế của gia đình nhưng người nghèo đánh mất số tiền ấy thì có nguy cơ nợ nần, đói khát. Hoặc như nắm muối bỏ xuống sông Hằng, nước sông không vì nắm muối mà trở thành mặn và không uống được nhưng cũng nắm muối ấy mà bỏ vào một chén nước nhỏ thì nước trong chén sẽ mặn chát và không thể uống.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa những người có nhiều công đức muốn làm gì thì tùy ý. Vì công đức được tạo ra vô cùng khó khăn, phải tích lũy lâu dài và vun đắp liên tục nhưng nếu sơ suất phạm vào lỗi lầm, đặc biệt những lỗi lầm lớn thì có thể tiêu tan công đức, trở thành trắng tay. Do vậy, phải nỗ lực tu tập, tạo phước, trưởng dưỡng công đức, tránh khinh suất để bảo tồn thành quả tu tập. Và nếu không may tạo ra lỗi lầm nhỏ thì không vì thế mà dẫn đến đọa lạc hay chịu hậu quả nghiêm trọng vì công năng tu tập sẽ hóa giải làm thiếu giảm đến thấp nhất những ảnh hưởng và tác động xấu đến tự thân.▲

## 8- TINH CẦN

Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Bấy giờ, vương tử Bodhi thỉnh Thế Tôn và chúng Tỷ kheo đến nhà thọ trai. Sau khi thọ trai xong, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

Khoảng bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ kheo tu tập theo giáo pháp của Như Lai, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh?

Này Vương tử, có năm tinh cần chi này. Thế nào là năm? Ở đây, này Vương tử: Vị Tỷ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai; Vị ấy ít bệnh, ít nã, có sức khỏe; Vị ấy không gian trá, như thật đối với bậc Đạo sư và các đồng Phạm hạnh; Vị ấy siêng năng từ bỏ các bất thiện pháp, tu tập các thiện pháp; Vị ấy có trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp.

Này Vương tử, vị Tỷ kheo thành tựu năm tinh cần chi này có thể đắc lậu tận trong bảy năm, cũng có thể là sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm, nửa tháng, cho đến bảy ngày, có thể có người được giảng dạy buổi sáng thì buổi chiều đã chứng đắc.

(ĐTKVN, *Trung Bộ II*, kinh Bồ đề vương tử [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.565)

### LỜI BÀN:

Tinh cần tức siêng năng, cần mẫn, tinh chuyên và bền bỉ là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định sự thành công, dù cho phải đối mặt với những trở ngại, khó khăn nhất. Trong sự nghiệp tu tập, tinh cần là một trợ đạo, góp phần không nhỏ cho việc thành tựu Thánh quả.

Theo tuệ giác Thế Tôn, giữ vững niềm tin Phật, đấng Toàn giác là yếu tố đầu tiên. Tin tưởng tuyệt đối vào bậc Đạo sư, người dẫn đường tối thượng đã hoàn toàn giải thoát và giác ngộ. Tin Phật để tin tâm, thành tựu niềm tịnh tín bất hoại là tin vào khả năng giác ngộ của chính mình. Như Lai là Phật đã thành, chúng ta là Phật sẽ thành. Tiếp đến, người tu phải có sức khỏe và thể lực tốt. Thân và tâm vốn nhất như, có liên hệ mật thiết với nhau. Không thể có sự minh triết, sáng suốt trong một thân thể bệnh hoạn, ốm yếu đến kiệt sức. Mặt khác, tu tập là một sự tự giác và tự nguyện. Vì thế, trung thực và chân thật với chính mình và mọi người là một nguyên tắc căn bản để tiến tu, tịnh nghiệp. Nguyên từ bỏ các điều ác, làm tất cả việc lành đồng thời những điều ác chưa sinh thì không để phát sinh, những việc lành đã sinh thì phải làm cho tăng trưởng là cốt tủy của chánh cần. Cuối cùng là vận dụng tuệ giác, nỗ lực thiền quán về sự sanh diệt của các pháp để thân chúng về Khổ, Vô thường và Vô ngã.

Thời gian để chúng đạt và an trú quả vị giải thoát luôn tỷ lệ nghịch với tinh tấn, chuyên cần. Có thể rất dài, trải qua ba A tăng kỳ kiếp nhưng cũng có thể rất ngắn, bảy ngày cho đến một ngày, thậm chí trong một sớm một chiều tùy thuộc hoàn toàn vào sự tu tập năm tinh cần chi này của mỗi hành giả. Tinh tấn, siêng năng hay chánh cần có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp tu học như thế, nên trong lời di huấn cuối cùng trước lúc Niết bàn, Thế Tôn chỉ răn dạy: “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật” (*Kinh Đại Bát Niết Bàn*).▲

## 9- SỢ HÃI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi tự mình trách, sợ hãi người khác trách, sợ hãi hình phạt, sợ hãi ác thú.

Thế nào là sợ hãi tự mình trách? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người suy xét: “Nếu thân ta làm ác, lời ta nói ác, ý ta nghĩ ác, thời chính ta có thể trách ta: Sao lại làm nghiệp ấy?”. Người ấy do sợ hãi tự trách, bỏ ác làm lành, sống đời trong sạch. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi tự trách.

Thế nào là sợ hãi về người khác trách? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người suy xét: “Nếu thân ta làm ác, lời ta nói ác, ý ta nghĩ ác, thời người khác có thể trách ta: Sao lại làm nghiệp ấy?”. Người ấy do sợ hãi người khác trách, bỏ ác làm lành, sống đời trong sạch. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi người khác trách.

Thế nào là sợ hãi hình phạt? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người thấy các vua chúa khi bắt được kẻ trộm cướp liền dùng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, bằng gậy cho đến lấy gươm chặt đầu. Người ấy vì sợ hãi hình phạt, không có đi trộm cắp tài sản của người khác. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi hình phạt.

Thế nào là sợ hãi ác thú? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người suy nghĩ như sau: “Những ai thân làm ác, nói lời ác, ý nghĩ ác thì có ác báo trong tương lai”. Người ấy vì sợ hãi ác thú, đọa xứ nên đoạn tận thân làm ác, nói lời ác và ý nghĩ ác. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi ác thú.

Này các Tỷ kheo, có bốn loại sợ hãi này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Sợ hãi, phần Tự trách [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.46)

### **LỜI BÀN:**

Lo sợ, bất an là một trong những phiền não làm xáo động tâm tư con người. Tuy vậy, sự lo sợ vốn thật cần thiết cho con người hướng thiện, tránh xa những điều xấu ác. Trong cuộc sống, nếu không có chút sợ sệt, nể nang thì người ta có thể làm mọi chuyện, chẳng chừa bất cứ điều gì.

Tự vấn lương tâm, tự dần vặt với mình về những điều xấu ác là nền tảng căn bản của tự hoàn thiện. Sợ hãi sự chê trách của người khác là dĩ nhiên với người đứng đắn và tương đối dễ làm nhưng sự tự chê trách, ghê tởm với chính mình (khi sự việc không hoặc chưa ai biết) mới là điều khó, không phải ai cũng làm được.

Sợ hãi về hình phạt, sự nghiêm trị của pháp luật cũng giúp cho con người chùn tay trước những việc ác. Luật pháp càng nghiêm minh thì cái ác càng bị đẩy lùi. Tuy chỉ giải quyết được phần ngọn của cái ác nhưng pháp luật có tác dụng trừng phạt, răn đe hiệu quả.

Không chỉ lo sợ quả báo nhãn tiền, sự sợ hãi quả báo ác thú, dọa xú ở tương lai cũng góp phần quan trọng cho việc hoàn thiện con người. Gieo nhân ác ắt sẽ gặp quả ác là một sự thật. Vì thế, những người con Phật luôn quán sát thân tâm, phát huy tuệ giác, biết sợ hãi những điều xấu ác để sống hiền thiện nhằm gạt hái an lành cho đời này và đời sau.▲





## **VIII. NHẬN QUẢ**

## 1- TRƯỜNG THỌ VÀ ĐOẢN THỌ

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anàthapindika. Có thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn, sau khi chào và hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn :

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài người với nhau, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ...?

Vậy, này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông sát sinh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú. Nếu được tái sanh trong loài người, người ấy phải đoản mạng.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới. Nếu tái sanh trong loài người, người ấy được trường thọ.

(ĐTKVN, *Trung Bộ III*, kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.473)

### LỜI BÀN:

Mỗi người sống trên đời đều có một thân phận, tuổi thọ khác nhau. Có người sống lâu và khỏe mạnh nhưng cũng có người luôn bị bệnh tật, tai nạn hoặc thậm chí chết yểu. Nguyên nhân của sự

khác biệt về thọ mạng giữa người trường thọ và người đoản thọ là do hành nghiệp của họ trong quá khứ và ngay chính trong hiện tại khác nhau. Nếu người nào tạo nhiều nghiệp sát sinh, không có lòng từ thì người ấy bị ác báo sát sinh làm cho đoản mạng. Ngược lại, người nào sống trên đời không sát sinh, biết bảo vệ và tôn trọng sự sống, giàu lòng từ ái đối với mọi người, mọi loài thì người ấy được phúc báo trường thọ.

Nhân quả về thọ mạng rất rõ ràng và minh bạch, không một đấng quyền năng hoặc siêu nhiên nào có quyền chi phối và quyết định sự sống con người. Chính con người tự quyết định lấy số phận của họ thông qua nghiệp lực do chính họ tác tạo.

Để cải tạo nghiệp lực, nhất là nghiệp sát sinh nhằm tăng thượng phúc báo về thọ mạng thì mỗi người nên tu tập phát triển lòng từ. Chỉ có từ bi mới dập tắt hận thù; chỉ có lòng thương không phân biệt và vô điều kiện của từ bi mới hóa giải mọi mâu thuẫn và xung đột. Trong bối cảnh chiến tranh, khủng bố, bạo lực và giết hại tràn lan khắp thế giới, ác nghiệp sát sinh đang hoành hành, người Phật tử phải ý thức sâu sắc về hậu quả của nghiệp giết hại, tận lực kêu gọi và đấu tranh cho hòa bình. Đồng thời, tự thân khắc phục sát nghiệp bằng cách thực hành ăn chay, bảo vệ môi trường, tôn trọng sự sống, trường dưỡng và phát tán hạt giống từ bi đến với mọi người.▲

## 2- VU KHỔNG BẠCH THÁNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, trong khu vườn của ông Anàthapindika. Rồi Tỷ kheo Kokàliya đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn :

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ hai, Tỷ kheo Kokàliya lại bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, nhưng đối với con, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

(Thế Tôn đã ba lần khuyến cáo Kokàliya như trên).

Rồi Tỷ kheo Kokàliya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn và ra đi. Tỷ kheo Kokàliya ra đi không bao lâu, toàn thân nổi lên những mụn to bằng hạt cải; sau khi lớn lên bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng hạt đậu; sau khi lớn lên bằng hạt đậu, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn đá, chúng lớn lên bằng trái táo... Sau cùng chúng bị vỡ ra, mủ và máu chảy ra.

Rồi Tỷ kheo Kokàliya do bệnh này mà mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ kheo Kokàliya sanh trong địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna.

(ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ I*, Chương 3, Đại phẩm, kinh Kokàliya, NXB TP.HCM, 1999, tr.654)

### LỜI BÀN:

Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) và Tôn giả Moggallàna (Mục Kiền

Liên) là những bậc Thánh, đã đoạn tận lậu hoặc, hoàn toàn thanh tịnh và giải thoát. Là những Đại đệ tử của Thế Tôn, Đệ nhất trí tuệ và Đệ nhất thần thông, hai vị Tôn giả này có đầy đủ công đức, trí tuệ và từ bi, cố nhiên các Ngài hoàn toàn vô tâm, an trú trong Thánh vị. Nhưng vì vu khống, xúc phạm đến Thánh nhân nên phước đức của Kokàliya tổn giảm, tự chiêu cảm quả báo bị mù tịt ghê hành hạ đến chết. Sau khi chết rồi, dư báo vẫn còn nặng nề nên đọa vào địa ngục Sen hồng chịu nhiều thống khổ.

Sự việc Kokàliya bị quả báo và đọa lạc trong địa ngục do vu khống các bậc Thánh đã cho chúng ta một bài học. Khi chưa dự phần vào Thánh vị thì chúng ta không đủ năng lực để thẩm định, phân biệt thánh phàm. Do đó, phải thận trọng khi đánh giá, nhận định hoặc bày tỏ thái độ đối với mọi người. Ngày nay, dù những bậc Thánh không còn nhiều (hoặc có mà che giấu thân phận không lộ diện) nhưng những người tu hành đức độ, phạm hạnh không phải là ít. Tuy vậy, vẫn có không ít sự chỉ trích, phê phán, gièm pha, thậm chí vu khống người tu hành ở khắp nơi.

Đối với các bậc chân tu, có thể họ kham nhẫn được tất cả những gì mà cuộc đời dành cho (vinh danh hoặc chà đạp) mà không có bất kỳ phản ứng nào và cũng không thù oán hay đáp trả. Nhưng chắc chắn những người mang dã tâm vu khống sẽ chịu quả báo nặng nề. Chúng ta đang sống trong cõi phàm thánh cùng ở chung (Phàm thánh đồng cư độ) và nhất là trong bối cảnh ngày càng nhiều sự chỉ trích, nhận xét nhân thân các bậc tu hành nên càng phải cẩn trọng hơn để tránh hậu quả đáng tiếc như Kokàliya.▲

### 3- ĐẸP VÀ XẤU

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anathapindika. Có thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn, sau khi chào và hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài người với nhau chúng tôi thấy có người xấu xí, có người đẹp đẽ.

Vậy, này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, phần nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, sân hận, chống đối và tỏ lộ bất mãn. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú. Nếu được tái sanh trong loài người, người ấy phải chịu xấu xí.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không phần nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều cũng không bất bình, không sân hận, chống đối và tỏ lộ bất mãn. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới. Nếu tái sanh trong loài người, người ấy được đẹp đẽ.

(ĐTKVN, *Trung Bộ III*, kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.473)

#### LỜI BÀN:

Mỗi con người khi được sinh ra trên cõi đời đã mang một thân phận. Ai cũng mong muốn mình đẹp đẽ, khả ái đồng thời chẳng ai muốn mình xấu xí, khiếm khuyết và khó nhìn. Tuy nhiên, chính dung mạo của mỗi cá nhân trong hiện tại đã phản ánh một cách

trung thực, rõ ràng nhất nghiệp nhân của chính họ.

Tác nhân cơ bản và quan trọng nhất ảnh hưởng đến dung mạo xấu xí, khiếm khuyết là nghiệp được tạo ra do sự nóng nảy, sân hận, thiếu kiểm chế, bức xúc, chống đối và bất mãn. Không cần đợi đến kiếp sau, chỉ ngay trong hiện tại, những tâm lý và hành vi kể trên đã tàn phá, hủy hoại và làm thay đổi đáng kể diện mạo của người nóng giận.

Ngược lại, người có tâm hoan hỷ, hòa ái, bình tĩnh, khoan dung và tràn đầy tình thương thì nét đẹp trên dung mạo vốn có của họ càng được nhân lên nhờ năng lượng của hoan hỷ và hòa ái, rất dễ gần gũi và thân thiện. Bởi tâm không bị lửa nóng giận thiêu đốt, mặt mũi không bị phẫn nộ làm biến dạng mà rạng rỡ, tươi vui làm họ đẹp thêm lên. Đây cũng chính là nghiệp nhân cho nhan sắc đáng yêu của người ấy trong hiện tại và mai sau.

Vì thế, người con Phật cần giữ vững chánh niệm để đạt được tự chủ, bình tĩnh trong mọi tình huống của cuộc sống. Mặt khác, nuôi dưỡng và tăng trưởng lòng từ để thương yêu, tha thứ, bao dung và nhất là dùng từ tâm chuyển hóa nóng nảy, giận hờn là nghệ thuật sống an vui theo lời Phật dạy. Chính những điều ấy là chất liệu để hình thành thành nên vẻ khả ái, đáng yêu nơi tự thân của mỗi cá nhân.▲

## 4- QUẢ BÁO

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Tôn giả Moggallāna trú ở núi Gijjhakūta (Linh Thứu), khi từ núi bước xuống liền mỉm cười. Các Tôn giả khác thấy vậy hỏi nguyên nhân, Moggallāna đáp:

Ở đây, này các Hiền giả, khi từ núi Gijjhakūta bước xuống, tôi thấy một Sa di ni giữa hư không. Y của vị này bị cháy đỏ rực, đỏ ngọn. Bình bát, cái nịt, thân thể cũng bị cháy đỏ rực, đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

Này các Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: Thật hy hữu thay! Một kẻ như vậy lại trở thành một chúng sanh, một Dạ xoa như vậy.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Xưa kia Ta cũng thấy vị Sa di ni ấy nhưng Ta không nói, bởi nếu có nói, các người khác cũng không tin.

Này các Tỷ kheo, vị Sa di ni ấy là một ác Sa di ni trong thời Bạc Chánh đẳng giác Kassapa thuyết pháp. Do ác nghiệp người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, với quả báo còn lại, vị ấy cảm thọ một thân thể như vậy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 8, phẩm 2, phần Sa di ni [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.547)

### LỜI BÀN:

Sẽ kinh hãi cho bất cứ ai khi nhìn thấy một chúng sanh du hành trong hư không với toàn thân bị lửa cháy, than khóc thảm thiết. Càng kinh hãi hơn khi chúng ta biết đó là một nữ tu Phật giáo, vị Sa di ni. Thế nhưng chuyện gì cũng có thể xảy ra, dù là người



xuất gia nếu không chánh niệm, làm ác thì bị đọa lạc cũng là chuyện thường.

Nhân quả vốn công bằng, không ai có thể trốn tránh được nhân quả, gieo gió ắt gặt bão. Có điều, với tuệ giác của Thế Tôn và bậc Thần thông đệ nhất Moggallàna cùng các Thánh giả A la hán thì thấy rõ nhân quả của chúng sanh (Thiên nhãn minh), còn chúng ta người phàm mắt thịt thì lại không. Đã không thấy nên nhiều khi chẳng tin hoặc có tin thì cũng không kiên cố. Vì vậy mà người tu tuy nhiều nhưng giải thoát chứng đạo thì chẳng bao nhiêu, thậm chí một vài người còn bị đọa lạc.

Điều đáng lưu tâm ở đây là sự “không nói” của Thế Tôn và nụ cười mỉm của Tôn giả Moggallàna. Thấy rõ sự thật nhân quả nhưng khó chia sẻ cho người phàm vốn trí mỏng nghiệp dày, trừ một vài trường hợp có duyên lành. Nhân quả có ba thời, trong thời hiện tại hiện báo vẫn có người chưa tin hướng chi như những thời tương lai sinh báo và hậu báo.

Nhưng chắc chắn rằng làm ác sẽ bị ác báo. Vị Sa di ni tạo ác nghiệp trong thời Phật quá khứ mà đến thời Thế Tôn dư báo vẫn còn, làm quý Dạ xoa bị thiêu đốt, đói khát khổ sở, khóc than thảm thiết trong khi du hành giữa hư không. Sự kiện này cảnh tỉnh chúng ta luôn thận trọng với điều ác, dù nhỏ như tơ tóc. Quả báo ác sẽ theo người làm ác như bóng theo hình, như “bánh xe theo chân con vật kéo xe”, bất luận người đó là ai.▲

## 5- HAI LOẠI TỘI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai loại tội. Thế nào là hai? Tội có kết quả ngay trong hiện tại và tội có kết quả trong đời sau.

Thế nào là tội có kết quả ngay trong hiện tại? Này các Tỷ kheo, khi thấy nhà vua bắt được kẻ trộm, kẻ vô loại, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ bị đánh bằng roi cho đến bị chặt đầu. Thấy vậy liền suy nghĩ: Do làm các nghiệp ác nên mới bị các hình phạt như vậy. Nghĩ vậy, người ấy sợ hãi tội lỗi trong hiện tại.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là tội có kết quả trong đời sau? Ở đây, có người suy xét như sau: Quả báo dị thực của thân khẩu ý ác, sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục. Nghĩ vậy, người ấy sợ hãi tội lỗi trong đời sau.

Do vậy, này các Tỷ kheo, cần phải học tập như sau: Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả hiện tại và trong đời sau. Chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm và tránh xa các tội.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hình phạt, phần Hai loại tội [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.94)

### LỜI BÀN:

Nhân quả ở đời vốn rất chính xác và rõ ràng, gieo nhân nào thì gặt quả ấy. Đức Phật cũng từng dạy: Dù lên núi cao hay xuống vực thẳm cũng không tránh được nghiệp quả. Do nhận thức đúng về nhân quả nên người con Phật luôn thận trọng trong mỗi việc làm, lời nói và suy nghĩ của chính mình.

Tiến trình từ nhân đến quả, có thể báo ứng ngay trong hiện tại mà cũng có thể xảy ra ở tương lai gần hoặc xa. Chỉ cần quan sát trong hiện tại, chúng ta cũng dễ dàng nhận ra quả báo nhân tiền của những việc làm ác như: trộm cướp, đua xe, hút chích, phụ tình, trù dập, hãm hại, buôn lậu, tham ô... dẫn đến bị bắt, bị truy tố, giam cầm cho đến xử tử.

Ngoài những tội có kết quả trong hiện tại còn vô số những việc ác sẽ kết thành quả xấu trong tương lai. Con người thường sợ quả báo hiện tại mà xem thường quả báo ở vị lai. Vì thế, những người đã phạm tội nhưng chưa bị phát hiện hoặc đã “hạ cánh an toàn” thì ung dung hưởng thụ, thân nhiên như người vô tội, thậm chí đắc ý cười thầm. Sự thật thì không như vậy, lương tâm luôn cắn rứt và tội báo sẽ đến với những người ấy, không thể nào thoát khỏi.

Vì thế, người học Phật thấy rõ nhân quả nên luôn sợ hãi với quả báo, quyết không làm điều ác, tránh xa tội lỗi. Niềm tin nhân quả, sự sợ hãi quả báo trong đời này và những đời sau sẽ góp phần tác thành nên nhân cách, đạo đức cho mỗi người. Xã hội sẽ bình an, thiện lành và phát triển ổn định hơn khi mỗi người đều có nhận thức đúng đắn về nhân quả và nghiệp báo.▲

## 6- KHÓ ĐƯỢC Ở ĐỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika:

Có bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?

Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp; mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con; mong rằng ta được sống lâu, thọ mạng kéo dài; mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta được sanh lên cõi thiện, cõi trời và cõi đời này. Đây là bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp đưa đến chứng được những pháp ấy. Thế nào là bốn? Đó là đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí và đầy đủ trí tuệ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nghiệp công đức, phần Bốn nghiệp công đức [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.676)

### LỜI BÀN:

Sống ở đời, ai cũng mong muốn được đầy đủ, sung túc và thịnh phát. Không những thế, họ còn mong ước được danh thơm, khỏe mạnh và sống lâu, xa hơn nữa là mong rằng sau khi từ giã cõi đời được sanh về thế giới an lành. Những hoài mong đó thật chính đáng, thiện lành nhưng khó được, bởi không mấy người có đủ phước báo tròn đầy.

Thường thì chúng ta được cái này lại mất cái kia. Tuy vậy, có cái để được cũng quý hóa lắm rồi, vì xung quanh ta có khá nhiều người chẳng còn gì để mất. Chính những thăng trầm vinh nhục

trong đời, trải nghiệm về sự được mất có đó rồi không đó, khiến chúng ta nhận ra giá trị của phước đức. “Có tài mà cậy chi tài”, có nhiều thứ nhưng ai dám chắc rằng chúng là của ta mãi mãi? Chỉ có phước đức sâu dày, may ra mới đem lại bình an, hạnh phúc trong cuộc mưu sinh đầy biến động này.

Không phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã rút ra kinh nghiệm sống quý giá “Có phước, có đức mặc sức mà hưởng”. Phước đức ấy chính là sự tiếp nối tuệ giác của Thế Tôn, ứng dụng trong đời sống hàng ngày thông qua những biểu hiện thiết thực: có đầy đủ niềm tin, giới hạnh, bố thí và trí tuệ. Niềm tin Tam bảo là cội nguồn của mọi phước đức. Vì ba ngôi quý báu Phật Pháp Tăng là ngọn đuốc sáng soi đường cho mọi nẻo lành. An trú vững chắc vào niềm tịnh tín Tam bảo thì tự khắc chúng ta sẽ thiết lập được đời sống đạo đức, lương thiện và hân hoan với thí xả, mở rộng lòng ra với mọi người. Biết sống với niềm tin, đạo đức và buông xả, sống cho mình và mọi người, sống với an vui hiện tại và tương lai, đó chính là tuệ giác.

Vì thế, mong ước hạnh phúc của hàng Phật tử không phải là mơ ước suông, tin tưởng mơ hồ, cầu xin ai đó ban phước mà phải tích lũy, xây dựng phước báo cho mình bằng cách sống tốt trong từng ngày, từng giờ. Một khi phước đức đã đủ đầy thì mọi việc tùy duyên thành tựu như ý, an vui và hạnh phúc bền lâu.▲



## **IX. HIẾU ĐẠO**

## 1- THÂM ÂN NAN BÁO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Có hai hạng người, này các Tỷ kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai công mẹ, một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, xoa gội, tắm rửa và dầu tại đấy cha mẹ có đại tiểu tiện, như vậy, này các Tỷ kheo cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha.

Vì cơ sao? Vì rằng, này các Tỷ kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi dưỡng chúng khôn lớn, giới thiệu chúng vào đời này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.119)

### LỜI BÀN:

Hiếu dưỡng cha mẹ là một trong những chuẩn mực đạo đức căn bản của những người con Phật. Học theo hạnh Phật, trước hết phải là kiện toàn công hạnh của những người con chí hiếu. Nếu chưa tròn câu hiếu đạo thì không đủ tư cách làm người và dự phần vào hàng Phật tử chân chính.

Biết ơn và đền ơn các đấng sanh thành là điều người con Phật hằng tâm niệm. Tuy vậy, công ơn sanh thành dưỡng dục vốn cao như núi, rộng như biển nên thật khó đáp đền. Phụng dưỡng và hiếu kính cha mẹ trọn vẹn về phương diện vật chất trong hiện đời đã là việc khó làm. Nhưng dầu có làm được, theo tuệ giác của Thế Tôn vẫn chưa gọi là đủ. Người con Phật chí hiếu nhận thức rõ về tác dụng của nghiệp trong dòng luân chuyển của sanh tử luân hồi, đồng thời phải định hướng cho cha mẹ tác tạo thiện nghiệp ngõ



hầu thặng hoa đời sống trong tương lai.

Mỗi người có một nghiệp riêng, do đó chiêu cảm quả báo khác nhau. Trong phương diện biệt nghiệp thì phước ai làm người ấy hưởng và tội ai làm thì người ấy chịu. Khi nghiệp chín muồi và trở quả thì dẫu chí thân hay trọn tình đến mấy vẫn không ai có thể chịu thay. Do vậy, song hành với hiếu dưỡng, chu toàn cho cha mẹ hiện đời, người con Phật hiếu thảo còn hướng thiện cho cha mẹ để song thân được an lạc trong nhiều đời.

Vì thế, những người con Phật chân chính ngoài việc tu tập chuyển hóa tự thân, chu toàn hiếu dưỡng, cần phải nỗ lực trợ duyên, khuyến hóa song thân tịnh tín Tam bảo, an trú thiện giới, siêng năng tu bố thí, hoan hỷ với hạnh cúng dường và nhất là thành tựu chánh kiến. Chính tuệ giác của chánh kiến sẽ soi sáng cho tất cả những pháp lành trên con đường thực hành Bát chánh đạo. Nhờ đó mà những bậc cha mẹ hội đủ duyên thành tác tạo nên nhiều thiện nghiệp, xa lìa ác đạo trong những đời sau.

Đây chính là nét đặc thù của tinh thần hiếu đạo Phật giáo đồng thời cũng là phương pháp báo hiếu đầy đủ và trọn vẹn nhất.▲

## 2- BAO LA TÌNH MẸ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, gọi các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái gì là nhiều hơn? Sữa mẹ mà các ông đã uống trong khi các ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài hay nước trong bốn biển?

Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn dạy, chúng con hiểu rằng, nhiều hơn là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển.

Lành thay, này các Tỷ kheo, các ông đã hiểu pháp mà Ta đã dạy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 4, phẩm 1, phần Sữa, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.314)

### LỜI BÀN:

Hầu hết chúng ta lớn khôn đều bắt đầu từ dòng sữa mẹ. Tạo hóa đã ban cho mẹ một bầu sữa ngọt ngào, giúp trẻ sơ sinh có đầy đủ các dưỡng chất và kháng thể mà hiếm có một hợp chất dinh dưỡng nhân tạo nào có thể thay thế được. Và những dòng sữa ấy cũng chính là một phần thân thể mẹ.

Trước đó, khi biết mình đã mang thai, mẹ đã sống vì con. Gần mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, mẹ đã dồn hết sinh lực của mình để san sẻ cho con. Với mẹ, con là tất cả, thậm chí có thể vì con mà quên đi tính mạng của mình. Con ngày càng khôn lớn thì sức mẹ cũng hao mòn, cạn kiệt dần nhưng mẹ luôn vui về điều đó. Mẹ đã cho con tấm hình hài bằng tất cả tình thương và máu thịt. Vì thế, khi nói sữa mẹ mà chúng ta đã uống trong khi lưu chuyển luân hồi từ vô thủy đến nay nhiều hơn nước trong bốn

biển cũng chẳng cường điệu chút nào.

Vẫn biết “lòng mẹ bao la như biển Thái Bình” nhưng cuộc sống với vô vàn biến động, mãi lo kiếm sống nên nhiều khi lãng quên, chểnh mảng bổn phận làm con. Vì thế, những người con hiếu thảo cần phải quán niệm thường xuyên về thâm ân dưỡng dục để nuôi lớn và giữ trọn hiếu tâm, hiếu hạnh đối với những đấng sanh thành.

Nhận thức được thâm ân sanh dưỡng của cha mẹ bao la như trời biển là cơ sở quan trọng để thực hành trọn vẹn hạnh hiếu. “Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật”. Tâm làm nền tảng cho hành động, vì thế, một khi đã thành tựu tâm hiếu thì chắc chắn sẽ viên thành hạnh hiếu. ▀

### 3- CHA MẸ & CON CÁI

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Lúc bất giờ Singākala (Thi Ca La Việt), con của gia chủ, dậy sớm, ra khỏi thành đánh lễ sáu phương. Khi gặp Thế Tôn, Ngài dạy Singākala về hiếu đạo như sau:

Này Gia chủ, có năm trường hợp người con phải phụng dưỡng cha mẹ: Được nuôi dưỡng, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ; con sẽ làm tròn bốn phận đối với cha mẹ; con sẽ giữ gìn gia đình và truyền thống; con bảo vệ tài sản thừa tự; con sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời.

Này Gia chủ, được con phụng dưỡng theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con cũng theo năm cách: Ngăn chặn con làm điều ác, khuyến khích con làm điều thiện; dạy con nghề nghiệp; dựng vợ, gả chồng xứng đáng cho con; đúng thời trao của thừa tự cho con.

Này Gia chủ, cha mẹ được con phụng dưỡng và cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách như vậy, gia đình sẽ an ổn, thoát khỏi các sự sợ hãi.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [lược], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.541)

#### **LỜI BÀN:**

Mái ấm gia đình là một điểm tựa quan trọng cho các thành viên trong gia đình, nhất là trong bối cảnh xã hội, kinh tế nhiều biến động thì nhu yếu thiết lập một gia đình hạnh phúc để che chở lẫn nhau lại càng cần thiết hơn. Muốn làm được điều đó, tất cả các thành viên trong gia đình, cha mẹ và con cái đều cần phải nỗ lực để chu toàn trách nhiệm và bốn phận của mình.

Muốn cho con nên người, biết siêng năng, cần mẫn làm việc, có

đầy đủ tư cách đạo đức, hiếu kính thì các bậc cha mẹ phải thực sự yêu thương và phải chăm lo giáo dưỡng con cái. Không phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã quy kết trách nhiệm rằng “con hư tại mẹ”. Con cái là những búp măng, nếu biết uốn nắn, chở che thì về sau mới thành tre ngay thẳng, có ích. Vì thế, thiết lập nền tảng đạo đức cơ bản cho con cái như khuyên dạy bỏ ác làm lành, không tham lam, biết thương đồng loại... là điều cần làm. Kế đến là công tác hướng nghiệp, tạo lập gia đình và tin tưởng đầu tư, trao truyền sự nghiệp cho con cái, để con tự lập, đứng vững giữa cuộc đời.

Cha mẹ biết thương yêu, giáo dưỡng con cái nên người, có công danh, gia đình, sự nghiệp thì chắc chắn con cái sẽ thấu hiểu và báo ơn bằng sự hiếu thuận. Theo tuệ giác của Thế Tôn, để trở thành người con hiếu thảo thì niệm ân cha mẹ để báo ân là điều tối cần. Nhờ nuôi dưỡng tâm niệm về thâm ân dưỡng dục mà tâm hiếu được hình thành và ngày càng tăng trưởng dẫn đến bốn phận làm con sẽ được chu toàn. Như vậy, hiếu thảo là một trong những bốn phận quan trọng của đạo làm con được hình thành từ chính tình thương yêu và sự giáo dưỡng của cha mẹ. Hiếu dưỡng sẽ tròn đầy một cách như nhiên khi chính các bậc cha mẹ thực sự gương mẫu, trọn vẹn với đạo làm cha mẹ thì con cái sẽ viên thành đạo nghĩa làm con của mình.▲

## 4- NGƯỜI THỰC SỰ CÓ HIẾU KHÔNG NHIỀU

Một thời, Thế Tôn trú tại Rajàgaha, trên núi Gijjhakùta. Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất trên đầu móng tay hay là quả đất lớn này?

Bạch Thế Tôn, cái nhiều hơn là quả đất này, còn ít hơn là đất trên đầu móng tay.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ, với cha và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ, với cha.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 12, phẩm Bánh xe lược thuyết, phần Hiếu kính mẹ-Hiếu kính cha [trích], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.675)

### LỜI BÀN:

Hiếu kính với cha mẹ là một lẽ đương nhiên, gần như bất cứ người con nào cũng biết niệm ân và hết lòng hiếu dưỡng song thân để đáp đền ân nghĩa sanh thành. Thế thì vì sao Thế Tôn lại khẳng định “ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ, với cha và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ, với cha”?

Có thể nói từ trong tâm khảm, không ai mà không thương kính cha mẹ. Nhưng để thực hiện song hành tâm hiếu và hạnh hiếu một cách trọn vẹn thì không mấy ai làm được. Ở đây, chúng ta không bàn đến hạng người mang tội đại nghịch (giết cha, giết mẹ) hay những kẻ nghịch tử chỉ báo hại và làm khổ cha mẹ. Vấn đề đáng nói là đối với những người con tuy có hiếu, mong muốn được thể hiện đạo hiếu nhưng rồi cũng không làm được gì nhiều

cho các đấng sanh thành.

Vì sao? Có đến 1.001 lý do để biện giải cho điều ấy. Cho dù những lý do ấy có xác đáng đến mấy và dấu cho cha mẹ hoàn toàn thông cảm, hy sinh thì chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng những gì mình đã làm cho cha mẹ thật sự quá ít so với thâm ân sanh dưỡng như biển trời. Sống ở trên đời, có lòng hiếu đã khó, thực hiện nó lại càng khó hơn bởi không phải ai cũng có đầy đủ phước duyên để phụng dưỡng và kính thờ cha mẹ như ý của mình.

Cuộc sống vốn phức tạp và đầy biến động, mải lao theo những việc quan trọng, cấp thiết hơn nên niềm riêng về cha mẹ tạm thời gác lại. Điều này cũng dễ dàng cảm thông nhưng trở trêu thay là không có cái gì chờ đợi chúng ta cả. Rồi chuyện sẽ đến đã đến và chúng ta không kịp trở tay, chỉ còn ôm niềm ân hận là chưa làm được nhiều cho cha mẹ thì người đã đi rồi.

Tư duy và chiêm nghiệm về lời dạy của Thế Tôn để thấy mình vẫn chưa tròn câu hiếu đạo. Người thực sự hiếu kính cha mẹ như đất ở móng tay so với đất trên địa cầu nhắc chúng ta phải làm ngay những việc cần làm cho cha mẹ, đừng hẹn ngày mai để khỏi hối hận về sau.▀

## 5- KHUYẾN HÓA CHA MẸ HƯỚNG THIỆN

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với cha mẹ theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với cha mẹ xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú vào bố thí; đối với cha mẹ theo ác tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú vào trí tuệ. Như vậy là làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.119)

### LỜI BÀN:

Hầu hết chúng ta đều tâm niệm cha mẹ là Trời Phật, là đối tượng kính thờ, là bất khả xâm phạm. Nuôi dưỡng và un đúc ý niệm này sâu vào tâm khảm là một tố chất quan trọng để tác thành nên tâm hiếu, hạnh hiếu. Song thực tế cho thấy vẫn còn nhiều bậc cha mẹ do nghiệp lực chi phối nên chưa thực sự gương mẫu và thể hiện hết trách nhiệm, vai trò phụ mẫu của mình, dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ cho con cái và cả gia đình.

Người đời thường phê phán con cái bất hiếu là nghịch tử nhưng cũng nghiêm khắc khi quy kết “con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”. Hiện có không ít những người con phải gánh chịu tủ nhục bởi cha mẹ thiếu lương tâm và trách nhiệm, thậm chí chua chát với câu “ân nghĩa sanh thành”, oán trách và xa lánh cả song thân. Ở đây, chúng ta không trách cứ ai cả, vì đã là con người thì dù ở vai vị nào cũng có những hạn chế nhất định, không ai tránh khỏi lỗi lầm.



Cần bình tâm quán sát về bản thân, gia đình để nhận ra dòng vận hành của nghiệp lực, cộng nghiệp của cả gia đình. Nhờ quán chiếu sâu sắc vào cộng nghiệp, chúng ta sẽ thấy rõ ràng hơn về thực trạng gia đình hiện tại mà bớt đi những oán trách lẫn nhau và quan trọng hơn là mở ra một hướng mới để chuyển hóa, khắc phục. Ngay đây, việc thực thi hạnh hiếu được nâng tầm cao hơn là khuyến hóa cha mẹ bỏ tà quy chánh.

Con hư cũng là con, cha mẹ đâu có “sơ suất” gì thì cũng là cha mẹ, không ai thay đổi được cộng nghiệp này. Do vậy, trợ duyên để chuyển hóa lẫn nhau, cải tạo cộng nghiệp gia đình tốt đẹp hơn là điều cần làm của người con Phật hiếu thảo. Với con người, mọi lỗi lầm đều từ vô minh mà ra, từ tham ái mà hình thành, từ sân si mà dấy khởi. Thay vì oán trách, chúng ta hãy vận dụng tín (niềm tin), giới (làm lành, tránh ác), thí (buông xả) và tuệ (hiểu biết) cùng với tình thương, kính trọng để khuyến hóa cha mẹ hướng về Tam bảo.

Không ai nỡ nhìn người thân của mình đi vào cõi ác. Do vậy, khuyến hóa cha mẹ hướng thiện, bỏ tà quy chánh không chỉ đem lại hạnh phúc an vui cho cha mẹ trong đời này mà cả những đời sau. Làm được điều này mới gọi là tận hiếu, chí hiếu, là “làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha”.▲

## 6- PHƯỚC BÁO HIẾU DƯỠNG

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi Bà la môn Mátaposaka đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, sau đó tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy có đúng trách nhiệm không?

Này Bà la môn, ông làm như vậy là đúng trách nhiệm. Này Bà la môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, sau đó nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức.

Thế Tôn nói kệ: *Người nào theo thường pháp/ Nuôi dưỡng mẹ và cha/ Chính do công hạnh này/ Đối với cha với mẹ/ Nhờ vậy bậc Hiền Thánh/ Trong đời này tán thán/ Sau khi chết được sanh/ Hưởng an lạc chư Thiên.*

Khi được nghe như vậy, Bà la môn Mátaposaka bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Mátaposaka, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.398)

### LỜI BÀN:

Phụng dưỡng cha mẹ là một trong những bổn phận quan trọng của con cái. Không chỉ phụng dưỡng, người con hiếu còn phải thuận thảo, thương yêu và kính trọng cha mẹ với tất cả chân thành. Phước báo phụng dưỡng cha mẹ, theo tuệ giác Thế Tôn, hiện tại được người đời tôn vinh ca ngợi và tương lai được sanh về Thiên giới hạnh phúc an vui.

Tuy nhiên, điều quan trọng mà Thế Tôn muốn nhấn mạnh ở đây là những phẩm vật phụng dưỡng, kính thờ cha mẹ phải trong sạch, là thành quả sự lao động chân chính (theo thường pháp). Ngay đây, tinh thần hiếu đạo được nhìn nhận qua một lăng kính khác sâu sắc hơn là truy tìm nguyên nhân của tất cả những thành quả mà người con đạt được đem phụng dưỡng cha mẹ có thật sự trong sáng, đúng đắn hay không.

Nếu những thành tựu vật chất trong hiện tại là kết quả của việc làm ăn phi pháp như tranh đoạt, trộm cướp, lừa gạt, trốn thuế, hối lộ, tham nhũng v.v... rồi đem phụng dưỡng cha mẹ thì chẳng những không được phước mà cha mẹ có thể bị liên lụy theo. Quán chiếu sâu vào vấn đề này để chúng ta tự định hình, điều chỉnh phương cách ứng xử đạo hiếu cho chính mình. Mới hay, thương kính và hiếu thảo với cha mẹ đích thực chính là sự hoàn thiện nhân cách, làm ăn chân chính, sống đạo đức, luôn hướng về lẽ thiện lành.

Trong bối cảnh mưu sinh đầy cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, thiết nghĩ cần suy ngẫm thật sâu sắc về lời dạy của Thế Tôn để sống thiện lành và hiếu thảo trọn vẹn với những bậc sanh thành. Bởi hơn ai hết, những bậc cha mẹ chẳng bao giờ mong con làm ác và lại càng không mong muốn con cái làm ác vì mình. ▴

**X. GIỚI**

## 1- RỪA & DÃ CAN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thuở xưa có một con rùa, vào một buổi chiều đang đi kiếm mồi dọc theo bờ sông. Từ đằng xa, rùa trông thấy con dã can đang đi tới. Thấy vậy, rùa liền rụt bốn chân, đầu và đuôi vào trong mai, nằm bất động và im lặng. Dã can đi tới thấy rùa liền nghĩ rằng: “Khi nào con rùa này thò ra thân phần nào thì ngay tại chỗ ấy, ta sẽ nắm lấy, bẻ gãy và ăn”. Nhưng vì rùa không thò ra một thân phần nào nên dã can không nắm được cơ hội, nhàm chán con rùa và bỏ đi.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Ác ma thường xuyên trong tư thế rình rập các ông với ý nghĩ: “Rất có thể ta nắm được cơ hội để bắt gặp từ con mắt... từ cái lưỡi... hay từ ý”.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy sống hộ trì các căn. Khi nào các ông sống hộ trì sáu căn, thời Ác ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, như con dã can đối với con rùa.

(ĐTKVN, *Tương Ưng IV*, Chương I, phẩm Rắn độc, phần Con rùa, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.291)

### LỜI BÀN:

Trong tự nhiên, mỗi sinh vật muốn tồn tại và phát triển, bắt buộc tự thân sinh vật ấy phải tìm ra cho mình một cơ chế tự bảo vệ. Mỗi loài có một phương thức tự vệ khác nhau. Loài rùa tuy chậm chạp, vụng về nhưng có một chiếc mai vô cùng chắc chắn. Rụt tứ chi, đầu và đuôi vào trong mai là cách tự vệ hữu hiệu của loài này. Vì thế, dã can tuy có nanh nhọn, vuốt sắc nhưng đành bất lực,

phải bỏ đi trong tiếc nuối bởi rùa bất động.

Trong tu tập cũng vậy, việc thu thúc, bảo vệ và hộ trì sáu căn là một việc làm tối quan trọng để giữ gìn giới thân huệ mạng của người tu hành. Bởi sáu căn luôn tìm cầu, chạy theo sáu trần khả ái, khả lạc để rồi từ đó sáu thức tạo ra vô số ác nghiệp.

Tuy nhiên, hộ trì sáu căn không có nghĩa là đóng kín các giác quan. Hộ trì là luôn chánh niệm khi căn tiếp xúc với trần, để không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Đồng thời, Ác ma cũng không phải ai xa lạ, đó chính là tham ái, ưu bi và các bất thiện pháp của tự thân khi tâm không được kiểm soát, không có chánh niệm.

Mặc dầu Ác ma luôn rình rập, luôn tìm cơ hội nhưng nếu người tu giữ vững chánh niệm, tỉnh giác và bất động trước mọi hoàn cảnh thì Ác ma phải chào thua. Tuy vậy, phải luôn cảnh giác vì khi đã can bỏ đi nhưng chưa hẳn rùa đã an toàn tuyệt đối, nó sẽ trở lại tấn công rùa bất cứ lúc nào. Cũng vậy, khi tham ái và ưu bi tạm thời lắng xuống không có nghĩa Ác ma đã bị tiêu diệt. Do đó, phải nỗ lực để duy trì chánh niệm thường trực, vì chánh niệm là nền tảng vững chắc nhất cho việc hộ trì sáu căn an toàn trước nanh vuốt của Ác ma.▲

## 2- BIỂN LỚN KHÔNG DUNG CHỨA TỬ THI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbaràma, trong lâu đài của Migàrà. Lúc bấy giờ vào ngày trai giới, Thế Tôn đang ngồi giữa chúng Tỷ kheo. Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, chúng Tỷ kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ kheo.

Sau ba lần tác bạch mà Thế Tôn vẫn im lặng vì trong hội chúng có người không thanh tịnh. Rồi Tôn giả Moggallàna dùng tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể đại chúng. Tôn giả thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, tự xưng Sa môn, không theo Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đống rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ kheo. Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến và mời vị ấy ra ngoài.

Thế Tôn dạy: “Này các Tỷ kheo, biển lớn không chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, không phải Sa môn mà tự xưng Sa môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, chứa đầy tham dục. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi chúng Tăng”.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, chương 5, phẩm Trưởng lão Sona, NXB TP.HCM, 1999, tr.215)

### LỜI BÀN:

Pháp thoại này, ngoài việc thiết lập nguyên tắc hòa hợp và thanh

tịnh của chúng Tăng trước khi bố tát, Thế Tôn còn đưa ra một phương pháp thanh lọc nhằm tịnh hóa Tăng già. Đó là không sống chung, cách ly và thậm chí trục xuất những phần tử phi phạm hạnh, không trong sạch, ác giới ra khỏi chúng Tăng. Đây là một biện pháp tích cực để cứu vãn và duy trì sự hòa hợp, thanh tịnh trong Tăng chúng.

Ngày nay, chư Tăng đa phần không thành tựu thiên nhân như Tôn giả Moggallāna, nên không phân biệt được ai là người thanh tịnh và ai là người bất tịnh. Tuy nhiên, như Phật đã dạy, những tử thi không bao giờ được biển cả dung nạp, sớm muộn gì cũng bị vất lên bờ. Cũng vậy, sự tinh cần tu tập, thực hành Phạm hạnh của chúng Tăng dần dần sẽ khiến cho chân tướng của những kẻ phi phạm hạnh, lợi dụng Phật pháp bị phơi bày.

Đây cũng là quá trình đào thải tự nhiên trong lộ trình hướng đến thành tựu giải thoát. Trong bối cảnh Tăng già đang phải đối mặt với nhiều vấn nạn và gặp nhiều thách thức trong công cuộc kiến tạo thanh tịnh, hòa hợp, nếu những “tử thi” này không nhanh chóng chuyển hóa, thực hành Phạm hạnh để hòa hợp và thanh tịnh cùng với Tăng già thì nhất thiết Tăng già phải vận động như biển cả; không chấp nhận, không chứa chấp, không dung nạp và quăng tử thi lên bờ.▲



### 3- CHÁNH MẠNG

Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Rājagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo tên Sùcimukhi đi đến và nói với Tôn giả Sàriputta:

Này Sa môn, có phải Ông ăn, cúi mặt xuống?

Tôi ăn, không cúi mặt xuống.

Vậy Sa môn, có phải Ông ăn, ngẩng mặt lên?

Tôi ăn, không ngẩng mặt lên.

Vậy Sa môn, có phải Ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?

Tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính.

Vậy Sa môn, có phải Ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?

Tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương phụ.

Vậy này Sa môn, Ông ăn, hành động như thế nào?

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn cúi mặt xuống.

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn ngẩng mặt lên.

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn hướng mặt về bốn phương chính.

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ.

Còn Ta, Ta không nuôi sống bằng những tà mạng như xem địa lý, thiên văn, đưa tin tức, làm trung gian môi

giới, bói toán và các nghề hèn hạ. Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp. Sau khi Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp, Ta dùng các món ăn ấy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ III*, chương 7, phần Sùcimukhi, NXB Tôn Giáo, 2000, tr.387)

### **LỜI BÀN:**

Người xuất gia với tâm nguyện “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”, sống đời thanh tịnh, hướng đến giác ngộ, giải thoát. Một trong những ý nghĩa cao quý của Tỷ kheo là khát sĩ. Thực hành hạnh khát thực, xin thức ăn của mọi nhà để nuôi sống sắc thân là chánh mạng thanh tịnh của Tăng sĩ Phật giáo.

Theo tuệ giác Thế Tôn, khát thực là một pháp tu truyền thống của ba đời, mười phương chư Phật với ý nghĩa: không tham đắm vị ngon, vì phá trừ ngã mạn và từ bi bình đẳng. Một Tỷ kheo thực hành khát thực, về phương diện tự lợi là dứt bỏ mọi việc thế tục, làm phương tiện tu đạo; ở phương diện lợi tha là tạo phúc điền cho chúng sanh. Tỷ kheo tự tạo sinh kế để nuôi thân, đó là tà mạng.

Ngày nay, vì nhiều hoàn cảnh khác nhau nên đa phần các Tỷ kheo không duy trì hạnh khát thực nhưng chủ yếu vẫn sống nhờ vào tịnh thí. Mặt khác, một vài Tỷ kheo vận dụng phương tiện “tà mạng” để giáo hóa, dẫn dắt người sơ cơ vào đạo, ít nhiều vẫn có những thành công nhất định. Vì chúng sanh căn cơ đa dạng nên phương tiện giáo hóa phải linh động song phương tiện chỉ có tính chất đối cơ, vì tâm từ bi mà hành hóa. Do vậy, nếu không thiện xảo trong khi sử dụng phương tiện thì chỉ lợi bất cập hại, tạo nên tà kiến bởi tà mạng của chính mình.

Vì vậy, giữ vững chánh kiến, sống đời chánh mạng, tu tập theo Bát Thánh đạo để tự lợi và lợi tha là phương châm, trách nhiệm của mỗi người con Phật, nhất là những người con Phật xuất gia. ▀

## 4- VUI TRONG CHÁNH PHÁP

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, Ngài dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, được xem là khóc than trong giới luật bậc Thánh, tức là ca vịnh.

Này các Tỷ kheo, được xem là điên loạn trong giới luật bậc Thánh, tức là nhảy múa.

Này các Tỷ kheo, được xem là trẻ con trong giới luật bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy phá cây cầu đi đến ca hát. Hãy phá cây cầu đi đến nhảy múa. Thật là vừa đủ, nếu các Thầy được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để biểu thị là các Thầy được hoan hỷ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Chánh giác, phần Khóc than, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.472)

### LỜI BÀN:

Cuộc sống lao động vốn gian lao, vất vả vì thế rất cần đến nhu cầu giải trí vui tươi, lành mạnh. Ca hát, nhảy múa, tiệc tùng, họp mặt vui vẻ là một liệu pháp nhằm thư giãn, nghỉ ngơi, xua tan mệt nhọc. Đời sống xuất gia cũng vậy, ngoài việc tu học thì giải trí và thư giãn là một nhu yếu rất cần thiết để vui sống, làm nền tảng cho sự thanh tịnh và thăng hoa tâm hồn.

Điều khác biệt cơ bản so với thế tục là trong hình thức và nội dung giải trí của người xuất gia luôn hàm dưỡng sự tĩnh lặng, an tịnh, tuệ giác và hoàn toàn lành mạnh. Trồng hoa, tưới cây, đi bộ, uống trà, xem tranh, sáng tác, xưng tán Thế Tôn, ca ngợi hạnh phúc giải thoát v.v... là những loại hình sinh hoạt giải trí cơ bản của chúng Tăng. Ngoài ra, tất cả những thể loại giải trí khác

mang đến sự dao động, thất niệm, tán loạn và đánh mất tự chủ thì người xuất gia không nên và không được thực hành.

Theo quan điểm của Thế Tôn, ca hát và ngâm nga những tình khúc lâm ly, ủy mị và bi thương có tính chất “văn nghệ đứt ruột” chỉ làm cho nỗi đau lớn thêm, tham vọng và nuôi tiếc chất chồng là những tiếng khóc than trong giới luật của bậc Thánh. Những vũ khúc uyển chuyển, mềm mại, tha thướt, huyền ảo và mê hoặc hay những vũ điệu mạnh mẽ, sôi nổi, hùng tráng hoặc khêu gợi, kích động và bốc lửa làm lay động lòng người đều không có ích cho người xuất gia, trong giới luật của bậc Thánh được xem là điên loạn. Ngay cả khi cực vui cũng không cười đến độ chảy nước mắt, bò ra mà cười hay cười như nắc nẻ mà chỉ mỉm cười. Vui cười phải luôn ở trong tỉnh giác, chánh niệm mới thật sự an lạc và mẫu nhiệm.

Tuy nhiên, đối với việc hát múa nhằm cúng dường ca ngợi Tam bảo, xưng tán Phật pháp, khuyến khích tu tập, bỏ tà quy chánh thì đáng được tuyên dương. Thông qua phương tiện văn nghệ, ca hát vui chơi để hiểu biết, thương yêu và phát triển chánh niệm nhằm xiển dương Phật pháp là điều đáng làm.

Người con Phật luôn giữ tâm chánh niệm, thăng bằng không bị vui buồn chi phối, chẳng dao động trước mọi hoàn cảnh là đỉnh cao của nghệ thuật sống minh triết và tuệ giác.▲

## 5- MANG Y BÁT ĐẸP BỊ PHẬT QUỠ

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi. Rồi Tôn giả Nanda, đắp những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ mắt, cầm bát sáng chói, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda như sau:

Như vậy không xứng đáng cho ông, này Nanda, là con nhà lành, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, lại mang những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ con mắt và cầm bát sáng chói. Như vậy là xứng đáng cho ông, này Nanda, là con nhà lành, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, tức là sống trong rừng, sống bằng khát thực, sống mặc y phẩn tảo và sống không mong đợi các dục vọng.

Thuyết giảng xong, Thế Tôn nói thêm: Ta mong được nhìn thấy; Nanda sống trong rừng; mặc y phục phẩn tảo; sống với những đồ ăn; biết là đã vứt bỏ; không mong chờ dục vọng.

Rồi Tôn giả Nanda, sau một thời gian trở thành vị Tăng sống trong rừng, ăn đồ ăn khát thực, mặc y phục phẩn tảo, không mong đợi các dục vọng.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ II*, chương 10, phần Nanda, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.491)

### LỜI BÀN:

Người ta vẫn thường nói “Chiếc áo không làm nên nhà tu nhưng nhà tu thì không thể thiếu chiếc áo”. Xem ra, chiếc áo của người tu cũng lắm vấn đề để bàn...

Đối với Tăng sĩ Phật giáo thì y bát là những pháp khí rất quan

trọng, được trân quý, giữ gìn cẩn thận như tròng con mắt, là vật bất ly thân của mỗi Tỷ kheo. Thời Thế Tôn tại thế, y bát của Tỷ kheo sử dụng có tính tùy duyên, do gia chủ cúng dường, tốt xấu đủ loại. Ngoài ra, có khá nhiều Tỷ kheo nguyện mặc y phẩn tảo, bằng cách lượm lặt những mảnh vải liệm xác chết quăng bỏ ngoài nghĩa địa hoặc vải hư rách nơi bãi rác, sau đó giặt sạch, nhuộm cho hoại sắc (không còn chính sắc) và kết lại thành y.

Tuy nhiên, thời Thế Tôn cũng như bây giờ, một vài Tỷ kheo quá chú trọng đến hình thức bên ngoài, vẽ mày tô mặt, y lóng bát trơn... như Tôn giả Nanda từng làm và đã bị Thế Tôn quở trách nặng nề. Đành rằng, một Tỷ kheo, bậc mô phạm “thầy của trời người” tất yếu cần phải trang nghiêm. Tuy vậy, sự trang nghiêm đúng nghĩa phải là “trang nghiêm tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm” (*Kinh Kim Cang*). Phẩm chất đích thực của vị Tỷ kheo là nơi tâm trang nghiêm tỏa sáng làm nên vẻ trang nghiêm bên ngoài dù hình thức chỉ là một kẻ ăn xin (khất sĩ) tầm thường mặc y phẩn tảo.

Vì thế, một khi nội tâm chưa thật sự thúc liễm để đạt được thanh tịnh thì sự xun xoe áo mao bên ngoài trong chừng mực nào đó cũng cần nhưng không thiết thực. Việc Tôn giả Nanda sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn đã chuyển sang mặc y phẩn tảo, sống đời khất thực, đoạn trừ dục vọng phải chăng là bài học quý giá cho những người con Phật hậu thế suy ngẫm và noi gương? ▀

## 6- KHÔNG PHÒNG HỘ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ, có Tỷ kheo dùng quá nhiều thì giờ giao tế với các gia đình. Các Tỷ kheo khác thấy vậy nhắc nhở, Tỷ kheo ấy nghe vậy, tâm không hoan hỷ. Rồi chuyện được bạch lên Thế Tôn, Ngài dạy:

Này các Tỷ kheo, thuở xưa, có con mèo rình chuột cạnh một đồng rác và nghĩ rằng: Nếu có con chuột nhất nào chạy ra, ta sẽ bắt lấy và ăn thịt nó.

Rồi, này các Tỷ kheo, có một con chuột nhất chạy ra, mèo vồ bắt lấy rồi nuốt chửng. Và con chuột nhất ấy cắn xé phủ tạng mèo. Do nhân duyên ấy, mèo bị đau đớn hành hạ đến chết hay gần chết.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ở đây, một số Tỷ kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào làng khát thực, thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Các vị Tỷ kheo ấy bị tham dục nào hại đến chết hay gần chết.

Do vậy, này các Tỷ kheo, phòng hộ thân, phòng hộ lời nói, phòng hộ tâm, an trú chánh niệm, chế ngự các căn là điều cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 9, phần Con mèo [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.472)

### LỜI BÀN:

Với những người sơ tâm học đạo, tuy không xa lánh cuộc đời nhưng phải thiết lập những khoảng cách an toàn cần thiết. Bởi nghiệp lực còn sâu dày, tập khí thế tục chưa gột sạch nên khả năng dính mắc với những hấp dẫn ở đời là rất cao. Nên ngoài

những Phật sự, cần tránh duyên, hạn chế tiếp xúc, dành thời gian tu niệm để trau dồi và chuyển hóa thân tâm.

Vấn biết, mối quan hệ vững chắc giữa hàng xuất gia và tại gia là cần thiết, song hàng sơ tâm không nên lãng phí thời gian tu học cho những giao tế đời thường, vô bổ để rồi vướng mắc vào cám dỗ của danh lợi, ngũ dục. Khi lực tu còn yếu, không đủ khả năng tự phòng hộ, chánh niệm chưa vững chắc thì tham sanh khởi chạy theo ngũ dục và chuốc lấy đau khổ là điều không tránh khỏi. Như con mèo tham lam kia vì nuốt chửng mỗi ngon nên gánh chịu tai họa bị chuột nhất cắn nát phủ tạng.

Theo tuệ giác Thế Tôn, để an trú trong chánh niệm, điều cần yếu trong tu tập là phòng hộ, chế ngự sáu căn. Có thể nói, ngay nơi sáu giác quan luôn tiếp xúc với trần cảnh trong cuộc đời là “đạo tràng” tu tập quan trọng nhất. Thăng hoa, chứng Thánh hay suy đồi, đọa lạc đều dựa vào sự trang nghiêm, thanh tịnh hay tán loạn, ô nhiễm của đạo tràng này.

Mặt khác, tránh duyên cũng là vấn đề quan trọng bởi duyên sanh vạn pháp sanh. Tham từ duyên sanh khởi, trừ các bậc A la hán, mấy ai trong cõi đời này đã diệt tận tham? Do đó, cần tránh duyên để tự chế ngự, phòng hộ và an trú. Ảnh dụ con mèo nuốt chửng chuột nhất nên bị chuột cắn nát phủ tạng làm cho đau đớn, quần quai đến chết hay gần chết thật ấn tượng, là bài học tỉnh thức cho những ai chưa đoạn tận tham dục.▶



## 7- TỘI LỖI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người này hiện hữu, có mặt ở đời. Thế nào là bốn? Có tội, nhiều tội, ít tội và không có tội.

Thế nào là hạng người có tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có tội. Như vậy là hạng người có tội.

Và thế nào là hạng người nhiều tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có nhiều tội. Như vậy là hạng người có nhiều tội.

Thế nào là hạng người có ít tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp không có tội nhiều, chỉ có ít tội. Như vậy là hạng người có ít tội.

Và thế nào là hạng người không có tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp không có tội. Như vậy là hạng người không có tội.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, hiện hữu, có mặt ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Loài người, phần Có tội [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.72)

### LỜI BÀN:

Tội lỗi là một trong những thuộc tính cơ bản của chúng sanh. Con người có mặt ở trên đời thì tội lỗi có mặt. Thậm chí từ trong quá khứ, trước khi được sinh ra, tội lỗi hay nghiệp đã đóng vai trò chi phối, là tác nhân chính để hình thành nên hình dáng, tính cách,

hoàn cảnh của mỗi cá nhân trong hiện tại. Vì thế, con người là sự kế thừa tội lỗi, nghiệp lực của chính mình và do vậy, người sống trên đời có tội cũng là chuyện bình thường.

Khi chưa trở thành các bậc Thánh, ai cũng giống nhau ở chỗ là đều có tội cả. Có khác chăng là mức độ gây nghiệp, tạo tội nhiều hay ít, về phương diện này hay phương diện kia mà thôi. Tội lỗi, theo tuệ giác Thế Tôn, đó là những hành vi tạo tác bất thiện được tạo ra nơi việc làm, lời nói và suy nghĩ của con người.

Tuy chúng ta chấp nhận có tội vì hiện ba nghiệp chưa thanh tịnh nhưng tội phải ít và nhỏ thôi và điều cần thiết nhất là tự thân phải rõ biết điều đó. Khi còn trong thân phận chúng sanh, biết rõ những hạn chế, thói hư tật xấu của chính mình để phấn đấu, vươn lên, loại trừ điều ác, đạt đến sự hoàn thiện là tối cần. Con người sở dĩ ngày càng tạo nhiều tội lỗi, một phần do không nhận chân được điều xấu ác hoặc xem những điều xấu ác hiện tồn tại với số đông là bình thường, thậm chí không ít người còn tự mãn với những thành tựu dựa trên nền tảng tham sân si.

Hơn ai hết, người con Phật cần phải trở về với chính mình, biết rõ mọi hành vi của tự thân nhằm kiểm soát, từng bước làm chủ, chuyển hóa ba nghiệp thân khẩu ý xấu ác. Đạt đến sự hoàn thiện, không tội lỗi là một lộ trình dài. Nền tảng cơ bản của lộ trình đó là tuệ tri, biết rõ tự thân có tội nên trước hết phải cố gắng để không tạo thêm nhiều tội lỗi đồng thời phát huy thiện quán để thấy mọi tội lỗi đều xuất phát từ tâm, tâm thanh tịnh tức ba nghiệp thanh tịnh.▲

## 8- SỐNG VỚI NGƯỜI THỨ HAI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rồi Tôn giả Migajàla đi đến bạch Thế Tôn:

“Sống một mình! Sống một mình!” được nói đến như vậy, bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là sống một mình? Và cho đến như thế nào là sống có người thứ hai?

Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức; có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức... có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả ái, liên hệ đến các dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ kheo hoan hỷ và trú với lòng tham luyến sắc, thanh... pháp ấy nên hỷ khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

Tỷ kheo sống như vậy, này Migajàla, dầu ở các trụ xứ xa vắng, các khu rừng, vắng người, thích hợp với tịnh; dầu vậy, vẫn được gọi là sống với người thứ hai.

Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức; có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức... có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả ái, liên hệ đến các dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ kheo không hoan hỷ và trú với lòng tham luyến sắc, thanh... pháp ấy nên hỷ đoạn diệt. Do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ kheo được gọi là người sống một mình.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, phẩm Migajàla, phần Bối Migajàla [lược], NXB Tôn Giáo, 2001, tr.65)

**LỜI BÀN:**

Đời sống của người phát tâm hướng thượng, ly tục tất nhiên phải là sống một mình. Người biết sống một mình là người đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật sống. Tuy vậy, không phải ai cũng đủ bản lĩnh để sống một mình mà đa phần đều sống hai mình.

Sống với người thứ hai đối với thế tục là chuyện thường nhưng với người xuất gia mới là chuyện lạ. Ấy thế mà không hề xa lạ vì không những ta đang sống với người thứ hai mà đã và đang sống với người thứ... hàng triệu triệu. Bởi khi tâm chưa an trú vào chánh niệm thường trực thì ta còn lang thang, bầu bạn thiết thân với vô lượng phiền não. Người thứ hai không phải ai xa lạ mà chính là vọng tâm, loạn tưởng của chính mình.

Khi sáu căn duyên với sáu trần cảnh, nếu không chánh niệm tức thời tham ái có mặt đồng thời trói buộc, khổ đau có mặt tức người thứ hai hiện hữu. Người thứ hai luôn theo sát ta như bóng với hình, thủy chung vô hạn. Dẫu ở trong rừng rậm, núi cao, hoang đảo hay bế quan nhập thất nếu chưa thiết lập được chánh niệm, tâm chưa an trú vào pháp thì chỉ là hành giả cô độc mà không cô đơn vì luôn có người thứ hai bên cạnh.

Làm chủ sáu căn bằng sự tỉnh thức trọn vẹn chính là cách hay nhất để chia tay vĩnh viễn với người thứ hai, người bạn đời trói buộc và khổ đau. Làm chủ sáu căn cũng chính là làm chủ cuộc đời mình và thực sự là người biết sống một mình, tự tại và giải thoát khỏi cuộc sống với muôn hình vạn trạng đang vận hành và tiếp diễn xung quanh ta.▶

## 9- LỢI ÍCH CỦA GIỮ GIỚI

Một thời Thế Tôn trú ở Pataligàma, dạy các cư sĩ:

Này các Gia chủ, có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát đế lỵ, hoặc Bà la môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

(ĐTKVN, *Trường Bộ I, Kinh Đại Bát Niết Bàn*, VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.562)

### LỜI BÀN:

Năm giới mà hàng Phật tử tại gia phát nguyện vâng giữ, thọ trì là nền tảng đạo đức căn bản để kiện toàn nhân cách của người con

Phật. Sau khi quy y Tam bảo, người Phật tử được khuyến tấn thọ trì năm giới: Không giết hại, không trộm cướp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu nhằm trau dồi đạo đức, trưởng dưỡng đạo tâm, xây dựng cuộc sống bình an và hạnh phúc.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, người nào tuân thủ trọn vẹn năm nguyên tắc đạo đức này thì luôn gặt hái nhiều lợi ích và thành công trong cuộc sống. Trước hết là giữ gìn được tiền bạc, tài sản do công khó làm ra. Tiền bạc tuy không phải là yếu tố chính quyết định hạnh phúc nhưng thiếu hụt cũng gây ra khốn đốn nhiều bề. Thế nhưng, do tập khí phóng dật, người ta thường dễ hao tán của cải vì đam mê rượu chè, cờ bạc và chi tiêu vô bổ.

Người có đạo đức, sống giữ giới thì mọi người đều yêu thương, tôn trọng và kính nể. Không chỉ có uy tín trong cộng đồng, tiếng tốt đồn xa, người sống có giới đức luôn thanh thản, tự tin với chính mình và mọi người. Họ không hề phân vân, hổ thẹn hay sợ hãi khi gặp gỡ bà con, bè bạn hay đi vào những chốn đông người. Quan trọng hơn, người một đời sống đạo đức khi lâm chung sẽ ra đi trong tỉnh giác, không mê loạn, không hối hận ăn năn về những việc ác đã gây tạo trong đời. Nhờ tâm thanh thản và thanh tịnh nên họ sẽ tái sanh vào cõi lành.

Vì vậy, sống đạo đức, có giới hạnh để mang lại lợi ích cho tự thân và xã hội trong hiện tại và cả tương lai, luôn là nếp sống của những người con Phật.▲

## **XI. ĐỊNH**

## 1- SƠ THIỀN

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ kheo, không có thể đạt được và an trú Sơ thiền. Thế nào là sáu?

Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi và không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ về nguy hại trong các dục.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ kheo, không có thể đạt được và an trú Sơ thiền.

Này các Tỷ kheo, đoạn tận sáu pháp này, có thể đạt được và an trú Sơ thiền. Thế nào là sáu?

Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi và như thật khéo thấy với chánh trí tuệ về nguy hại trong các dục.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ kheo, có thể đạt được và an trú Sơ thiền.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Chư thiên, phần Thiền [1], VNCPHVN ấn hành 1996, tr.238)

### LỜI BÀN:

Thiền định là một trong những nội dung tu tập cực kỳ quan trọng của Phật giáo. Có thể nói, nếu không thực hành và thành tựu thiền định thì sẽ không chứng đạt tuệ giác, giải thoát. Thiền định được bàn đến ở đây không chỉ dành cho pháp môn Thiền mà bao hàm các pháp môn khác như tụng kinh, niệm Phật, trì chú v.v...

Nội dung cơ bản của Định học là Tứ thiền và Tứ không định, trong đó Sơ thiền là nấc thang đầu tiên của Tứ thiền (Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền). Để nhập định, bước vào Sơ thiền,



trước hết phải vượt qua Năm triền cái. Triền cái là trói buộc và ngăn che, chính dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi đã trói buộc, ngăn che, làm chướng ngại thiền định. Ngoài ra, không thấy được sự nguy hại của các dục, chạy theo ham muốn nên phiền não dấy khởi theo trần cảnh, cũng góp phần quan trọng khuấy đảo sự định tĩnh.

Do vậy, giữ giới để phòng hộ, bảo vệ thân tâm cùng với việc phát huy niệm lực, thiết lập chánh niệm, tỉnh giác thường trực là cơ sở để chế ngự tâm, hạn chế đến thấp nhất sự khuấy đảo của triền cái, từng bước an trú và thể nhập định, Sơ thiền. Từ Sơ thiền đến Tứ thiền là cả một lộ trình dài và từ Tứ thiền phát huy thiền quán để đạt được tâm giải thoát bất động (A la hán) lại càng khó khăn hơn. Tuy vậy, bước vào Sơ thiền là một trong những thành tựu đáng kể của hành trình tu tập, nhất là trong hoàn cảnh phước mỏng nghiệp dày như chúng ta hiện nay.

Sơ thiền là nền tảng của định, có định mới thành tựu tuệ giác giải thoát. Vì thế, có thể xem Sơ thiền là nền tảng để bước vào đạo. Vẫn biết, không dễ dàng để chứng đắc Sơ thiền vì Năm triền cái luôn đeo đẳng và ràng buộc. Tuy vậy, nếu hành giả thiết tha với sự nghiệp giải thoát, tinh tấn chế ngự, chuyển hóa triền cái và nhất là luôn duy trì chánh niệm, thấy rõ nguy hiểm của dục vọng mà hướng đến xuất ly thì chứng và trú Sơ thiền là điều có thể thực hiện được. ▀

## 2- TỨ NIỆM XÚ

Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi. Tại đấy, Tôn giả gọi các Tỷ kheo:

Này chư Hiền, ví như sông Hằng chảy về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Rồi một số đông quần chúng đến và nói: Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng chảy về hướng Tây. Thưa chư Hiền, chư Hiền nghĩ sao, số đông quần chúng ấy có thể làm cho sông Hằng chảy về hướng Tây không?

Thưa không, Hiền giả, vì không dễ gì khiến cho sông Hằng chảy về hướng Tây được. Và quần chúng ấy chỉ mệt nhọc và tổn não mà thôi.

Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ kheo tu tập Tứ niệm xứ, làm cho sung mãn Tứ niệm xứ. Dù cho vua chúa hay đại thần, thân hữu hay bà con có thể đến dâng tài vật và mời gọi: Hãy đến, này người tốt kia, sao lại đi biểu diễn với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng các tài vật và làm phước đức!

Thưa chư Hiền, Tỷ kheo ấy được tu tập Tứ niệm xứ, được làm cho sung mãn Tứ niệm xứ thì không thể từ bỏ giới trở lui hoàn tục. Vì sao? Này chư Hiền, vì tâm người ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly.

Và thế nào là tu tập Tứ niệm xứ? Này chư Hiền, Tỷ kheo trú, quán thân trên thân, quán thọ trên các cảm thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, nhiếp phục tham ưu ở đời.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 8, phẩm Độc cư, phần Nhà bằng cây Sàla [lược], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.450)

### LỜI BÀN:

Thiền quán là cốt tủy của các phương thức tu tập thiền định Phật

giáo. Thế Tôn trở thành Bạc Giác ngộ cũng xuất phát từ 49 ngày đêm thiền quán dưới cội bồ đề. Và Tứ niệm xứ là một trong những nội dung quan trọng của thiền quán. Chính Thế Tôn đã khẳng định, một người tu tập viên mãn Tứ niệm xứ chỉ trong một tuần cũng có thể thành tựu giải thoát và đây là con đường duy nhất giúp chúng sanh vượt thắng phiền não, tiêu diệt khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết bàn.

Có thể nói, Tứ niệm xứ là cột sống nâng đỡ thân thể sự nghiệp xuất gia. Nội dung các pháp môn tu tập, dù đốn hay tiệm đều có mặt của những chất liệu Tứ niệm xứ. Niệm thân, thọ, tâm và pháp có công năng làm cho tâm xuôi về viển ly, hướng về viển ly như sông Hằng vốn xuôi về hướng Đông, không thể khác được.

Vì thế, trong cơn lốc cám dỗ vật chất của đời sống hiện đại, Tứ niệm xứ là một trong những thành lũy kiên cố và vững chãi nhất mà người tu cần phải nương tựa. Thực ra, người tu không ngại duyên trần mà chỉ lo nội tâm có vững vàng, chánh niệm hay không? Cuộc đời dẫu có mời gọi nhưng nếu nội tâm thanh tịnh, an trú Tứ niệm xứ, hướng về viển ly thì hành giả vẫn an nhiên, tự tại.

Để vượt qua dòng sông đời sanh tử với bọt bèo lợi danh đã có chiếc bè Tứ niệm xứ. Thế Tôn đã cho chúng ta chiếc bè, vượt sông đời qua đến bờ kia hay chìm ngấm giữa dòng là trách nhiệm của mỗi chúng ta.▶

### 3- MẠNG NGƯỜI TRONG HỜI THỞ

Một thời, Thế Tôn trú ở Nàdika, tại Ginjakàvasattha. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Niệm chết, này các Tỷ kheo, được tu tập, làm cho sung mãn, có quả báo lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử. Các Thầy hãy tu tập niệm chết.

Này các Tỷ kheo, các Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống trọn ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn đồ ăn khát thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Cho đến khi nào, sau khi thở vào, ta thở ra hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Như vậy, bạch Thế Tôn, con đã làm nhiều như vậy, tu tập niệm chết như vậy.

Này các Tỷ kheo, các Thầy cần phải tu học như sau: “Hãy sống không phóng dật, tu tập một cách sắc sảo niệm chết để đoạn tận lậu hoặc”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Cần phải nhớ, phần Niệm chết [1], VNCPHVN ấn hành 1996, tr.45)

**LỜI BÀN:**

Con người sống trên đời, ngoài hoài niệm quá khứ họ thường nghĩ đến tương lai. Một viễn cảnh tốt đẹp hơn sẽ đến với ta là niềm an ủi, hy vọng của nhiều người. Điều trở trêu là chưa biết các viễn cảnh ấy có xảy ra đúng như mong ước hay không nhưng chắc chắn một điều sẽ đến dù chúng ta không hề mong đợi, đó là cái chết.

Có tiêu cực chẳng khi nghĩ rằng ta sẽ chết? Làm sao vui sống khi không biết ngày mai và một cái chết mà không hẹn trước? Nhưng oái oăm thay điều ấy lại là sự thật, một sự thật phũ phàng của thân phận con người. Vì thế, đối diện với sự thật dù đó là mất mát và tang thương thì không có gì bi quan và tiêu cực cả mà có thể làm cho con người sống tích cực hơn.

Con người sở dĩ quá tham lam, hung hăng và ích kỷ bởi họ chìm đắm trong giấc mơ trường cửu, không thấy được sự mong manh, tạm bợ của kiếp người. Chỉ cần họ nhận ra một thoáng vô thường phù du thôi cũng đã giảm thiểu khổ đau do tranh danh, đoạt lợi. Nhân loại sẽ bớt khổ và thương nhau hơn nếu biết bình tâm nhìn lại chính mình, không có gì chắc chắn cả, ta và của ta cũng chỉ là bọt nước, là hoa đóm chợt còn chợt mất giữa hư không.

Đối với tuệ giác của Thế Tôn thì thọ mạng con người chỉ ngắn bằng hơi thở. Thở ra mà còn hít vào được thì biết rằng ta còn sống, còn nếu chỉ thở ra thôi và yên lặng thì xong một đời. Khi đã nhận thức được mạng người chỉ trong hơi thở, vậy thì phải làm ngay những việc cần làm, không chậm trễ, không hứa hẹn và cũng chẳng có gì quý giá hơn nữa để bám víu và tham đắm. Duy trì được sự quán niệm vô thường về thân mạng, con người sẵn sàng thông cảm, tha thứ, mở rộng vòng tay... Do vậy, quán chiếu về sự chết để an nhiên trong cuộc sống là một tuệ giác không thể thiếu trong mỗi người con Phật. ▀

## 4- TÂM CẤU UẾ

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana. Tại đây, Tôn giả Xá Lợi Phát dạy các Tỷ kheo:

Này chư Hiền, ở đời có bốn hạng người. Thế nào là bốn? Ở đây, có hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế”. Có hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế”. Ở đây, có hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế”. Lại nữa, có hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế”.

Này chư Hiền, hai hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế” và hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế” được gọi là hạng hạ liệt. Hai hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế” cùng hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế” được gọi là hạng ưu thắng.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Không uế nhiễm  
[lược], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.59)

### LỜI BÀN:

Trừ hàng Bồ tát với nguyện lực độ sanh mà tái sanh vào cuộc đời, còn lại tất cả chúng ta có mặt ở đời đều do nghiệp sanh. Vì lẽ ấy, cấu uế hay những phiền não tồn tại trong tâm mỗi con người là chuyện bình thường. Vấn đề là phương thức chuyển hóa những cấu uế đó thế nào, nhất là đối với những ai thiết tha với sự nghiệp thanh lọc và thăng hoa tâm.

Thế Tôn đã trao truyền một phương thức chuyển hóa cấu uế rất đơn giản và hiệu quả. Đó là thiết lập tuệ tri thường trực về thân

tâm. Tuệ tri là nhìn rõ, thấy biết thân tâm với sự tỉnh táo, tuệ giác và chánh niệm. Một sự nhận diện chính mình trung thực, nhận thức tự nội và ngoại giới như chính nó là tuệ tri. Chỉ cần tuệ tri, tự khắc chúng ta sẽ được soi sáng và biết “hãy tự mình thấp đước lên mà đi”.

Biết quay về nhìn lại chính mình, theo quan điểm của Thế Tôn, đó là hạng người ưu thắng. Tâm mình có phiền não, cấu uế hay không phải biết rõ, nếu có phải nỗ lực đoạn trừ còn nếu không thì phải cảnh giác với các cấu uế có thể khởi lên. Đây là cách “chăn” tâm hiệu quả nhất.

Ngược lại, không rõ biết về thân tâm của mình, ngay cả khi tâm vắng lặng mà không tuệ tri thì vẫn là hạng người hạ liệt. Sự hạ liệt ở đây là không nhận thức rõ cái ác đang hiện hữu và những ác pháp khác đang tiềm ẩn, sẵn sàng bùng phát bất cứ lúc nào. Một kẻ “chăn trâu” mà chẳng để ý, không thấy con trâu của mình thì rất nguy hiểm và đáng trách.

Trở về để thấy, hiểu, tìm lại chính mình là con đường tất yếu cho bất kỳ ai muốn tịnh hóa và thăng hoa tâm. Vì thế, trong vô vàn công việc, người con Phật phải thiết lập “hành nhi vô hành” và xác định “phản quan tự kỷ bốn phạm sự”.▲

## 5- NIỆM PHẬT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rừng Jetavana. Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Có một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật.

Chính một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

Có một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Pháp... niệm Tăng... niệm Giới... niệm Thí... niệm Thiên... niệm Hơi thở ra, Hơi thở vô... niệm Chết... niệm Thân... niệm An tịnh.

Chính một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 1, phẩm Một pháp, phần Niệm Phật, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.64)

### LỜI BÀN:

Niệm Phật là pháp môn tu học rất phổ biến của hàng Phật tử. Chỉ một pháp này, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn sẽ đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Niệm Phật được những người con Phật tu tập từ thời Thế Tôn còn tại thế và duy trì đến tận ngày nay.

Niệm Phật là nhớ nghĩ, quán tưởng, tâm niệm hướng về một đối



tượng duy nhất là Thế Tôn; với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp; với bốn tâm vô lượng, bốn đức vô úy, mười trí lực, mười danh hiệu... Tu tập niệm Phật sung mãn sẽ thành tựu chánh niệm tức viên mãn Bát Thánh đạo, chứng đắc thắng trí, Niết bàn.

Không riêng pháp môn niệm Phật mà niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Hơi thở ra - Hơi thở vô, niệm Chết, niệm Thân và niệm An tịnh... nếu được tu tập sung mãn đều có thể đạt đến giải thoát. Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn tu nhưng chỉ cần tu tập một pháp là viên mãn tất cả các pháp giống như trăm sông đều xuôi về biển và thuận nhất một vị mặn; vị an lạc, giải thoát, Niết bàn.

Trong truyền thống Phật giáo phát triển, tông Tịnh Độ chủ trương niệm Phật A Di Đà. Dù có đôi chút khác biệt so với phương thức niệm Phật nguyên thủy song vẫn kế thừa trọn vẹn tinh hoa và bản sắc của tinh thần niệm Phật thời Thế Tôn. Niệm danh hiệu Phật A Di Đà đến nhất tâm bất loạn là chánh niệm, cơ sở vững chắc của vãng sanh và giải thoát.

Mặt khác, chư Phật trong mười phương vốn đồng nhất thể, niệm một danh hiệu Phật tức đồng thời niệm vô lượng Phật. Theo lời Phật dạy, chỉ cần tu tập một pháp, tùy nhân duyên mà mỗi người có thể niệm Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Phật Dược Sư, Bồ tát Quán Thế Âm hoặc niệm Pháp, niệm Tăng. Với tất cả thành tâm, tinh tín, nỗ lực, tinh cần tu niệm một pháp thì chắc chắn người con Phật sẽ thành tựu chánh niệm và giải thoát sanh tử luân hồi. ▀

## 6- TRUNG ĐẠO

Một thời, Thế Tôn trú tại Rājagaha, núi Gijjhakūta. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sona ở tại rừng Sita, trong thiên đình, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Những ai là đệ tử Thế Tôn, phải sống tinh cần tinh tấn. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm điều công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức”.

Thế Tôn biết được tâm thối thất của Tôn giả Sona, liền đi đến trước mặt và dạy:

Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Có phải trước đây, khi còn là gia chủ, Thầy giỏi đánh đàn tỳ bà?

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi những sợi dây đàn quá căng, đàn của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi những sợi dây đàn quá chùng, đàn của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi những sợi dây đàn không quá căng, cũng không quá chùng, vặn đúng mức trung bình, khi ấy đàn của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

Thưa được, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy, này Sona, khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, Thầy phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng.

Sau đó, Tôn giả Sona trở thành một vị A la hán.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Đại,  
phần Sona, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.155)

### **LỜI BÀN:**

Tu tập cũng giống như thực hiện bất cứ một công việc nào khác đều đòi hỏi sự chuyên cần. Chính sự bền bỉ, tinh chuyên là nền tảng, bí quyết của thành công. Trong đó, ý chí là nhân tố quan trọng để duy trì và tăng trưởng sự tinh cần tinh tấn.

Đối với những người sơ học, ai cũng mang trong mình tâm nguyện chí thiết, ý chí kiên cường, quyết tâm và cố gắng hết mình để mong tìm ra chân lý. Tuy mong ước giải thoát, chứng ngộ trong thời gian ngắn nhất là điều tốt song dễ dẫn đến thực trạng “lực bất tòng tâm”. Vì rằng, tiến trình chuyển hóa để thăng hoa tâm linh tùy thuộc vào nghiệp lực của mỗi cá nhân nên có những trở ngại và nhanh chậm khác nhau. Do đó, nếu nỗ lực thái quá mà không đạt kết quả thường kéo theo hiệu ứng mệt mỏi đồng thời tạo ra cảm giác tự ti, thất vọng và dẫn đến thối thất. Ngược lại, nếu quá thụ động, thiếu tinh cần sẽ dẫn đến biếng nhác, nhàm chán, phó mặc thân phận cũng đưa đến thối thất, hoàn tục.

Đây là hai thái cực cần tránh trong công việc và nhất là trong tu tập. Chủ trương của Đức Phật trong tu tập là Trung đạo, xa lìa mọi cực đoan. Pháp thoại giữa Thế Tôn và Sona về việc sử dụng đàn tỳ bà là một trong nhiều ví dụ điển hình về tinh thần Trung đạo của Phật giáo. Đồng thời, đây cũng là bí quyết tu tập thành công của Tôn giả Sona và tất cả những người con Phật.▲

## 7- ĐẤT LÀNH CHIM ĐẬU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Chư Tỷ kheo, Ta sẽ giảng pháp môn về khu rừng. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được đoạn trừ không được đoạn trừ; vô thượng an ổn chưa chứng đạt không được chứng đạt và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách khó khăn. Tỷ kheo phải từ bỏ khu rừng ấy bất kể ngày hay đêm.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú không được an trú; ... (như trên) và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách dễ dàng. Tỷ kheo phải từ bỏ khu rừng ấy.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được đoạn trừ được đoạn trừ; vô thượng an ổn chưa chứng đạt được chứng đạt và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách khó khăn. Tỷ kheo phải ở lại khu rừng ấy.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú được an trú; ...(như trên) và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách dễ dàng. Tỷ kheo phải ở lại khu rừng ấy đến trọn đời.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Khu rừng [lược], số 17, VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.239)

**LỜI BÀN:**

Thời Thế Tôn còn tại thế, các Tỷ kheo đa phần sống du hành. Với hành trang chủ yếu là ba y và một bát, khát thực để nuôi thân, luôn di chuyển từ nơi này đến nơi khác là đặc trưng của đời sống xuất gia. Cũng có lúc các vị Tỷ kheo sống ở tinh xá hoặc nhà của thí chủ nhưng chủ yếu vẫn là các khu rừng bên ngoài những làng mạc, phố xá.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, nếu khu rừng nào mà không cải thiện được đời sống tâm linh, không thăng tiến về định tuệ thì dù cho nơi ấy có đời sống sung túc cũng phải từ bỏ ngay lập tức. Ngược lại, khu rừng nào mà nơi ấy sự tu tập ngày càng tiến bộ, dẫu đời sống khó khăn thì cũng nên ở lại, nếu đủ duyên thì có thể ở lại đến trọn đời.

Ngày nay, chư Tỷ kheo không còn ở rừng và du hành nữa mà thường ở cố định trong những già lam song kinh nghiệm về bốn khu rừng vẫn còn liên hệ mật thiết đến đời sống xuất gia. Do đó, nếu một Tỷ kheo không cảm nhận được sự tiến bộ tâm linh thì có quyền rời bỏ trụ xứ để tìm một nơi ở khác thích hợp.

Vì thế, những vị có trách nhiệm lãnh đạo các chùa viện ngoài việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, chăm lo đời sống vật chất cần đặc biệt quan tâm đến sự thăng hoa tâm linh của đại chúng. Sự ổn định và phát triển về phương diện vật chất tuy cần nhưng cần nhất vẫn là sự tiến bộ tinh thần.

Đất lành thì chim đậu. Cũng vậy, khu rừng nào có an lạc và giải thoát thì Tăng chúng tìm về nương tựa. Điều này lý giải cho việc có khá nhiều “khu rừng” hiện nay bên ngoài nguy nga, tráng lệ, sung mãn vật chất nhưng thiếu vắng chư Tăng bởi không kiến tạo được chất liệu an tịnh, giải thoát. ▀

## 8- UNG NHỌT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, Ngài cho gọi các Tỷ kheo.

Này các Tỷ kheo, ví như một ung nhọt đã trải qua nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng rạn nứt. Từ đấy có cái gì chảy ra? Chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy. Có cái gì nứt chảy? Chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Ung nhọt, này các Tỷ kheo, là đồng nghĩa với thân này do bốn đại tác thành, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, có chín miệng vết thương, có chín miệng rạn nứt. Từ đấy có cái gì chảy ra? Chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy. Có cái gì nứt chảy? Chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy nhàm chán thân này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ IV*, chương 9, phẩm Tiếng rống con sư tử, phần Ung nhọt, VNCPHVN ấn hành 1997, tr.116)

### LỜI BÀN:

Nếu được hỏi, trên đời cái gì là quý giá nhất hẳn ai cũng trả lời đó là sinh mạng, thân thể. Người ta có thể cho bất cứ vật gì mình sở hữu nhưng đối với thân mạng thì không. Vì một lẽ đơn giản, người làm ra của chứ của không làm ra người. Vì vô giá, nên con người rất thương mến, nâng niu, gìn giữ và luyến tiếc chính bản thân mình. Thân thể của tôi, đối với riêng tôi thật đẹp, thật quý

và bất khả xâm phạm.

Thương yêu và trân quý thân mạng là điều tốt đồng thời không biết quý trọng thân thể là tội lỗi. Nhưng quá tham đắm, thương tiếc, chấp thủ, chăm lo, vun vén cho riêng mình thì không nên. Bởi cuộc đời cần phải có sự cống hiến, sẻ chia, dâng tặng thậm chí có thể phải hy sinh vì hạnh phúc cho nhiều người. Muốn được vậy, cái tôi cá nhân phải nhỏ lại thì tình yêu rộng lớn mới có cơ hội mở ra. Cũng từ đây, con người mới có khả năng mang đến cho đời những hoa trái hạnh phúc.

Trong đạo lộ giải thoát, thân thể rất quan trọng, là chiếc bè đưa hành giả đến bờ giải thoát. Dù quý trọng nhưng không tham đắm và luyến ái sắc thân thì mới thoát ly ngã chấp và thành tựu trí tuệ. Theo tuệ giác Thế Tôn, thân này dầu được khéo léo che đậy, trang điểm hoàn hảo đến đâu thì bản chất của nó vốn không sạch sẽ, như một ung nhọt nhiều năm có chín miệng rạn nứt, rỉ chảy bất tịnh.

Thân thể là một ung nhọt thật sự được che đậy, bao bọc bằng một lớp da mỏng kiêu diễm bên ngoài. Chỉ cần một trầy xước nhỏ thôi là ung nhọt ấy sẽ vỡ ra. Hay dù cho khi thân thể vẹn toàn thì chín miệng của ung nhọt ấy là hai lỗ tai, hai mắt, hai lỗ mũi, miệng, tiểu tiện và đại tiện vẫn luôn thải ra bất tịnh. Duy trì thường trực quán về thân thể như vậy sẽ làm suy giảm dần đến chấm dứt sự tham ái và chấp thủ sắc thân.

Chấp thủ và luyến ái tự ngã, vun vén và tô bồi sắc thân là nguyên nhân của mọi khổ đau, luân hồi sanh tử. Nỗ lực quán sát, như thật tuệ tri về bất tịnh của thân thể để thoát ly tham ái là một trong những chìa khóa quan trọng của những người con Phật để mở cửa giải thoát, thành tựu Niết bàn. ▀





## **XII. TỰ**

## 1- TRÍ TUỆ LÀ TỐI THƯỢNG

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại ngôi làng tên Sàlà. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ví như trong loài bàng sanh, sư tử, vua các loài thú được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, tốc lực và đồng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

Và thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Này các Tỷ kheo, đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ kheo, trong loài bàng sanh, sư tử, vua các loài thú được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, tốc lực và đồng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ V*, chương 4, phẩm 6, phần Sàlà, NXB Tôn Giáo, 2000, tr.354)

### LỜI BÀN:

Giáo lý ngũ căn (tín, tấn, niệm, định và tuệ căn) là nền tảng căn bản, là nguồn gốc cho mọi thiện pháp phát sinh. Nói cách khác, ngũ căn là các pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

Giác ngộ là mục tiêu của tu tập ngũ căn và toàn bộ giáo lý Phật đà. Trong nội dung tu tập ngũ căn: Thiết lập niềm tin sâu sắc vào Tam bảo (tín), tinh cần thực hiện và thành tựu tất cả các điều lành trong cuộc sống (tấn), thực tập chánh niệm, đặc biệt là Tứ niệm xứ (niệm), chứng đắc và an trú Tứ thiên (định), đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp, rõ biết như thật về Tứ Thánh

đế (tuệ), tất cả không ngoài mục đích hướng đến giác ngộ.

Theo Thế Tôn, trong các pháp thuộc phần giác ngộ ấy, tuệ căn là tối thượng. Cũng như trong Bát Thánh đạo, chánh kiến dẫn đầu. Đành rằng, các pháp khác có tác dụng hỗ trợ rất tích cực cho tuệ giác phát khởi nhưng chỉ có tuệ giác mới giải quyết trọn vẹn vấn đề phiền não, sanh tử. Vì lẽ ấy, phương châm tu học của người con Phật luôn là “duy tuệ thị nghiệp”.

Do vậy, thiền quán, cơ sở của tuệ giác, là nội dung thực tập cần yếu nhất, không thể thiếu trong nội dung tu tập của người con Phật. Thiền quán, thực chất là sự tu tập tuệ căn (ngũ căn), chánh kiến (Bát Thánh đạo), tuệ (Tam vô lậu học). Tuệ giác của thiền quán (phát triển trên nền thiền chỉ-định) sẽ quét sạch mọi tham ái, vô minh. Thấy biết đúng như thật về bản chất của các pháp là duyên sanh, vô thường, khổ, không, vô ngã chính là tuệ giác. Ngay đây, sự thật về thân, tâm và thế giới hiển bày và hành giả vượt thoát mọi trói buộc của tham sân si, thành tựu giải thoát, giác ngộ. ▀

## 2- VÔ MINH & TUỆ GIÁC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai loại người ngu này. Thế nào là hai? Người thấy có phạm tội nhưng không thấy có phạm tội và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ kheo, có hai loại người ngu này.

Này các Tỷ kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội là thấy có phạm tội và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ kheo, có hai loại người có trí này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Người ngu, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.114)

### LỜI BÀN:

Trong quá trình phấn đấu vươn lên của nhân loại, tri thức là nhân tố quan trọng, có tính quyết định cho việc phát triển xã hội. Tuy nhiên, tri thức là một con dao hai lưỡi; nếu không được dẫn dắt và định hướng của đạo đức thì tri thức có thể mang đến bất hạnh cho con người. Thảm họa của vũ khí công nghệ cao có tác dụng hủy diệt hàng loạt đã minh chứng điều ấy. Vì thế, Phật giáo đặt trọng tâm vào sự nghiệp phát triển và thành tựu tuệ giác (trí tuệ) còn tri thức chỉ là phương tiện mà thôi.

Đối với những ai chân thật cầu tuệ giác thì phải thấy rõ những ác nghiệp của chính mình. Trừ những bậc Thánh, không ai trong chúng ta mà không có tội lỗi, chỉ khác biệt là nhiều hay ít nơi mỗi người. Vì thế, nhận ra những lầm lỗi và thừa nhận nó như một sự giới hạn, thấp hèn của tự thân là một sự tiến bộ, biểu hiện ban

đầu của tuệ giác. Trong trường hợp tự thân không nhận ra lầm lỗi thì phải mong cầu người khác chỉ lỗi, góp ý và soi sáng thêm. Bất kỳ ai, muốn cầu tiến thì phải biết lắng nghe; nhất là nghe cái dở, cái xấu... của chính mình. Người dám nói lên những điều chưa tốt của người khác với thành ý xây dựng, đúng lúc đúng nơi là người tốt đồng thời người biết tiếp thu những góp ý, phê bình và thẩm tri ân sự soi sáng ấy để kiện toàn là người có trí.

Tuy vậy, sự đòi thường “tốt khoe xấu che” nên lắm khi “lời ngay trái tai”. Nói thật, nói ngay thì dễ mất lòng thậm chí bị trừ dập, thù ghét bởi đa phần ai cũng bị tổn thương và mong muốn che đậy những hạn chế của mình. Người không thấy tội ác nên trượt dài vào hố thẳm đã đành nhưng nếu có đôi lần tâm chợt loé sáng, giật mình nhận ra tội lỗi thì cố che giấu. Kẻ thông minh tài trí mà ác tâm thì việc làm ác cùng che đậy tội lỗi của họ rất tinh vi, nguy trang khéo léo, nhằm thỏa mãn tham vọng nhiều hơn. Những hạng người này, dù có tri thức cao, theo Thế Tôn, vẫn là người thiếu trí, vô minh, không có tuệ giác.

Bậc trí, theo Thế Tôn, không nhất thiết là có tri thức cao bởi tri thức không đủ năng lực chuyển hóa được phiền não. Người có tuệ giác biết nhìn thẳng vào sự thật và chấp nhận sự thật ấy dù đau thương rồi nỗ lực chuyển hóa, thăng hoa. Hoa sen tinh khiết và ngát hương cũng vươn lên từ bùn lầy. Cũng vậy, tuệ giác cũng nở hoa từ bùn nhơ vô minh, tội lỗi khi con người dám nhìn thẳng, thừa nhận và chuyển hóa nó. ▀

### 3- CHÁNH TRI KIẾN

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do người khác làm. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Vì có sao?

Này các Tỷ kheo, đối với người có đầy đủ tri kiến, nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Mát lạnh, phần Tự làm, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.256)

#### LỜI BÀN:

Trước vô vàn biến động thuận nghịch trong cuộc đời, con người thường truy tìm cái nguyên do, vì đâu mà nên nỗi, rồi vui buồn, than vãn, trách mình và trách người. Khi thắng lợi thì vui sướng, tự hào rằng sự thành công này là nhờ mình; khi thất bại thì buồn bực bởi mất mát, thua thiệt này là do người, hoặc do mình một phần, hoặc do tự nhiên, số phận v.v...

Với tuệ giác Thế Tôn, người đầy đủ tri kiến thì không có những quan điểm như thế bởi họ đã thấu suốt quy luật Duyên sinh. Mọi sự vận hành, biến đổi của thân, tâm và thế giới đều bị chi phối bởi duyên sinh. Nói cách khác, nhân-duyên-quả với mối tương hệ chằng chịt, trùng trùng là nền tảng hình thành mọi hiện hữu. Do vậy, tất cả những vui buồn, được mất, hơn thua, thành công, thất bại... trên cuộc đời này đều không chỉ đơn thuần là do mình, do người hay do tự nhiên mà có. Nhận thức được sự thật này là thành tựu chánh tri kiến, có tuệ giác và vượt qua mọi khổ đau do nhận thức và quan điểm sai lầm tạo nên.

Thế Tôn từng dạy, những ai đến với giáo pháp của Ngài là để thấy chứ không phải để tin. Chính quan điểm đúng đắn, sự thấy biết chính xác sẽ dẫn đường cho tư duy và hành động đúng đắn, hướng đến Chân Thiện Mỹ. Vì thế, nỗ lực thiền quán để thấy rõ bản chất của các pháp là duyên sanh vô ngã là một trong những nội dung tu tập quan trọng hàng đầu. Trong 37 phẩm trợ đạo thì Bát Thánh đạo quan trọng nhất và trong Bát Thánh đạo thì chánh kiến là cốt tủy, bởi thấy được duyên khởi trong mọi sự sanh thành, hoại diệt chính là thấy Pháp, mà thấy Pháp tức thấy Như Lai.▲

## 4- KHÔNG PHẢI CỦA TÔI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Này các Tỷ kheo, cái gì không phải của các ông? Sắc, thọ, tưởng, hành và thức, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc.

Ví như, này các Tỷ kheo, có người gom cành, lá của Jetavana này đem đốt hay tùy duyên sử dụng. Các ông có nghĩ rằng đem đốt hay tùy duyên sử dụng chúng tôi?

Thưa không. Vì sao vậy? Vì những cái ấy không phải chúng con. Bạch Thế Tôn, những cái ấy không thuộc tự ngã chúng con.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, sắc, thọ, tưởng, hành và thức, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, các ông sẽ được hạnh phúc, an lạc.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ III*, chương 1, phẩm Không phải của các ông [lược], NXB Tôn Giáo, 2000, tr.67)

### LỜI BÀN:

Tuệ giác về duyên sinh pháp cho thấy vạn sự vạn vật đều tồn tại trong quan hệ hỗ tương, làm điều kiện cho nhau hình thành và hoại diệt. Do đó, không có bất cứ sự vật, hiện tượng nào trên đời là vĩnh hằng, thường trụ, thuần nhất và bất biến cả. Ngay đến bản thân con người, sinh mạng chúng ta đang hiện hữu đây cũng không phải của mình đích thực, thì nói chi đến những vật ngoài thân.

Con người là hợp thể của năm uẩn gồm thân thể (sắc), cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), tư duy (hành) và nhận thức (thức). Dưới



ánh sáng của thiền quán duyên sinh, con người là một sinh thể do năm uẩn này hòa hợp mà thành. Đã là hòa hợp tất không có ngã tính hay linh hồn bất tử nơi con người. Vậy, tôi hay của tôi chỉ là sự chấp thủ do vô minh và tham ái sâu dày che lấp. Chính sự chấp thủ về tôi và của tôi là cơ sở, cội nguồn của mọi khổ đau.

Nhìn sâu hơn, mỗi thành phần của hợp thể năm uẩn cũng do nhiều nhân duyên khác tạo nên. Đơn cử như thân thể (sắc) phát triển nhờ thức ăn từ bên ngoài, cảm giác (thọ) được tạo ra khi hội đủ duyên tiếp xúc giữa các giác quan (căn) và đối tượng giác quan (trần). Quán chiếu sâu sắc vào chính bản thân mình, chúng ta sẽ thấy được sự thật của “cái tôi” là duyên sinh, vô ngã.

Vì thế Đức Phật dạy chúng ta hãy từ bỏ năm uẩn. Từ bỏ ở đây chính là không chấp thủ, càng buông xả thì con người càng được thanh thoi, an vui và hạnh phúc. Vì nghiệp lực và vô minh che lấp, con người luôn chấp thủ “cái tôi” và tin tưởng vào sự nắm giữ và làm giàu có “cái của tôi”, xem như đó là nền tảng của hạnh phúc. Nhưng sự thật không phải như vậy, càng nắm giữ thì con người càng khổ đau.

Do vậy, tuệ giác thiền quán vô ngã là liệu pháp duy nhất để hướng đến hạnh phúc, an vui đích thực. ▴

## 5- TU TẬP TÁNH KHÔNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana. Rồi cư sĩ Dhammadina với năm trăm cư sĩ đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, hãy giảng dạy cho chúng con, hãy giáo giới cho chúng con. Nhờ vậy, chúng con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Này Dhammadina, các ông cần phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa Không, cần phải thường được tìm đến và an trú (học hỏi). Như vậy, này Dhammadina, các ông cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ V*, chương 11, phẩm Với trí tuệ, phần Dhammadina [trích], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.591)

### LỜI BÀN:

Không phải đợi đến thời kỳ Phật giáo Phát triển (Đại thừa) mà ngay trong thời Thế Tôn, Ngài đã khai thị về lý Không (Sùnyatà). Pháp thoại này đã cho thấy vấn đề cốt tử nhất, tinh yếu nhất của Đại thừa là tánh Không đã được Thế Tôn truyền trao, khuyến tấn tu tập không những cho hàng xuất gia mà ngay cả những Phật tử tại gia.

Có thể nói, học thuyết tánh Không thể hiện bằng bạc trong *Bát Nhã, Trung quán luận* v.v... là hoa trái của lời dạy “Các ông cần phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa Không, cần phải thường được tìm đến và an trú (học hỏi)”. Và như thế, chúng ta không lạ gì khi vị Tổ sư học thuyết tánh Không của Đại thừa, Bồ tát Long Thọ (Nàgàrjuna) được tôn xưng là Đệ nhị Thích Ca.

Mặt khác, giáo lý Vô ngã vốn được triển khai từ rất sớm đồng thời là nền tảng căn bản nhất của phương thức tu tập và nhận thức theo kinh tạng Nikàya lại chính là cơ sở của tánh Không. Từ đây, người học Phật dễ dàng nhận ra sự liên hệ mật thiết, có tính kế thừa trọn vẹn tinh thần Phật giáo Nguyên thủy trong hệ thống kinh tạng Phật giáo Phát triển.

*Bát Nhã Tâm kinh* đề cập đến Bồ tát Quán Tự Tại nhờ “chiếu kiến ngũ uẩn giai không” nên vượt thoát mọi khổ ách. Tuệ giác tánh Không là công cụ hữu hiệu nhất để quét sạch mọi tư duy hữu ngã (cội nguồn của khổ đau) và xua tan bóng tối phiền não, tham ái, vô minh. Do vậy, muốn Dhammadina cùng năm trăm cư sĩ chúng đạt hạnh phúc và an lạc lâu dài, Thế Tôn đã khuyến tấn họ tu tập lý Không.

Thực tập thiền quán vô ngã nhằm trực nhận vô ngã tính (tánh Không) trong thân tâm cùng tất cả vạn pháp là chìa khóa để vượt thoát ngục tù sanh tử khổ đau. Vì vậy nghiên cứu, học hỏi và thực tập thiền quán để an trú vào tánh Không, thành tựu tuệ giác vô ngã là nhiệm vụ trọng tâm của tất cả những người con Phật.▲

## 6- NGƯỜI MÙ SỜ VOI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ có một số đông các Sa môn, Bà la môn và các du sĩ ngoại đạo vào thành Sàvatthi để khát thực. Họ có nhiều quan điểm, sở thích và nương tựa vào các quan niệm khác nhau. Do đó, họ luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp...

Các Tỷ kheo sau khi khát thực ở Sàvatthi, trở về kể lại với Thế Tôn. Ngài dạy:

Này các Tỷ kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết pháp và không biết phi pháp...

Này các Tỷ kheo, thuở xưa cũng tại thành Sàvatthi này, có một ông vua đã cho nhóm họp các người mù lại rồi sai người dắt đến một con voi. Sau khi sờ voi, những người sờ được cái đầu nói con voi như cái ghè; những người sờ được cái tai bảo con voi như cái sàng gạo; những người sờ được cái ngà nói con voi như lưỡi cày; những người sờ được cái bụng bảo con voi như cái trống; những người sờ được cái chân nói con voi như cái cột; những người sờ được cái đuôi bảo con voi như cây chổi...

Này các Tỷ kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết pháp và không biết phi pháp. Do đó, họ mới luận tranh, đấu tranh ...

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, kinh Phật Tự Thuyết, chương 6, phẩm Sanh ra đã mù, NXB TP.HCM, 1999, tr.238)

### LỜI BÀN:

Một con người dù thông thái đến mấy cũng khó mà nhận thức hết

mọi sự vật và hiện tượng của thế giới. Nhất là ngày nay khi sự chuyên môn hóa được phát huy đến cao độ thì càng khó khăn cho một người có được kiến thức bách khoa. Do đó, phải hết sức dè dặt và khiêm tốn với kiến thức giới hạn của chính mình.

Bảo vệ một quan điểm triết học hay một niềm tin tôn giáo là điều nên làm nhưng cực đoan cho quan điểm và niềm tin của mình là vô địch là điều nên tránh. Vì rằng sự thấy biết của con người rất giới hạn, chỉ thấy biết đơn tuyến mà không lĩnh hội được toàn thể. Cũng như những người mù kia, thấy biết về con voi của họ không sai nhưng chỉ đúng mỗi một phần.

Đối với sự nghiệp tu học, cảm nhận về sự chứng ngộ, thể nhập chân lý cũng có sâu cạn khác nhau nơi mỗi cá nhân. Trong bối cảnh có khá nhiều sự phê phán, luận chiến về tư tưởng, đường lối, pháp môn và mức độ chứng đắc... khiến cho không ít người hậu học hoang mang. Thiết nghĩ, khi chưa đạt đến toàn giác như Đức Phật thì người tu cũng nên thận trọng và khiêm hạ khi đánh giá về pháp môn và sở đắc của người khác. Bởi lẽ, đa phần chúng ta cũng đều là người mù trong biển giác bao la.▲

## 7- VÔ MINH LÀ CẤU ỨẾ LỚN NHẤT

Một thời, Thế Tôn ở Vesàli, tại Mahavàna, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có tám cấu ứế này. Thế nào là tám?

Này các Tỷ kheo, không đọc tụng là cấu ứế của Thánh điển; không thức dậy là cấu ứế của nhà; biếng nhác là cấu ứế của dung sắc; phóng dật là cấu ứế của phòng hộ; ác hạnh là cấu ứế của đàn bà; xan tham là cấu ứế của bố thí; các ác pháp là cấu ứế của đời này và đời sau. Nhưng này các Tỷ kheo, còn có cấu ứế lớn hơn các cấu ứế, vô minh là cấu ứế lớn nhất.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 8, phẩm Lớn, phần Các cấu ứế [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.553)

### LỜI BÀN:

Cấu ứế tức các phiền não nói chung là nhân tố chính làm trở ngại sự thăng hoa tâm trong lộ trình tu tập. Tâm của chúng ta có vô vàn cấu ứế, mỗi loại có một ảnh hưởng đến một khía cạnh khác nhau trong quá trình thanh lọc tâm. Chung quy cấu ứế là dơ bẩn, làm trở ngại, chướng ngại thanh tịnh cần phải chuyển hóa, loại trừ.

Không tìm hiểu, nghiên tâm để nhận thức đúng đắn về giáo pháp là một chướng ngại. Giáo pháp giải thoát của Thế Tôn thật quý giá nhưng sự tôn kính giáo pháp phải được thể hiện nơi học tập, tìm ra con đường và thân chứng. Vì thế, Thánh điển sẽ không phát huy tác dụng, thậm chí bị mai một dần nếu chúng ta thỉnh về chỉ để... thờ.

Các phương diện khác của đời sống cũng vậy, từ nhà cửa cho đến thân thể sẽ bị biếng nhác, giải đãi làm cho cấu ứế. Sự buông thả,

phóng túng sẽ trở ngại việc phòng hộ, giữ gìn; giữ sáu căn không loạn động khi tiếp xúc với trần cảnh. Tâm ích kỷ, ganh tỵ cùng với những hành động xấu ác sẽ làm hoen ố nhân cách con người. Sự xan tham sẽ làm chùn tâm bố thí, những ý niệm tốt đẹp về san sẻ dễ dàng bị lòng tham che lấp, ngăn ngại. Và những điều xấu ác đang xảy ra trong hiện tại chắc chắn sẽ làm cấu bẩn sự tốt đẹp, tươi sáng ở tương lai.

Tuy nhiên, cấu uế lớn nhất và chi phối mạnh mẽ nhất đối với mọi lãnh vực hoạt động của con người đó là vô minh. Chính sự si ám, không sáng suốt, thiếu tuệ giác là cội nguồn của tham ái, chấp thủ và cấu uế. Mọi khổ đau của chúng sanh đều bắt nguồn từ vô minh. Vì thế, đoạn trừ vô minh để khai mở tuệ giác là trọng tâm của tu tập. Do vậy, chúng ta không lạ khi phương châm tu học của hàng Phật tử luôn là “Duy tuệ thị nghiệp”.▲

## 8- BỌT NƯỚC

Một thời, Thế Tôn ở Ayujjaya, trên bờ sông Hằng. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Ví như, này các Tỷ kheo, sông Hằng này chảy mang theo đồng bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đồng bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đồng bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Này các Tỷ kheo, làm sao có lõi cứng trong đồng bọt nước được?

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, phàm có sắc, thọ, tưởng, hành và thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ kheo thấy sắc (thọ, tưởng, hành và thức) chuyên chú, như lý quán sát về sắc (thọ, tưởng, hành và thức). Do vị Tỷ kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc (thọ, tưởng, hành và thức), sắc (thọ, tưởng, hành và thức) ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ kheo, lại có lõi cứng trong sắc (thọ, tưởng, hành và thức) được?

Thấy vậy, này các Tỷ kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ III*, chương 1, phẩm Hoa, phần Bọt nước, NXB Tôn Giáo 2000, tr.252)0

### LỜI BÀN:

Con người và thế giới khách quan vốn hiện hữu, vận động theo quy luật thành, trụ, hoại, không song nhận thức về điều ấy lại



khác nhau tùy theo nghiệp của mỗi người, ít có ai nhận thức đúng như thật về tự thân và hiện tượng giới. Chính nhận thức chủ quan, nhuộm màu tự ngã là nguyên nhân để phát khởi tham ái, cội nguồn của mọi khổ đau.

Gốc rễ của mọi bất hạnh giáng xuống thân phận con người xuất phát từ nhận thức sai lầm rằng có một cái là tôi, là của tôi, là tự ngã của tôi trong và ngoài tấm thân ngũ uẩn. Thực ra, theo tuệ giác của Thế Tôn thì cái mà chúng sanh luôn lầm chấp là tôi, của tôi và tự ngã của tôi thực chất là rỗng không, trống không, không có lõi cứng. Chính tuệ quán vô ngã về ngũ uẩn đã làm bật tung mọi sự che đậy của vô minh, làm phơi bày mọi ngõ ngách của năm ấm, hiển lộ thực tướng vô ngã.

Nhận thức về vô ngã tướng có thể thực hiện được trong cuộc sống hàng ngày. Bởi tự thân của vạn pháp vốn như thế, do duyên sanh, giả có và không thật. Không có mấy khác biệt giữa cái ta ngũ uẩn và đồng bọt nước lơ lững trôi trên dòng sông Hằng. Đồng bọt nước ấy tuy có nhưng thực ra chỉ là sự tích tụ của vô số bong bóng nước, sẽ lần lượt vỡ tan dưới ánh sáng mặt trời. Cũng vậy, cái ta ngũ uẩn mà chúng ta hằng yêu thương, chấp thủ cũng không nằm ngoài cấu trúc bong bóng nước ấy. Chỉ cần chuyên chú, quan sát tinh tế tự thân trong sâu lắng của chánh niệm là chúng ta sẽ tỉnh thức về một sự thật giản dị là không có một cái gì thường hằng, bền chắc trong tứ đại, ngũ uẩn. Chúng có đấy nhưng duyên hợp, vô thường, giả có và không thật.

Hàng đệ tử Phật phải luôn chánh niệm, quán chiếu về vô ngã. Nếu duy trì thường trực tuệ quán về vô ngã tính của tự thân và vạn pháp thì sẽ không còn chấp thủ ngũ uẩn, thoát ly được tâm lý tham ái và chấm dứt mọi khổ đau, thành tựu giải thoát, giác ngộ.▲

## 9- CÓ & KHÔNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ kheo, người nói pháp không tranh luận với bất cứ một ai ở đời.

Này các Tỷ kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là không, Ta cũng nói là không; cái gì người có trí ở đời chấp nhận là có, Ta cũng nói có.

Và này các Tỷ kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc, thọ, tưởng, hành và thức là thường còn, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là không.

Này các Tỷ kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là không, Ta cũng nói là không.

Này các Tỷ kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc, thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là có vậy.

Này các Tỷ kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là có, Ta cũng nói là có.

Ở trong đời, này các Tỷ kheo, có thế pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị.

Sắc thọ tưởng hành và thức, này các Tỷ kheo, là thế pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị. Và những ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị như vậy, vẫn không biết, không thấy, với người ấy, Ta xem là

phàm phu, mù lòa, không có mắt.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ III*, chương 1, phẩm Hoa, phần Bông hoa [lược], NXB Tôn Giáo, 2000, tr.249)

### **LỜI BÀN:**

Thế Tôn tuyên thuyết giáo pháp dựa trên nền tảng tuệ giác mà Ngài đã chứng ngộ. Vì thế, giáo pháp không phải là sản phẩm của tư duy, thiên về luận lý như một học thuyết mà đơn thuần chỉ là những kinh nghiệm về con đường vượt thoát khổ đau, là trải nghiệm của người đã đi qua và đã chứng đạt.

Với tuệ giác giải thoát, vạn pháp đều bị chi phối bởi vô thường, là khổ và hoàn toàn vô ngã. Đó là một sự thật khách quan, là cái thấy biết và chứng tri của bậc Giác ngộ về các pháp. Vì thế, khi tuyên thuyết có và không, Thế Tôn vẫn giữ một lập trường duy nhất là năm uẩn đều không, vô thường và vô ngã.

Tất nhiên, đối với những ai đã từng chấp nhận có một tự ngã, cái tôi hay linh hồn trường cửu, bất biến thì tuyên bố về sự thật vô ngã của Thế Tôn quả là sấm sét. Nhưng không phải ai cũng có đủ duyên lành để có thể mở to đôi mắt trần thế nhìn thẳng vào sự thật, thấy rõ sự vận động tương tục không gián đoạn và tính chất duyên sinh của năm uẩn. Vì thế, ngoài những bậc trí, còn lại đa phần chúng ta tuy có mắt mà như mù.

Có và không chỉ là thế pháp, vì thuận theo thế gian trong sự thật tương đối Thế Tôn có thể nói có và không nhưng cốt tủy của sự chứng tri vẫn là các pháp đều Không.▲

## 10- TÀM VÀ QUÝ

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hai pháp này là pháp đen. Thế nào là hai? Không tầm và không quý.

Và này các Tỷ kheo, hai pháp này gọi là pháp trắng. Thế nào là hai? Tầm và quý.

Hai pháp trắng này, này các Tỷ kheo, che chở cho thế giới. Nếu không có hai pháp trắng này che chở cho thế giới thì không thể chỉ ra được đây là mẹ hay là em hoặc chị của mẹ, đây là vợ của anh hay em, đây là vợ của thầy hay vợ các vị tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa các loài dê, heo, chó, gà, vịt.

Này các Tỷ kheo, vì có hai pháp trắng này che chở, nên mới có thể chỉ được đây là mẹ hay là em hoặc chị của mẹ, đây là vợ của anh hay em, đây là vợ của thầy hay vợ các vị tôn trưởng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hình phạt, phần Hai loại tội [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.100)

### LỜI BÀN:

Biết hổ thẹn là một nhân tố quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của con người. Tầm là biết hổ thẹn với chính mình và quý là biết hổ thẹn, sợ hãi với người khác. Nhờ biết hổ thẹn nên chúng ta có thể vượt thắng, làm chủ được bản thân trước những thôi thúc của tham lam, sân hận và si mê.

Trong mỗi chúng ta đều tồn tại hai thế lực đen và trắng này. Giữa thanh thiên bạch nhật, hầu hết chúng ta đều thể hiện sự ý tứ, sợ người khác chê cười, phê phán, chỉ trích hoặc lên án (quý). Người

mà vô cảm trước dư luận, bỏ ngoài tai mọi sự chê cười, mai mỉa của người đời (vô quý) thì xem như... cùn, sống bên lề xã hội hoặc bị tâm thần. Có thể nói, khi có ý thức về mình và xã hội thì sự xấu hổ, biết thẹn với người còn cơ may hiện hữu.

Cái khó là khi đối diện với chính mình, ta có tự vấn lương tâm, xấu hổ và thẹn thùng với điều chỉ mình biết hay không? Lẽ thường ở đời là khi vụ việc chưa đổ bể ra thì xem như con người ta vô cùng trong sáng, chân chính và thánh thiện. Thậm chí tồn tại khá phổ biến quan niệm những việc làm tội lỗi nhưng qua mặt được pháp luật thì xem như không có tội tình gì.

Phải can đảm và trí dũng lắm người ta mới sống với lương tri, nhận ra những sai trái của chính mình để từ bỏ dù chưa ai biết hoặc không hề biết. Đức tính quý báu ấy gọi là tâm, phải tỉnh thức thật nhiều mới nhận ra và thực hành được điều ấy trong đời sống hàng ngày. Biết xấu hổ với mình trước những tội lỗi là nền tảng đạo đức căn bản của cá nhân và xã hội.

Thế Tôn đã khẳng định nếu không hổ thẹn với chính mình và mọi người thì con người chẳng khác nào cầm thú, thế giới sẽ đi đến hỗn loạn. Do đó, thực tập nội quán, phản tỉnh, nhìn lại mình, tự vấn lương tâm nhằm chặn đứng những điều xấu ác chính là nội dung thiền quán về tuệ học của Phật giáo mà mọi người trong xã hội cần ứng dụng để tự kiện toàn nhân cách.▲

## 11- TUỆ GIÁC VÔ NGÃ

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipitana, chỗ vườn Nai. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến, sau khi đảnh lễ, thưa Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Thế Tôn im lặng. Sau khi hỏi lại lần thứ hai, Thế Tôn cũng im lặng, du sĩ Vacchagotta liền đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du sĩ ra đi, hỏi Thế Tôn vì sao không trả lời câu hỏi của du sĩ Vacchagotta.

Này Ananda, nếu Ta trả lời “có tự ngã” như vậy thuộc về chấp thường kiến. Và nếu Ta trả lời “không có tự ngã” như vậy thuộc về chấp đoạn kiến.

Lại nữa, này Ananda, nếu Ta trả lời “có tự ngã”, như vậy, câu trả lời của Ta có phù hợp với trí tuệ “Tất cả các pháp là vô ngã”? Và nếu Ta trả lời “không có tự ngã”, như vậy, lại làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngờ ngác, bối rối hơn nữa: “Trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 10, phần Ananda [lược], NXB Tôn Giáo, 2001, tr.619)

### LỜI BÀN:

Không phải ngẫu nhiên mà sau khi thành đạo, Thế Tôn đã không vội vàng thuyết pháp, bởi chúng sanh nghiệp chướng sâu dày, thật khó lãnh hội được tuệ giác duyên khởi-vô ngã. Và cho đến về sau, không phải với bất cứ ai, Ngài cũng triển khai về điều này, trừ những trường hợp đủ duyên lành, có thể lãnh hội được. Vì thế, Ngài đã im lặng trước câu hỏi của du sĩ Vacchagotta và cũng không ít người khác đương thời.

Tự ngã, linh hồn hay cái tôi trường cửu bất diệt là tín điều ăn sâu

vào cốt tủy của những ai tin tưởng vào thần linh sáng tạo. Trong vòng luẩn quẩn của tư duy thì chỉ có hai phạm trù cơ bản là có và không, thật nan giải để nói Không-vô ngã đối với vấn đề tự ngã.

Nếu nói có ngã lập tức rơi vào chấp thường, nói không có ngã tức rơi vào chấp đoạn, mà chấp thường hay đoạn cũng đều là tà kiến. Mặt khác, nói có ngã thì trái với sự thấy biết vô ngã của Phật, nói không có ngã thì làm cho người nghe hoang mang, mất chỗ bám víu; tốt nhất là im lặng.

Các thiên sư đời sau ứng cơ khai thị mà không ít người ngộ nhận cho là cuồng thiên, tà đạo thực chất thì cũng học theo Phật, bởi im lặng không nói như Phật hay “nói nhảm” hoặc đánh cho một gậy thì cũng giống nhau. Vô ngã là tuệ giác, là chứng ngộ sự thật chứ không phải để hiểu, nhận thức. Vì thế, nếu triển khai về lý thuyết vô ngã đại để như “giả có, duyên sanh, không thực thể...” cũng chỉ là “ngón tay chỉ mặt trăng”.

Do vậy mà Phật im lặng thuyết pháp, bài pháp vô ngôn này lại hay tuyệt cùng trong trường hợp này. Không phải có, chẳng phải không, vậy tự ngã là cái gì? Cứ tư duy về điều ấy đi, là cái gì thì mỗi người tự cảm nhận lấy, biết đâu sẽ bùng vỡ ra một cái gì đó vượt ngoài có không của tư duy hữu ngã.▲

HẾT TẬP I